TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

BÁO CÁO
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐỀ TÀI:

TÌM HIỂU HỆ THỐNG ĐÌNH Ở THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TRONG TỔNG THỂ TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI

PHẠM THỊ KIM UYÊN

BIÊN HÒA, THÁNG 11 NĂM 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

BÁO CÁO

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐỀ TÀI:

TÌM HIỂU HỆ THỐNG ĐÌNH Ở THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TRONG TỔNG THỂ TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI

SVTH : PHẠM THỊ KIM UYÊN

GVHD : TH.S PHẠM THỊ BÍCH HẰNG

BIÊN HÒA, THÁNG 11 NĂM 2013

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp là bước cuối cùng để đánh dấu sự trưởng thành của một sinh viên ở giảng đường Đại học. Để trở thành một cử nhân đóng góp những gì mình đã học góp phần cho sự phát triển của đất nước.

Trong suốt hơn 4 năm em được học tập và rèn luyện ở trường Đại Học Lạc Hồng, em đã được học hỏi kiến thức và kinh nghiệm quý báu từ kiến thức chuyên môn đến những lời chỉ bảo ân cần để em hoàn thiện nhân cách sống từng ngày, nhất là trong những hoạt động thực tế của nhà trường và Ban Lãnh đạo Khoa tổ chức cho sinh viên chúng em để chúng em có thể tự tin, mạnh dạn trong công việc của mình. Đó là sự biết ơn vô cùng to lớn của chúng em.

Lời đầu tiên cho phép con xin được gửi lời cám ơn đến Bố kính yêu và các Anh Chị đã luôn động viên, tạo điều kiện cả về tinh thần và vật chất để con được học tập và rèn luyện trên suốt quãng đường sinh viên của con trên giảng đường Đại học.

Sau đó, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo nhà trường, Ban lãnh đạo Khoa Đông Phương học đã hướng dẫn và tạo điều kiện cho em được hoàn thành khóa học năm 2009 – 2014.

Em cũng xin được gửi gắm tình cảm chân thành đến Quý Thầy Cô chuyên ngành Việt Nam Học đã tận tâm truyền đạt kiến thức để em có thể tiếp thu một cách hiệu quả nhất.

Và đặc biệt, cho em gửi lời tri ân chân thành từ tận đáy lòng mình đến Cô Giáo kính yêu của em, cô đã cùng đồng hành với em trong suốt 4 năm trên giảng đường Đại học và là giáo viên hướng dẫn Nghiên Cứu Khoa Học cho em. Cô Th.S Phạm Thị Bích Hằng. Cô đã dẫn dắt em trong học tập cũng như nghiên cứu, lúc đầu em còn gặp nhiều

khó khăn nhưng cô luôn động viên, chỉ bảo tận tình hướng dẫn em với tất cả lòng nhiệt huyết của mình để truyền đạt kiến thức cho em. Cô đã tạo điều kiện hết sức có thể để em sử dụng hết tư duy sáng tạo của mình nhằm tìm ra những ý tưởng mới có giá trị trong đề tài Nghiên Cứu Khoa Học của em để em có thể hoàn thành tốt và đạt hiệu quả cao trong bài luận văn của mình. Một lần nữa em xin chân thành biết ơn Cô rất nhiều.

Mặc dù em có cố gắng nhưng do trình độ, kỹ năng của bản thân em còn rất nhiều hạn chế nên chắc chắn đề tài tốt nghiệp này của em không tránh khỏi những hạn chế thiếu sót. Em rất mong được sự đóng góp, chỉ bảo, bổ sung thêm của Quý Thầy Cô và các bạn.

Em xin chân thành cản ơn!

Sinh viên thực hiện

Phạm Thị Kim Uyên

MỤC LỤC

DẪN LUẬN

1. Lý do chọn đề tài 1
2. Lịch sử nghiên cứu đề tài 2
3. Mục tiêu nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu 4
4. Phương pháp nghiên cứu 5
5. Đóng góp của đề tài 6
6. Bố cục 7

CHƯƠNG I NHỮNG TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1 Khái niệm chung 8

1.1.1 Đình theo văn hóa của người Việt 8

1.1.2 Đình theo văn hóa của người Hoa 11

1.2 Đình Bắc Bộ và đình Nam bộ 12

1.2.1 Đình Bắc bộ 12

1.2.2 Đình Nam bộ 18

1.2.3 So sánh đình ở Bắc bộ và đình ở Nam bộ 21

1.2.3.1 Những điểm tương đồng 22

1.2.3.2 Những điểm khác biệt 22

1.3 Khái quát về TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai 27

1.3.1 Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên 29

1.3.2 Đặc điểm kinh tế - văn hóa – xã hội của TP. Biên Hòa – Đồng Nai 33

1.3.3 Cấu trúc thành phần dân cư trên vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai 37

CHƯƠNG II: ĐẶC ĐIỂM HỆ THỐNG ĐÌNH Ở TP.BIÊN HÒA

2.1 Giới thiệu hệ thống đình ở TP. Biên Hòa 43

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển đình ở TP. Biên Hòa 46

2.1.2 Số lượng và phân bố 48
2.1.3 Các loại đình trong hệ thống đình ở Biên Hòa 52
2.2 Một số đình tiêu biểu ở Biên Hòa 65
2.2.1 Đình Bình Kính 65
2.2.2 Đình Tam Hiệp 70
2.2.3 Đình Mỹ Khánh 74
2.2.4 Đình An Hòa 78
2.3 Giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội của hệ thống đình ở Biên Hòa 83
2.3.1 Giá trị lịch sử 83
2.3.2 Giá trị văn hóa 85
2.3.3 Giá trị du lịch gắn kết cộng đồng xã hội 86
CHƯƠNG III: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO HỆ THỐNG ĐÌNH ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA TP.BIÊN HÒA.
3.1 Vai trò của hệ thống đình trong phát triển du lịch của Thành Phố Biên Hòa 88
3.1.1 Đánh giá chung về vai trò và các loại hình du lịch ở TP. Biên Hòa 88
3.1.1.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên 88
3.1.1.2 Tài nguyên du lịch nhân văn 91
3.1.2 Vai trò của hệ thống đình trong phát triển du lịch của TP. Biên Hòa 94
3.2 Thực trạng về việc quản lý bảo tồn các di tích 95
3.3 Những chính sách đã có và giải pháp đã có trong việc bảo tồn và khai thác di tích đình để phát triển du lịch 104
3.3.1 Những giải pháp đã được đề xuất 105
3.3.2 Những đề xuất của người viết 110
KẾT LUẬN 122
TÀI LIỆU THAM KHẢO
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA ĐỀ TÀI 130

DANH MỤC HÌNH ẢNH

1. Hình ảnh

Hình 1.1: Đình của người Việt 8
Hình 1.2: Đình của người Trung Quốc 11
Hình 1.3: Hát Bội trong lễ hội Kỳ Yên – Nét nghệ thuật đặc sắc ở hội lễ văn nghệ đình Nam bộ 21
Hình 1.4: Bản đồ TP.Biên Hòa 31
Hình 1.5: Kiến trúc đình ba gian ở Biên Hòa 37
Hình 1.6: Kiến trúc nhà ở kiểu ba gian ở Biên Hòa 37
Hình 2.1: Bản đồ phân bố hệ thống đình ở Biên Hòa 51
Hình 2.2: Bức tượng đài Nguyễn Tri Phương ở đình Mỹ Khánh 58
Hình 2.3: Bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền ở Đình Tân Lân 59
Hình 2.4: Sắc phong của đình Tân Lân 61
Hình 2.5: Đình Tân Lân – Biên Hòa mang đặc điểm văn hóa Việt – Hoa 64
Hình 2.6: Đình Bình Kính hay còn gọi là Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh 67
Hình 2.7: Nhà Bia ở Đình Bình Kính (Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh) 70
Hình 2.8: Đình Tam Hiệp hay còn gọi là Đền thờ Đoàn Văn Cự - Biên Hòa 71
Hình 2.9: Đình Mỹ Khánh hay còn gọi là Đền thờ Nguyễn Tri Phương 75
Hình 2.10: Đình An Hòa - Ngôi đình bảo tồn những đặc điểm kiến trúc dân tộc 80
Hình 3.1: Tham quan khu di lịch Vườn Xoài – Biên Hòa 89
Hình 3.2: Sức hấp dẫn của làng bưởi Tân Triều 90
Hình 3.3: Khu Du lịch Bửu Long 91
Hình 3.4: Văn Miếu Trấn Biên 91
Hình 3.5: Chùa Ông – Biên Hòa 92
Hình 3.6: Mộ Cổ Hàng Gòn 92
Hình 3.7: Làng Gốm Biên Hòa 93

Hình 3.8: Làng Đá Bửu Long 93
Hình 3.9: Các ngôi đình vẫn đóng kín cổng cao tường như thế này 96
Hình 3.10: Vệ sinh trong đình còn rất kém 100

2. Bảng biểu

Bảng 1.1: Tổng hợp các đặc trưng khác nhau giữa đình Bắc bộ - Nam bộ 25
Bảng 2.1: Số lượng và phân bố đình ở TP. Biên Hòa 50
Bảng 2.2: Đối tượng thờ cúng trong đình ở Biên Hòa 53
Bảng 3.1: Khi đến với Biên Hòa, du khách sẽ lựa chọn địa điểm nào? 98
Bảng 3.2: Mục đích của du khách khi đến với các di tích đình ở Biên Hòa 99
Bảng 3.3: Phân tích SWOT 101
Bảng 3.4: Tour 1 ngày tham quan các di sản văn hóa bằng đường bộ 116
Bảng 3.5: Tour 2 ngày tham quan các di sản văn hóa bằng đường bộ 117

DẪN LUẬN

1. Lý do chọn đề tài

Đất nước ta có một nền văn hóa vô cùng đa dạng và phong phú, được thể hiện như một bức tranh sống động bởi sự hòa quyện của muôn vàn sắc màu mà ở nơi đó những mái đình làng rêu phong, cổ kính mang đậm những giá trị đạo lý, nhân văn và những giá trị thẩm mỹ của một dân tộc. Điều đó đã tạo nên sự hối thúc mãnh liệt đầy sức sống cho mỗi con người, để ai đi xa cũng mong sớm có ngày trở lại với những mái đình làng vô cùng gần gũi và thân thương.

Người xưa có câu "dĩ nông vi bản", là một nước nông nghiệp nên chính vì thế mà hệ thống đình làng luôn gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của mỗi người dân đất Việt. Đình không chỉ có vị trí đặc biệt trong văn hóa làng mà còn có ảnh hưởng sâu sắc, toàn diện đến xã hội cổ truyền của dân tộc. Đình làng của Việt Nam không chỉ là không gian tín ngưỡng, nơi phục vụ các hoạt động thờ cúng, mang giá trị tâm linh sâu sắc, thể hiện lòng hiếu mộ của con người, là nơi sinh hoạt cộng đồng và cũng là nơi đánh dấu sự trưởng thành cuộc đời của mỗi người con đất Việt truyền thống.

Ngày nay, trên đà phát triển như vũ bão của ngành du lịch ở khắp nơi trên thế giới. Việt Nam là một quốc gia được đánh giá có tiềm năng du lịch to lớn không chỉ bởi trời ban tặng một hệ thống cảnh quan tuyệt đẹp, sơn thủy hữu tình mà còn bởi vốn văn hóa tinh thần vừa đa dạng phong phú, vừa độc đáo, vừa mang đậm bản sắc. Một trong những khía cạnh văn hóa Việt Nam là đời sống văn hóa tâm linh của người Việt Nam. Nó tạo nên những giá trị nhân văn vô cùng độc đáo và đặc sắc.

Nằm trong hệ thống kiến trúc đình trên cả nước và một bề dày lịch sử, đặc biệt là những ngôi đình ở vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Đây là vùng đất có hơn 300 năm lịch sử hình thành và phát triển đã tạo dấu ấn rất đặc biệt với công trình kiến trúc đình mang đậm nét đẹp truyền thống, cổ kính, hòa quyện với muôn vàn sắc màu của nhiều

nền văn hóa khác nhau trên thế giới được hội tụ nơi vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai này.

Đến với hệ thống đình ở TP. Biên Hòa du khách sẽ biết được ít nhiều về con người Nam Bộ, về văn hóa Nam Bộ ở góc độ linh thiêng nhất, đậm đà bản sắc nhất. Hệ thống các công trình kiến trúc đình đang được coi là tiềm năng du lịch văn hóa vật thể cần được quan tâm và khai thác. Đây là một chủ đề đang được xã hội quan tâm, đưa ra để phân tích, đánh giá và đề ra những giải pháp cụ thể cấp bách để hướng tới một tương lai lâu dài. Do đó, để tìm hiểu kỹ hơn, sâu sắc và toàn diện hơn về hệ thống đình ở TP. Biên Hòa nhằm nắm bắt sâu sắc những giá trị văn hóa độc đáo này, nên tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu "***Tìm hiểu hệ thống đình ở TP. Biên Hòa trong tổng thể tài nguyên du lịch tỉnh Đồng Nai***".

2. Lịch sử nghiên cứu

Đề tài về văn hóa là một đề tài rất phong phú và đa dạng, mỗi một sự vật hiện tượng đều có góc nhìn văn hóa khác nhau. Từ trước đến nay, đã có rất nhiều tác giả nghiên cứu từng phạm trù khác của văn hóa. Mỗi một phạm trù đều cho thấy sự sâu sắc và đa dạng của văn hóa.

Riêng về đình làng hiện nay, có nhiều công trình nghiên cứu đi trước đề cập đến hệ thống và kiến trúc đình ở vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai như:

Trong tác phẩm *"Địa chí Đồng Nai"* gồm 5 tập của nhà xuất bản Đồng Nai.

Tác phẩm *"Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển"* nhiều tác giả, nhà xuất bản Đồng Nai, 1998 là một công trình gồm 9 chương, giới thiệu về Biên Hòa – Đồng Nai trong 300 năm (1698 – 1998) trên các lĩnh vực: địa lý, khảo cổ, lịch sử truyền thống, kinh tế, văn hóa, xã hội, những di tích thắng cảnh, những nhân vật tiêu

biểu. Trong đó đề cập đến hệ thống đình của TP. Biên Hòa và những nhân vật lịch sử được gắn liền qua nhiều thế kỷ.

Tác phẩm *"Gia Định thành thống nhất chí"*, 2005, tác giả Trịnh Hoài Đức, gồm 5 tập, nhà xuất bản Đồng Nai đã khái quát từ vị trí địa lý, lịch sử văn hóa, con người, phong tục tập quán của người Việt trên con vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Năm 1999, tác giả Huỳnh Văn Tới trong công trình *"Bản sắc văn hóa dân tộc và văn hóa Đồng Nai"* nêu lên những đặc điểm văn hóa của một số hệ thống đình ở TP. Biên Hòa.

Năm 1972, tác giả Lương Văn Lưu – nhà nghiên cứu văn hóa về Đồng Nai đã cho ra đời tác phẩm *"Biên Hòa sử lược"* nói về một số nội dung mà người viết quan tâm.

Tác phẩm *"Đình miếu và lễ hội dân gian Nam Bộ"* của tác giả Huỳnh Ngọc Trảng đã nói kiến trúc, quá trình hình thành đăc điểm của đình Nam Bộ, đặc biệt là các nghi lễ tổ chức trong đình.

Dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về đề tài hệ thống đình ở Biên Hòa – Đồng Nai, các công trình đi trước đã đề cập rất nhiều đến các công trình kiến trúc, quy mô, cách bài trí trong đình và đặc biệt là các nhân vật lịch sử được gắn liền với tên gọi của đình qua hàng nhiều thế kỷ, các công trình thể hiện rất sâu sắc và rõ nét ở các phạm trù nêu trên. Nhưng đến nay chỉ có một số ít công trình nghiên cứu để đưa hệ thống đình vào phục vụ cho ngành du lịch. Vì khi nhắc đến Biên Hòa – Đồng Nai, khách du lịch thường sẽ nghĩ đến những điểm tham quan như khu du lịch Bửu Long, làng bưởi Tân Triều, Văn Miếu Trấn Biên …chứ ít khi nghĩ đến các đình ở TP. Biên Hòa để tham quan hay nghiên cứu học tập. Dường như những đình ở TP. Biên Hòa đang bị mờ dần bởi những điểm tham quan du lịch khác sôi động hơn, hay chăng chỉ có một số ít khách tham quan đi đến các đình này để tìm hiểu, phục vụ cho công việc riêng của mình.

Việc khai thác tài nguyên du lịch nhân văn này vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ với nhiều cơ quan chức năng. Vì thế, trên cơ sở tiếp thu, lĩnh hội các công trình đi trước, tác giả muốn nghiên cứu một cách cụ thể hơn đôi nét của đình làng của TP. Biên Hòa được thể hiện trên nhiều phương diện như kiến trúc, điêu khắc, cách bài trí, lễ hội, lễ nghi liên quan đến đình nhằm đề ra các biện pháp cụ thể về việc khai thác có hiệu quả, bảo tồn hệ thống đình ở TP. Biên Hòa nhằm đạt được kết quả tốt nhất và lưu giữ trong tương lai lâu dài để cùng sánh bước với tốc độ phát triển của Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng và của nước Việt Nam nói chung trong quá trình hội nhập và phát triển của thời đại ngày nay.

3. Mục tiêu và phạm vi nghiên cứu

a. Mục tiêu nghiên cứu

Tìm hiểu nghiên cứu về hệ thống đình ở TP. Biên Hòa trong tổng thể tài nguyên du lịch tỉnh Đồng Nai.

Đề xuất một số giải pháp đưa hệ thống đình ở TP. Biên Hòa vào việc phục vụ du lịch, nhằm góp phần phát triển du lịch văn hóa của thành phố, góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế trọng điểm của cả tỉnh Đồng Nai.

b. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu về tất cả các đình nằm trong hệ thống đình ở TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Về không gian: Tất cả các đình trong hệ thống đình ở phạm vi địa lý của TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai

Về thời gian: Từ trước đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp liên ngành:

Sử dụng thành tựu của các ngành như sử học, triết học, văn hóa học, dân tộc học, xã hội học và các hiện tượng văn hóa luôn đa dạng, phong phú và bao trùm lên tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Phương pháp thống kê:

Đây là phương pháp thống kê những số liệu, tỉ lệ mà tác giả thu được, tìm hiểu được nhằm có những thông tin chính xác và có những chứng cứ khoa học.

Phương pháp khảo sát thực tế:

Đây là phương pháp trải nghiệm thực tế, tác giả đến các đình trong hệ thống đình ở TP. Biên Hòa để thu thập tài liệu, chụp hình, tìm hiểu thông tin liên quan đến đề tài tác giả đang nghiên cứu. Ngoài ra tác giả còn tiến hành khảo sát thực tế bằng cách phỏng vấn người dân địa phương, chính quyền tại địa phương, những người coi đình.

Phương pháp phân tích và tổng hợp:

Trên cơ sở tổng hợp kiến thức từ sách báo, tạp chí, các trang web…sau đó phân tích, chọn lọc những kiến thức nổi bật nhất, tâm đắc nhất để đưa vào nghiên cứu đề tài.

Phương pháp phân tích SWOT:

Phân tích SWOT trên những dữ liệu thu thập được để từ đó đề ra giải pháp hợp lý cho việc khai thác hệ thống đình ở TP. Biên Hòa để phục vụ cho việc phát triển du lịch của địa phương nói riêng và đất nước nói chung.

5. Đóng góp của đề tài

Đóng góp khoa học

Đề tài về văn hóa rất đa dạng và phong phú. Đặc biệt đề tài nghiên cứu về đình đã thu hút rất nhiều các tổ chức cá nhân, các nhà nghiên cứu, các cấp chính quyền địa phương, đối tượng là những học sinh, sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu. Tuy nhiên, nhìn lại các công trình đi trước, đại đa số các công trình đều nghiên cứu riêng lẻ một địa điểm nào đó và họ chỉ chú trọng đến kiến trúc và các lễ hội, nghi lễ tổ chức trong đình. Vì thế mà trong đề tài nghiên cứu này, tác giả chú trọng vào nội dung sau:

Tìm hiểu nghiên cứu và phân loại tất cả hệ thống đình ở TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Đưa hệ thống đình trở thành một sản phẩm du lịch văn hóa độc đáo.

Có những biện pháp hợp lý để bảo tồn và duy trì giá trị văn hóa truyền thống trong hệ thống đình ở TP. Biên Hòa.

Về thực tiễn

Đề tài góp phần vào việc bảo tồn các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa của địa phương với phát triển du lịch trong giai đoạn hiện tại và hướng tới tương lai bền vững.

Góp phần vào việc phát triển các tuyến điểm du lịch văn hóa trên địa bàn TP. Biên Hòa.

Các cấp, các ngành và các tầng lớp trong địa bàn TP. Biên Hòa có thể có thêm tư liệu tham khảo về du lịch văn hóa góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của du lịch văn hóa để phát triển kinh tế xã hội, về công tác hoạch định đường lối, ban hành các chính sách phát triển du lịch của tỉnh nhà.

6. Bố cục

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, tài liệu tham khảo thì nội dung đề tài có kết cấu thành 3 chương.

Trong chương I với dung lượng 34 trang tác giả làm rõ những tiền đề lý luận và thực tiễn để làm cơ sở nghiên cứu của đề tài.

Chương II với dung lượng 44 trang tác giả giới thiệu và phân tích những đặc điểm hệ thống đình ở TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai đồng thời cũng nêu ra giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội của các di tích đình ở Biên Hòa.

Chương III với dung lượng 37 trang tác giả đã nêu lên những thực trạng và giải pháp cho hệ thống đình trong phát triển du lịch.

Chương I

Những tiền đề lý luận và thực tiễn

1.1 Khái niệm chung

1.1.1 Đình theo văn hóa người Việt

Từ xưa đến nay, người dân Việt Nam xem đình là nơi tụ họp và tổ chức mọi sinh hoạt của làng, nên đình thường được đặt ở vị trí trung tâm của làng. Vị trí và hướng của đình rất được coi trọng vì dân làng tin nó chi phối đến từng người trong làng "Toét mắt là tại hướng đình, cả làng cùng toét riêng mình em đâu."

Hình 1.1: Đình của người Việt

Nguồn: *Tác giả*

Đình làng là của cộng đồng làng xã người Viêt "cân bằng phép tắc cuộc sống của cộng đồng" nơi khai diễn tư duy nhận thức của dân. Để dân làng có cuộc sống ổn định và trật tự theo khuôn phép, tất cả các hoạt động hành chính của làng đều phải dựa theo đúng quy tắc chung, từ việc xét xử các vụ tranh chấp, phạt vạ, từ thu tô thuế đến việc bắt lính, bỏ các xuất phu đinh. Cơ sở để giải quyết các công việc của làng được dựa vào lệ làng hoặc hương ước. Hương ước là một hình thức luật tục. Luật tục được xem là lệ làng, quan trọng hơn luật nước "phép vua thua lệ làng". Lệ làng gắn với hoàn cảnh, phong tục, tập quán lâu đời của từng làng mà nhân dân có các quy ước riêng mà luật của nhà nước không thể bao quát được.

Mỗi làng là một "VƯƠNG QUỐC" nhỏ khép kín với luật pháp riêng (mà các làng gọi là hương ước) và tiểu triều đình (Chủ thể tiến hành các hoạt động hành chính ở đình làng là các vị có chức danh Chánh tổng, Lý trưởng, Phó lý, Trương tuần và các viên quan của Hội đồng hương kì, kì mục)[1].

+ Những quy ước về ruộng đất: Việc phân cấp công điền, công thổ theo định kì và quy ước về việc đóng góp (tiền và thóc).

+ Quy ước về khuyến nông, bảo vệ sản xuất, duy trì đê đập, cấm lạm sát trâu bò, cấm bỏ ruộng hoang, chặt cây bừa bãi.

+ Những quy ước về tổ chức xã hội và trách nhiệm của các chức dịch trong làng. Việc xác định chức dịch trong làng nhằm hạn chế họ lợi dụng quyền hành và thế lực để mưu lợi riêng.

+ Những quy định về văn hóa tư tưởng, tín ngưỡng. Đó là những quy ước nhằm đảm bảo các quan hệ trong làng xóm, dòng họ, gia đình, láng giềng, được duy trì tốt đẹp. Quy định về việc sử dụng hoa lợi của ruộng công vào việc sửa chữa, xây dựng đình, chùa, điện, quy định về thể lệ tổ chức lễ hội, khao vọng, lễ ra làng, lễ nộp cheo…

[1]GS.Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ sở văn hóa, Nhà xuất bản Giáo Dục, tr.96.

Hương ước còn có những quy định về hình phạt đối với ai vi phạm. Vi phạm mức độ nào thì nộp phạt hoặc làm cỗ ở đình làng, để tạ tội với Thành Hoàng làng. Hình phạt cao nhất là bị đuổi ra khỏi làng. Có thể nói hương ước là bộ luật của làng xã, được thực hiện một cách nghiêm ngặt và rõ ràng. **"Phép vua thua lệ làng"** là vậy. Hương ước chứa đựng nhiều giá trị văn hóa dân gian tốt đẹp, được hình thành lâu đời và được chắt lọc một cách có hệ thống để từ đó hình thành nên một làng xã ổn định và phát triển cho tới hiện nay.

Đình là nơi thờ thần Thành Hoàng. Nó không phụ thuộc vào một tôn giáo nào khác, Thành Hoàng có thể là người có công với nước, với dân, cũng có thể là người có công đầu trong việc lập làng hoặc khởi xướng một ngành nghề (tức các vị tổ nghề). Đôi khi Thành Hoàng chỉ là những nhân vật huyền thoại. Đình cũng là nơi có thể thờ những anh hùng của dân tộc, từ vua chúa đến các danh nhân, các vị tổ của các dòng họ, có công lập làng và những người có nhiều công đức với làng, tuy không được tôn làm Thành Hoàng. Thành Hoàng làng có thể có từ một đến bảy tám vị, các vị này được thờ đều có thành tích hay thần phả ghi tiểu sử và các tiết lệ, tế lễ thờ phụng dù là thiên thần hay nhân thần thì Thành Hoàng làng vẫn là biểu trưng cho thần quyền của cư dân một làng xã. Các dòng họ, mọi thành viên trong làng đều phục tùng các hương ước, trong đó có việc tránh các tên húy và thực hiện một số phong tục hoặc lệ làng.

Về sinh hoạt cộng đồng, đình là nơi diễn ra các lễ hội của làng xã các yếu tố văn hóa truyền thống của làng. Thông qua lễ người dân được dịp bày tỏ lòng tri ân các vị thánh và tham gia các trò chơi trong hội để tạo sự cấu kết cộng đồng làng xã.

Về tổ chức, đình cũng là nơi diễn ra những cuộc hội họp các viên chức trong làng, nơi đóng thuế, nơi đăng ký hộ tịch…

1.1.2 Đình theo văn hóa người Hoa

Ở Trung Quốc, ngày xưa người ta thường dựng đình để cho vua chúa nghỉ chân khi "vi hành" và ngày nay người ta dựng đình bên vệ đường để làm chỗ dừng chân nghỉ mát, đình còn được dựng lên trong công viên để các người cao tuổi tụ tập trò chuyện, đánh cờ….do đó ở Trung Quốc đình là đình trạm là cơ sở công ích chứ không phải là cơ sở tín ngưỡng.

Hình 1.2: Đình của người Trung Quốc

Nguồn: NCKH Sinh Viên[1]

[1] Đặng Thị Yến (2012), Đề tài NCKH Tìm hiểu sự tiếp biến văn hóa thể hiện qua đình Tân Lân, Tr.6

1.2 Đình Bắc Bộ và đình Nam Bộ

1.2.1 Đình Bắc Bộ

Gần sáu trăm năm tồn tại trong lịch sử, đình làng Bắc Bộ đã trở thành một hình ảnh vô cùng thân thương quen thuộc đã in sâu vào tâm hồn vào trái tim và tình cảm sâu lắng của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ.

Trong tâm hồn người dân Bắc Bộ, hình ảnh ngôi đình chính là quê hương, là gốc tích, là sinh mệnh và là trái tim đang đập nhịp trong mỗi con người. Đình làng tuy rêu phong nhưng cổ kính và "Mái đình cong như bàn tay em gái vẫy chào".

Từ xưa đến nay, đình làng luôn hiện diện ở các miền quê Bắc Bộ, gắn bó với người dân qua nhiều biến cố của lịch sử, đình làng đã chứng kiến biết bao nhiêu sinh hoạt, lề thói và mọi thay đổi trong đời sống của làng quê Bắc Bộ. Đối với mỗi người con miền Bắc, đình làng vô cùng trang trọng và thiêng liêng, đình đã tụ họp được tất cả mọi người trong sinh hoạt chung, điều này vốn rất cần cho cuộc sống nông thôn luôn luôn mong chờ sự nương tựa, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, ban ngày ra đồng làm việc cùng nhau, cùng trò chuyện, cùng lo toan công việc đồng áng, "tối lửa tắt đèn có nhau". Chính vì thế mà trong tâm thức của người Việt vùng quê Bắc Bộ, đình làng đã trở thành một chốn thân quen, gần gũi, nơi che chở cuộc sống của mỗi người dân làng quê Bắc Bộ.Theo quan niệm của họ, đình làng là nhà chung luôn luôn rộng mở để chờ đón bất cứ người con nào của đất Việt, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, điều đó được thể hiện rất rõ qua đời sống hiện thực của con người Bắc Bộ. Đối với họ, con người luôn yêu thương đùm bọc lẫn nhau và cùng nhau nương tựa vào một chốn linh thiêng nào đó, chốn thiêng liêng đó chính là những mái đình làng.

Vậy, lí do tại sao mà "CÁI ĐÌNH" đối với người Bắc lại quan trọng đến như thế. Theo GS.Trần Ngọc Thêm trong cơ sở văn hóa Việt Nam cho rằng: "Làng nào cũng có CÁI ĐÌNH. Đó là biểu tượng tập trung nhất của làng về mọi phương diện. Trước hết, nó là một *trung tâm hành chính*, nơi diễn ra mọi công việc quan trọng, thứ đến, đình là

trung tâm văn hóa, nơi tổ chức các hội hè, vui chơi. Ăn uống (do vậy mà có từ đình đám), Đình còn là một *trung tâm về mặt tôn giáo*: Đình cũng là nơi thờ Thành hoàng bảo trợ cho dân làng. Cuối cùng, đình là *trung tâm về mặt tình cảm*. Nói đến làng là nghĩ đến đình với tất cả những tình cảm gắn bó thân thương nhất: "*Qua đình ngả nón trông đình. Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu"*[1].

- **Đình làng là trung tâm của bộ máy hành chính**

Đối với quan niệm của Bắc Bộ, đình làng là nơi chứng kiến Hội Đồng Lí Dịch giải quyết những mâu thuẫn giữa các phe phái trong làng. Đặc biệt, cứ đến mùa "Sưu thuế" làng quê lại căng phồng lên sự bức bí, ngột ngạt, các đợt trấn áp, trói người đánh người dồn dập.

"Nửa đêm trống thúc thuế dồn

Sân đình máu chảy đường thôn lính đầy".

Cơ sở để giải quyết các công việc của làng dựa vào lệ làng (hương ước). Hương ước là một hình thức luật tục. Gắn với hoàn cảnh, phong tục, tập quán lâu đời của từng làng đặt ra và được thực hiện một cách có hệ thống và rất nghiêm ngặt.

Dựa theo quy định của hương ước, ngoài việc đưa ra những hình phạt để xử tội thì bên cạnh đó nơi đây còn là nơi khen thưởng cho những người có công với làng, suy tôn những người bỏ công bỏ của để làm những công việc có ích như xây dựng đền chùa, cầu cống, v.v…Một khi đã có thưởng thì phải có phạt, Hội Đồng Lí Dịch còn thi hành những hình phạt: Ăn cướp, ẩu đả, bất kính với tổ tiên, cờ bạc, trai gái,v.v… Tất cả đều nhằm bảo vệ an ninh trật tự, duy trì đạo lý, gia phong, tạo nên một nét văn hóa làng xã trường tồn.

[1]GS.Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ sở văn hóa, Nhà xuất bản Giáo Dục, tr.97 – 98.

Đình làng là trung tâm văn hóa

Đình làng là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả làng. "Cây đa, bến nước, sân đình" đã đi vào tâm hồn của người dân Bắc bộ. Đỉnh cao của các hoạt động văn hóa ở đình làng là lễ hội, làng vào hội cũng được gọi là vào đám, là hoạt động có quy mô và gây ấn tượng nhất trong năm đối với dân làng, một điều đặc biệt đó là ở các nước Nhật Bản hay Hàn Quốc, khi họ có lễ hội thì cả nước cùng tổ chức với quy mô rất lớn và tất cả các thành viên trong cả nước hay cả tỉnh đó đều tham dự, nhưng ở đây thì khác, nếu có lễ hội thì làng này sẽ tổ chức trước còn làng kia sẽ dời lại rồi làng đó sẽ tổ chức sau. Tất cả các lễ hội làng đều diễn ra ở đình làng gắn với đời sống của dân làng. Lễ hội bao gồm 2 phần chính, đó là phần lễ và phần hội.

+ Lễ là các hoạt động có tính nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng

+ Hội là hoạt động mang tính giải trí, gắn với thế tục, nghệ thuật, thể dục, thể thao. Nhưng trong một số trò chơi ở hội làng có ý nghĩa tâm linh, gắn với mục đích cầu mưa, cầu mùa. Lễ hội ở làng diễn ra "xuân thu, nhị kì" vào các dịp nông nhàn, lễ hội phần lớn là tháng Giêng, có nơi tháng 2, tháng 3 âm lịch. Lễ hội thu thường vào tháng 7, tháng 8, đó là 2 lễ hội lớn, còn trong năm, người ta cúng lễ Thành Hoàng làng, lễ cúng Thành Hoàng làng trong khi mở hội có quy trình như sau.

+ Lễ trộc dục: Lễ tắm tượng thần hay thần vị

+ Lễ tế Gia quan tức là lễ mặc áo, đội mũ cho tượng thần. Nếu chỉ có thần vị thì đặt mũ, áo lên ngai.

+ Rước thần: Khi mở hội người ta rước thần từ đền ra đình. Khi kết thúc hội thì người ta rước thần về đền. Ở nhiều làng, người ta thờ hành Hoàng làng ngay trong đình. Trong ngày hội, người ta rước thần đi vòng quanh làng và sau đó quay về đình.

+ Đại tế: Là lễ tế quan trọng nhất, có một người đứng chủ trì lễ, gọi là "mạnh bái", ngoài ra còn có 2 hoặc 4 người bối tế, 2 người nội xướng, 2 người đồng tán, 10 đến 12 người chấp sự

+ Về nghi lễ, tư tế có 4 giai đoạn: Nghênh thần, Hiến lễ, lễ dâng ba lần, gọi là sở lễ (lễ dâng lần đầu), á hiến lễ (lế dâng lần hai), chung hiến lễ (lễ dâng lần cuối). Lễ tạ.

+ Sau buổi đại tế, người ta coi thần luôn có mặt ở đình nên các chức sắc và bô lão phải thay nhau túc trực. Mở hội gọi là nhập tịch, hết hội gọi là ngày xuất tịch hay còn gọi là ngày giã đám.

Trong lễ cúng thần ở một số nơi có một nghi lễ đặc biệt gọi là "hèm". Thường hèm nhắc lại tiểu sử của vị thần, thường làm những điều xấu nên hèm thường được cử hành riêng những người trong làng với nhau. Tuy nhiên cũng có hèm cần phải có nhiều người mới cử hành được hoặc có những hèm cử hành được khi có người lạ. Do đó cũng có nhiều làng cử hành hèm thần linh một cách công khai. (Theo Hà Văn Tấn trong Đình Việt Nam).

+ Sau phần tế lễ là các hoạt động vui chơi, giải trí. Sân đình trở thành sân khấu để ca hát…chơi các trò chơi khác nhau, thỏa mãn nhu cầu của con người: nhu cầu tâm linh (các trò chơi gắn với cầu mưa, cầu mùa, cầu ngư như cướp cầu, kéo co, đua thuyền..), nhu cầu cộng cảm, nhu cầu thể hiện sức mạnh, tài trí..Tất cả là do nhu cầu hưởng thụ của con người có trong hội đình làng.

Không những thế, đình làng nơi diễn ra hội thi cỗ. Từng giáp sắm lễ mang ra trình làng. Có một ban do chức sắc cử ra, kiểm tra cỗ từng giáp, xem có đúng với tiêu chuẩn lệ làng qui định từ trước hay không. Cỗ nào lớn nhất, giáp ấy được thưởng. Đây là vấn đề thể diện của từng tập thể trước hàng nghìn con mắt soi mói của cộng đồng, vì vậy các giáp đều ganh đua nhau sắm cỗ lớn. Thi cỗ vật xong, các giáp sắp đặt cỗ của

mình trên sân đình theo thứ tự để ăn uống - đó là bữa ăn cộng cảm làng xã trong không khí bình đẳng.

Đình làng nơi hội tụ của các nguyên lão. Hàng "lão" gồm những người đã lên lão trong khuôn khổ từng giáp: 49 - 50 đến 60 tuổi gọi là sơ lão, 60 đến 70 tuổi gọi là trung lão, 70 đến 80 tuổi là thượng lão, 80 trở lên gọi là đại lão. Các nguyên lão là một niềm vinh dự đích thực là niềm vinh dự tối chung của một đời người, được cả giáp, cả làng trọng vọng, được mệnh danh "cây cao bóng cả", hồng đức của dân làng. Các nguyên lão ra giáp, ra đình đều được ngồi chiếu trên, tạo nên một lối sống đẹp về văn hoá "trọng lão".

- **Đình làng là trung tâm về mặt tôn giáo, tín ngưỡng**

"Cuộc sống tinh thần cộng đồng làng xã Việt Nam nói chung, đặc biệt ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ là sự kết tinh trên một bình diện ý thức hệ tôn giáo quanh một hình thái thờ phụng tập thể - thờ Thành hoàng". Thành hoàng là một nhân vật, vừa mang chất liệu huyền thoại, vừa mang chất liệu lịch sử, đan xen hoà quyện cả hai yếu tố "hư" và "thực" để chung đúc nên diện mạo thống nhất của vị thần "linh thiêng" bảo vệ làng, xã. Mỗi năm thường có hai kì lễ, hội vào mùa xuân và mùa thu, cái nhịp ngắt quãng thời gian giữa hai đầu mùa vụ nông nghiệp cổ truyền của cư dân trồng lúa nước. Nghi thức tế lễ gồm nhiều khâu: Lễ thức do hội "tư văn" đảm nhiệm soạn thảo "văn tế". Các thành viên trong hội "tư văn" cử một người đại diện ra hành lễ chính, người đó được thay mặt thần dân làng, xã, xướng to lên trong quá trình tế lễ, tại đình. Nêu lên chức tước của vị thần Thành hoàng được triều đình công nhận "phong sắc". Lễ vật cúng thần thường là "ông ỉ", tức là con lợn to và béo nhất, do sức lao động của từng giáp làm ra, hội tụ lòng thành kính dâng lễ vật tinh khiết, thơm thảo lên thần, trong niềm suy tưởng "siêu nhiên", thoát tục của tất cả thần dân với thần Thành hoàng. Hành lễ, kết hợp với lễ vật, điều đó chứng tỏ sự trung thành không những chỉ trong đời

thường mà cả trong đời sống tinh thần của từng cá thể, hợp thành ý thức cộng đồng làng xã, cầu xin Thành hoàng một năm yên lành, mùa màng bội thu, giàu có sung mãn. Với tinh thần ấy, người ta bắt gặp tất cả những ai sống dưới sự bảo vệ của "thần" thì trong cuộc sống quan hệ giữa người với người mới thực sự bình đẳng. Ngược lại, nếu làng xã nào thiếu sự trung thành, chu tất tế lễ báo đáp "thần" thì sẽ bị thần "nổi giận" trừng phạt, cả làng chịu chung số phận.

- **Đình làng - trung tâm gặp gỡ tình yêu đôi lứa.**

Một điều đặc biệt nữa có ở đình làng Bắc Bộ. Nơi đây là trung tâm gặp gỡ của tình yêu đôi lứa, hội tụ những trai thanh gái lịch, gặp gỡ hò hẹn đã làm rung động bao nhiêu con tim. Trong quan niệm của người Việt truyền thống "nam nữ thọ thọ bất thân", nam nữ không được nói chuyện cặp kè, sóng đôi trong thời gian chưa kết hôn và là điều cấm kỵ tuyệt đối trong đời sống thường nhật thì dịp lễ hội họ lại được phép vui đùa với nhau, cùng với nhau tham gia hội hè ở đình làng. Sự quen biết và làm quen với nhau cũng bắt đầu từ đây, sự cảm mến nhau cũng được nảy sinh ở nơi đây. Mái đình làng to đẹp, biểu trưng cho sức mạnh của đấng nam nhi. Đình làng đã đi vào tâm hồn của bao thơ ca:

"Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen".

Hay:

"Trúc xinh trúc mọc đầu đình

Em xinh em đứng một mình cũng xinh".

1.2.2 Đình Nam bộ

Nam Bộ nguyên là rừng rậm bạt ngàn, nhưng được thiên nhiên ưu đãi cho nên người dân Ngũ Quảng đã đến đây để khai phá, xây dựng làng thôn đầu tiên. Sau đó, một bộ phận người Hoa, người Việt đến từ mọi miền trên đất nước, một bộ phận người Mã Lai Đa Đảo, kể cả người Khmer, Châu ro, Stiêng bản địa đã hòa nhập vào cuộc sống của người Nam Bộ.

Đình làng là thiết chế văn hóa tín ngưỡng của làng xã thời xa xưa. Đình làng Nam bộ chính là nơi lưu giữ truyền thống của quê cha, đất tổ, là biểu tượng của nước nhà, sự hiện diện của đình làng nơi đây, chính là sự nhắc nhở và bồi đắp tình nhà nghĩa nước với những người con lưu dân.

Không giống như đình Bắc bộ có nhiều chức năng như đình là: Trung tâm kinh tế, văn hóa, hành chính, tôn giáo, tín ngưỡng của làng, đình ở Nam bộ chỉ có chức năng chính là trung tâm tín ngưỡng, trước khi cư dân người Việt ở miền Bắc và miền Trung di cư vào vùng đất Nam bộ, họ đều mang trong mình những hành trang là những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo nếp sống truyền thống của quê hương mình, vì thế mà khi di cư vào Nam bộ, họ cũng lập ra một chốn linh thiêng nào đó , như họ lập nên những mái đình để cùng nhau dựa vào thế lực thần linh để che chở bảo vệ cho những người con lưu dân xa xứ, trong tâm thức của họ luôn hướng về mái đình làng thân thương và gần gũi, sự uy nghi trang trọng "kính nhi viễn chi" của đình, căn nguyên là tín ngưỡng, nơi những mái đình chính là sự kết tinh quyền lực của "hồn thiêng sông núi" xây đắp bằng mồ hôi nước mắt và cả máu của cha ông tổ tiên khi đến đây khai hoang vùng dất mới và đã mang theo hình ảnh mái đình làng từ cố hương để xây dựng trên vùng đất mới được khai hoang này.

Đối với người Nam bộ, đình làng là trung tâm tín ngưỡng, nhưng tín ngưỡng kết hợp với văn hóa. Không như đình Bắc bộ, đình làng là trung tâm tín ngưỡng có chức

năng riêng biệt và có những hoạt động cũng mang tính chất quy định điều lệ rất nghiêm ngặt. Không chỉ thế đình làng còn là trung tâm văn hóa cũng có chức năng riêng biệt, những sinh hoạt lễ hội, lễ nghi tách biệt với các chức năng khác nhưng đình ở Nam bộ thì không. Đình ở Nam bộ là sự kết hợp giữa tín ngưỡng với nét văn hóa đặc thù, đặc thù ở chỗ đó chính là nét văn hóa thờ cúng và nghệ thuật chèo tuồng.

Nét văn hóa thờ cúng được thể hiện rất rõ qua đối tượng thờ ở trong các đình Nam Bộ, người Việt ở Nam bộ chia đều lòng sùng tín cho tất cả các vị thần, không phân biệt giới tính, nghề nghiệp, quốc gia. Trong đình ở Nam bộ đại đa số là thờ Thần Thành Hoàng một làng, các vị được thờ là các anh hùng dân tộc, các nhân vật lịch sử có sự nghiệp chống giặc ngoại xâm hay là có công lớn trong công nghiệp kiến thiết quốc gia, trị an dân chúng. Tuy là những nhân vật lịch sử nhưng có những vị được ghi nhận trong lịch sử, nhưng cũng có những vị có gốc tích khá mơ hồ không chắc có phải là người thực hay là sản phẩm sáng tạo các thế hệ, điển hình như các vua Hùng như: Hùng Nghị Vương, Hùng Thắng Vương…ngoài những vị đã biết thì người ta cũng thờ những vị mà sử sách không nhắc đến tên như: Ả Lã nàng Đê, Ả Lanh công chúa…các danh nhân văn hóa, họ là những người đỗ đạt, khoa bảng, danh nhân văn hóa còn phải là các thầy đồ…

Bên cạnh việc thờ các vị thần là người Việt thì trong các đình ở Nam bộ còn thờ những vị là người nước ngoài hoặc là thờ thần Thành Hoàng có nguồn gốc người dân tộc khác như Mhacan là người dân tộc Chăm, Chu Du là người Hoa, hay Đức Ông Trần Thượng Xuyên cũng là người Hoa. Sỡ dĩ ở vùng đất Nam bộ này có những trường hợp đặc thù này là lẽ tất yếu bởi vì khi di cư tới đây ngoài việc khai hoang lập nghiệp, họ còn có nhu cầu tâm linh rất sâu sắc, họ rất mong có một chốn linh thiêng để gửi gắm tâm tư nguyện vọng và để dựa vào thế lực thiêng liêng nào đó che chở bảo vệ cho họ, vì thế mà khi có những vị trong làng có công mở mang khai khẩn đất đai, gầy dựng công ăn việc làm cho họ và cho họ có một vùng đất để họ thừa hưởng thì họ vô

cùng biết ơn và lập đình để tôn sùng các vị ấy lên làm Thành hoàng làng, điều đặc biệt do lòng sùng tín của người Việt ở Nam bộ không hề có sự phân biệt đẳng cấp mà họ chia đều lòng sùng tín cho tất cả các vị thần… Ngay cả những vị thần nếu họ còn sống có thể bị đẩy ra bên lề xã hội như thần hốt phân, thần ăn trộm, thần loạn luân…ngay cả các nữ thần phạm tội bị triều định phạt vạ liệt vào loại thần hạ đẳng cũng được người dân Nam bộ tôn sùng lên làm Thành Hoàng và thờ cúng một cách rất chu đáo và trang trọng. Cho nên, với tính cách phóng khoáng và cởi mở của người Nam bộ cộng với lòng sùng tín vốn có thì việc chấp nhận các vị thần ngoại lai có nguồn gốc nước ngoài hay nguồn gốc là người dân tộc khác là một lẽ tất nhiên mà điều đó chính là nét đặc trưng rất đặc sắc trong tín ngưỡng kết hợp với văn hóa thờ cúng ở đình làng của người Nam bộ.

Điều đặc biệt nữa có ở đình Nam bộ, đó là hội lễ văn nghệ ở đình làng Nam bộ, hát bội đã trở thành một chủ đề khá phổ biến và phát triển rất mãnh mẽ trong lễ hội đình làng. Như GS.Trần Ngọc Thêm trong sách *Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam* đã viết: "Đình làng là trung tâm văn hóa, nơi tổ chức hội hè, ăn uống, nơi biểu diễn chèo tuồng"[1]. Không giống như ở đình Bắc bộ, ở đình làng Bắc bộ là đỉnh cao của các hoạt động văn hóa đình làng chính là lễ hội, lễ hội có 2 phần: Phần lễ và phần hội, phần lễ là các lễ nghi liên quan đến tín ngưỡng được cử hành giành riêng cho Thần với các nghi lễ liên quan đến thần linh của chính làng đó, còn phần hội là các hoạt động mang tính giải trí thỏa mãn nhu cầu của con người như tổ chức ăn uống (do vậy mà có từ "đình đám"), hội họp, vui chơi, thể thao….Tất cả chỉ giành cho con người. Còn văn hóa lễ hội ở Nam bộ thì không như vậy, ở trong đình Nam bộ sẽ có sự kết hợp giữa văn hóa thờ cúng với nghệ thuật chèo tuồng, trong các dịp lễ hội, người ta tổ chức hát tuồng cho các vị thần linh xem, được tổ chức ngay tại sân đình và cửa chính của đình sẽ được mở rộng và người ta sẽ diễn tuồng trước sự hiện diện của các vị thần linh để cho các vị thần linh xem, tuồng cho các vị xem là hát bội, nội dung cho bài hát bội ấy đại đa số là

[1] GS.Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa (1999), Nhà Xuất Bản Giáo Dục, Tr.98

lựa chọn tự do, thường là không diễn các nội dung liên quan đến thân thế và sự nghiệp của các vị thần linh ở trong đình đó….Tất cả đều giành cho thần thánh ngay cả khi tổ chức hội lễ văn nghệ ở đình. Đó là nét khác biệt rất đặc trưng của tín ngưỡng kết hợp với văn hóa thờ cúng và hội lễ văn nghệ ở đình Nam bộ so với đình Bắc bộ.

Hình 1.3: Hát Bội trong lễ hội Kỳ Yên – Nét nghệ thuật đặc sắc ở hội lễ văn nghệ đình Nam bộ

Nguồn: Tác giả

1.2.3 So sánh đình Nam bộ và đình Bắc bộ

Từ những khái niệm trên về đình làng theo quan niệm của người Bắc bộ và người Nam bộ, tác giả đã tổng hợp những đặc điểm để đưa ra những nét tương đồng và những điểm khác biệt. Bên cạnh đó tác giả giải thích một số thuật ngữ để hiểu rõ hơn.

Nghè: Nghè là nơi ở riêng của thần đến kỳ hội đình hàng năm người ta làm lễ rước thần đến đình làm lễ. Xong lễ người ta lại rước thần từ đình trởi lại Nghè

Lễ Tỉnh Sanh: Lễ Tỉnh Sanh là lễ trình cáo vật tế tượng trưng lên thần trước khi vào lễ chính, đặc trưng của đình làng Nam Bộ.

1.2.3.1 Những điểm tương đồng

Đều là nơi thờ Thành Hoàng.

Đều có những chức năng chính về sinh hoạt cộng đồng, về tín ngưỡng và một số lễ hội làng.

1.2.3.2 Những điểm khác biệt

Ngoài những điểm tương đồng trên còn có những điểm khác biệt giữa đình Bắc bộ và đình Nam bộ xét theo các tiêu chí về: Quy mô xây dựng đình, kiểu đình, kiến trúc và trang trí đình làng, đối tượng thờ cúng, các vị thần được thờ cúng bên cạnh Thần Thành hoàng, Nghè và lễ rước, các loại hình hội làng, vị trí và vai trò của đình làng trong tâm thức của người Việt cả ở Bắc bộ và Nam bộ.

- **Quy mô xây dựng đình**

Về bố trí mặt bằng xây dựng đình Bắc bộ, mô hình chung gồm các hạng mục cơ bản: Ao đình trước phía cổng có ý nghĩa của sự "tụ thủy" là điềm "thịnh mãn" cho làng, sân đình có 2 dãy hành lang 2 bên làm nơi tổ chức lễ hội, nhà tiền tế gồm đình ngoài làm nơi tế lễ và chỗ hội họp của các chức việc và bô lão, đình trong gồm cả hậu cung là nơi thờ thần, là chỗ hội họp của bộ phận có chức sắc của làng.

Đình làng tại Nam bộ cũng có đầy đủ các hạng mục chức năng của đình làng Bắc bộ, nhưng có bổ sung và bố trí khác đi.

Nhà Võ ca là sản phẩm đặc biệt của đình Nam bộ. Đây là nơi tập kết nhân sự và nghi trượng phục vụ cúng tế, đồng thời là nơi diễn tuồng vào dịp lễ hội tại đình làng. Chánh tẩm ở đình Nam bộ bao gồm chức năng đình ngoài, đình trong và hậu cung của đình Bắc bộ nhưng thuần túy để làm nơi thờ cúng và tế lễ mà thôi. Ở đình Bắc bộ, đại đình còn dùng làm nơi hội họp việc làng, còn ở đình Nam bộ, nơi hội họp được bố trí một nhà riêng quy mô lớn bằng hoặc hơn chánh tẩm, đó là nhà túc hay còn gọi là Hội Sở.

- **Kiến trúc đình**

Có 4 kiểu phổ biến ở đồng bằng Bắc bộ. Kiểu đình *chữ Nhật* , kiểu đình *chữ đinh,* kiểu đình *chữ công,* kiểu đình *chữ đinh mái chữ công.*

Nam bộ phổ biến là kiểu đình *chữ tam*.Vạch dưới của chữ tam tương ứng với nhà Võ ca. Vạch giữa *chữ tam* tương ứng với nhà chầu, vạch trên *chữ tam* tương ứng với chánh điện.

- **Thần Thành Hoàng của một làng**

Thần Thành Hoàng của một làng tại Bắc bộ thường là nhân vật lịch sử. Tại Nam bộ nhân vật lịch sử cũng được thờ làm thần Thành Hoàng rất đông như là: Nguyễn Hữu Cảnh, Đoàn Văn Cự, Nguyễn Tri Phương, ….

Thần Thành Hoàng cón có nguồn gốc thần thoại, các vùng núi non ở Bắc bộ như Sơn Tây và dọc sông Tha thờ Tản Viên sơn Thánh làm thần Thành Hoàng. Ngoài những điểm chung trên giữa đình làng Bắc bộ - Nam bộ, còn có những trường hợp đặc thù của đình làng Nam bộ như là:

+ Có những đình thờ vị Thần Hoàng của đình làng quê gốc như Dự Thánh Vương, Nguyễn Phục….

+ Người ta còn hướng về nguồn cội mà tương trưng là kinh đô Thăng Long và kinh đô Huế, biểu tượng ấy được cô đọng tên Thành hoàng là Đô Đại Thành Hoàng.

+ Đặc biệt, tại Nam Bộ còn thờ thần Thành Hoàng có nguồn gốc người dân tộc và có những vị là Thần ngoại lai.

- **Thờ cúng bên cạnh Thần Thành Hoàng**

Việc tôn thờ Tiên sư, Tiền hiền, Hậu hiền tại đình làng chứng tỏ công khai phá còn đậm nét trong tâm tư tình cảm của dân làng.Việc thờ Bạch Hổ cũng phổ biến tại đình Nam bộ…Hầu như đình nào cũng thờ Chúa Xứ nương nương bằng một ngôi miếu rất trang trọng.

- **Lễ Tỉnh Sanh và tiếng mõ, hai đặc trưng của hội đình làng Nam bộ.**

Lễ tế đình Nam bộ có 2 điểm mới bổ sung so với lễ tế đình Bắc bộ

+ Thứ nhất là Lễ Tỉnh Sanh được tổ chức thành một cuộc lễ hẳn hoi trước khi vào lễ chính.

+ Lễ Tỉnh Sanh thường đươc thực hiện vào khuya đêm hôm trước là lễ trình cáo vật tế lên thần.

+ Thứ 2 là cúng tế tại đình Nam bộ nào cũng bắt đầu bằng tiếng mõ, không có ở lễ tế đình Bắc bộ. Tiếng mõ được gọi là thái bình thịnh. Phải chăng đối với dân cư một vùng đất chưa ổn định, tiếng mõ là phương tiện cần thiết của công cuộc trị an, và được đưa vào hội đình để nhắc nhở tinh thần cảnh giác.

- **Hội đình làng**

Hội đình làng người Việt tại Bắc bộ có 5 loại hình thức theo các chủ đề như sau: Hội lễ nông nghiệp, hội phồn thực giao duyên, hội văn nghệ, hội thi tài, hội lịch sử…

Dĩ nhiên không thể tách bạch rạch ròi những loại hình hội làng này, cũng có những tiết mục liên quan chằng chéo đến nhau. Một tiết mục có thể mang nhiều ý nghĩa chủ đề khác nhau. Hội đình làng tại Bắc bộ mang nhiều nội dung văn hóa phong phú đa dạng.

Hội lễ văn nghệ tại đình làng Nam bộ, dưới ảnh hưởng của Đào Duy Từ và Lê Văn Duyệt, hát bội đã trở thành một chủ đề phổ biến mạnh mẽ trong lễ hội đình làng với nghi thức rướm rà.

Người ta dùng hát bội làm phương tiện giáo dục tinh thần tôn quân. Tôn vương kết thúc lễ Kỳ Yên là ngụ ý đổi loạn thành trị và tinh thần hướng về một triều đình thống nhất.

Nam bộ còn là nơi hội cư của nhiều dân tộc, nhiều địa phương khác nhau nên nhu cầu gắn kết và thu phục nhân tâm, quy về một mối thể hiện qua hội lễ văn nghệ đình Làng khá rõ nét [1].

---

[1] Lê Sơn, Tóm tắt luận án phó Tiến Sĩ đề tài Hội đình thông tây hội Gò Vấp trong bối cảnh hội đình làng tại Nam Bộ, TP.HCM, 1996, Xem Tr.13-15.

Qua quá trình tìm hiểu về đặc điểm chính giữa hai hệ thống đình làng ở Bắc bộ và ở Nam bộ, tác giả cũng đã rút ra được sự khác biệt giữa đình làng Bắc bộ và đình làng Nam bộ và tổng hợp những đặc trưng đình làng Bắc bộ - Nam bộ như sau:

Bảng 1.1: Tổng hợp các đặc trưng khác nhau giữa đình Bắc bộ - Nam bộ

Tiêu chí so sánh	***Đình làng tại Bắc bộ***	***Đình làng tại Nam bộ***
Về quy mô xây dựng đình	Thường được xây dựng to rộng. Khu vực đình thường có: ao đình, sân đình có hai dãy hành lang, đình ngoài, đình trong, hậu cung	Ban đầu là nhỏ khu vực đình thường có: Sân đình có bình phong, nhà Võ Ca, nhà chầu, chánh điện, hội sở, cùng phổ biến có miếu bà Chúa Xứ, miếu Bạch Hổ, miếu Ngũ Hành.
Kiểu đình	Có 4 kiểu đình phổ biến. Kiểu đình chữ nhật, chữ đinh ngược, chữ công, chữ đinh mái chữ công.	Kiểu đình chữ tam
Kiến trúc và trang trí đình	Bộ mái đình đồ sộ, có chiều cao gấp 2 lần khoảng cách từ mặt tản tới lầu mái và đưa ra rất nhiều ở bốn phía. Bộ khung đình bằng gỗ danh mộc kết cấu riêng kiểu đình miễu, công phu tỉ mỉ.	Bộ mái đình kiểu mái nhà ngói thông dụng. Bộ khung đình bằng gỗ danh mộc kết cấu theo kiểu trịnh. Cũng phổ biến mở rộng diện tích xây dựng bằng 3 loại kèo đặc trưng Nam Bộ: Kèo cái, kèo đâm và kèo quyết, hoặc xây

		dựng nhiều nếp nhà sát nhau trùng thềm điệp ốc.
Đối tượng thờ cúng	Thờ Thành Hoàng là nhân vật lịch sử. Là người chết vào giờ thiêng có ảnh hưởng đến làng.	Là nhân vật truyền thuyết. Là Thành Hoàng quê gốc miền Trung, miền Bắc. Là người dân tộc khác có ảnh hưởng lớn đến làng Việt. Là người có công lập làng, bảo vệ làng.
Sự thờ cúng bên cạnh thần Thành Hoàng	Các vị phúc thần	Thần Nông, thần Hổ, ngũ hành, nhị vị công tử, bà Thủy Long, bà Chúa Xứ, bạch mã, tiền hiền hậu hiền, Tiên sư, liệt sĩ…
Nghè và lễ rước	Nghè là nơi ở riêng của thần đến kỳ hội đình hàng năm người ta làm lễ rước thần đến đình làm lễ. Xong lễ người ta lại rước thần từ đình trởi lại Nghè.	Không có
Lễ Tỉnh Sanh	Không có	Lễ Tịnh Sanh là lễ trình cáo vật tế tượng trưng lên thần trước khi vào lễ chính, đặc trưng của đình làng Nam Bộ.

Các loại hình hội làng	Hội lễ nông nghiệp. Hội phồn thực giao duyên. Hội văn nghệ. Hội thi tài, hội lịch sử. Hội văn nghệ diễn cho người xem, chủ yếu những hoạt động mang tính giải trí cho con người.	Hội văn nghệ với nhiều nghi thức rườm rà, mỗi lần tổ chức hát bội đều có lễ xây trầu, kết cuộc phải có tôn vương. Hội đình làng Nam bộ toát ra tinh thần hướng về quê gốc, về một triều đình thống nhất. Hội văn nghệ có hát bội diễn cho thần linh xem.
Lễ vật cúng tế	Không sử dụng heo quay để cúng trong đình vì nghĩ đến chết cháy.	Có sử dụng heo quay. Nét văn hóa đặc trưng ở lệ hội đình Bắc bộ
Vị trí và vai trò	Đình là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, tín ngưỡng của làng.	Đình là trung tâm tín ngưỡng theo kiểu Nam bộ, tín ngưỡng kết hợp với văn hóa, văn hóa thờ cúng và hội lễ văn nghệ (chèo tuồng).

Nguồn:[1]

1.3 Khái quát về thành phố Biên Hòa – Đồng Nai

Thế kỷ thứ XV – XVI Biên Hòa – Đồng Nai chưa có tên trên bản đồ nước Việt. Nhưng theo các tài liệu khảo cổ đã chứng minh người xưa sinh sống ở Đồng Nai từ rất

[1] Lê Sơn, Tóm tắt luận án phó Tiến Sĩ đề tài Hội đình thông tây hội Gò Vấp trong bối cảnh hội đình làng tại Nam bộ, TP.HCM, Tr. 17-18

sớm, cách đây hàng nghìn năm, thông qua các di chỉ khảo cổ học Bình Đa với nhiều công cụ gốm, đá, đặc biệt là đàn đá Bình Đa phát hiện ở đây cho thấy cách đây trên 2500 năm người xưa đã có một cuộc sống khá phong phú về vật chất, tinh thần. Họ chế tác vũ khí và vật dụng sinh hoạt ở trình độ cao, có quan hệ giao lưu với văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo và các nền văn minh khác trong khu vực Đông Nam Á. Kết quả khảo cổ cho phép nhận xét: "Từ giai đoạn đồ sắt sớm, nền kinh tế nông nghiệp bán sơn địa đã hình thành, biến Biên Hòa – Đồng Nai từ thiên nhiên hoang sơ, nguyên thủy, trở thành địa bàn kinh tế dân cư trù phú và bậc nhất của trung tâm văn minh nông nghiệp Đông Nam Bộ" [1].

Từ cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII, người Việt có những đợt di cư vào vùng đất này. Tiến trình nhập cư của cư dân người Việt vào vùng đất Biên Hòa đã diễn ra liên tục suốt gần một thể kỷ.

Mùa xuân năm Mậu Dần (1968) Chúa Nguyễn Phúc Chu cử Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) vào kinh lượt vùng đất phía Nam, đưa vùng đất Đồng Nai vào lãnh thổ cai quản của chúa Nguyễn. Sự có mặt của lưu dân Việt trước năm 1968 ở vùng đất Đồng Nai – Gia Định là cơ sở quan trọng cho các chúa Nguyễn thực hiện những kế hoạch của mình khi mở mang quốc gia về phía Nam.

Sự xuất hiện của hai sở thuế ở Sài Gòn và Bến Nghé năm 1623 đã hé mở sự xuất hiện của người Việt sinh sống, buôn bán tại đây từ thập niên 20 của thế kỷ XVII. Theo tài liệu của nhà truyền giáo Gouge và Labbe thừa nhận người Đàng Trong và cả người nước ngoài khai hoang, cày cấy ở vùng đất Biên Hòa trước năm 1701 cho đến vài chục năm. Năm 1658, chúa Nguyễn sai Nguyễn Phước Yến đem 3000 quân đẹp loạn đến Mô Xoài chứng tỏ là người Việt đã làm chủ tình hình tại đây. Năm 1679, nhóm người Hoa gồm Dương Ngạn Địch, Huỳnh Tấn đến Mỹ Tho – Tiền Giang. Nhóm Trần

[1] Lê Xuân Diệu – Phạm Quang Sơn – Bùi Chu Hoàng (1991), khảo cổ Đồng Nai, NXB Đồng Nai, Tr.2001.

Thượng Xuyên đến Bàn Lâm (Biên Hòa) góp phần xây dựng Cù Lao Phố thành thương cảng sầm uất, giao dịch thương nhân trong và ngoài nước.

Năm 1802, nhà Nguyễn thành lập và đã có rất nhiều chính sách khẩn hoang vùng đất phương Nam, lúc này vùng đất này vẫn chưa được khai thác nhiều và Đồng Nai trong giai đoạn này cũng còn rất nhiều vùng đất chưa được khai thác.

Địa danh Biên Hòa xuất hiện từ năm 1808, khi vua Gia Long thứ 7 đổi tên dinh Trấn Biên thành trấn Biên Hòa. Thời điểm này trấn Biên Hòa gồm một phủ là phủ Phước Lòng, bốn huyện (Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An), tám tổng, 307 xã, thôn, phường.

Năm 1832, vua Minh Mạng đổi trấn Biên Hòa thành tỉnh Biên Hòa, năm 1836 lập địa bạ lúc đó tỉnh Biên Hòa vẫn là một phủ, bốn huyện nhưng gồm 22 tổng, 285 thôn, xã. Sau nhiều lần thay đổi địa giới năm 1948, ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ tách quận Châu Thành của tỉnh Biên Hòa thành thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu. Tháng 6 năm 1973, thị xã Biên Hòa được đổi tên là thành phố Biên Hòa.

Trong suốt quá trình hình thành vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, nhân dân các bộ tộc ở Biên Hòa đã cùng nhau chung sức khai phá vùng đất màu mỡ để phục vụ cuộc sống, phục vụ sản xuất. Cư dân của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai đã để lại rất nhiều công trình sản xuất, nhiều di tích lịch sử tạo điều kiện cho sự phát triển của vùng đất anh hùng trong tương lai.

1.3.1 Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

❖ **Vị trí địa lý**

Thành phố Biên Hòa nằm ở phía Tây của tỉnh Đồng Nai, phía Bắc giáp với huyện Vĩnh Cửu, phía Nam giáp huyện Long Thành, phía Tây giáp huyện Tân Uyên (Bình Dương), thị xã Dĩ An tỉnh Bình Dương và quận 9 thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Biên Hòa là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật của tỉnh Đồng Nai. Thành phố Biên Hòa được công nhận là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh Đồng Nai và có quốc lộ 1A đi ngang qua.

Biên Hòa ở hai phía của sông Đồng Nai, cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh 30km, cách thành phố vũng tàu khoảng 90km.

Tổng diện tích tự nhiên là 26408km^2 với mật độ dân số là 3,408 người trên 1 km^2.

Hiện nay, Biên Hòa có 30 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: 23 phường và 7 xã cụ thể gồm có các phường như sau: phường An Bình, Bình Đa, Bửu Long, Hòa Bình, Hố Nai, Long Bình, Long Bình Tân, Quang Vinh, Quyết Thắng, Tam Hiệp, Tam Hòa, Tân Biên, Tân Hiệp, Tân Hòa, Tân Mai, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Vạn, Thanh Bình, Thống Nhất, Trảng Dài, Trung Dũng và xã An Hòa, Hiệp Hòa, Hóa An, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Tân Hạnh.

Biên Hòa là một thành phố có hệ thống giao thông rất thuận tiện với nhiều đường huyết mạch quốc gia đi qua như quốc lộ 1A, 1K…không những thế thành phố Biên Hòa được xem là một vùng đất được thiên nhiên ưu ái ban tặng vì thế mà điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi để phát triển nhiều mặt.

Hình 1.4: Bản Đồ Thành Phố Biên Hòa

Nguồn: http://www.banchanviet.com

Với vị trí địa lý vô cùng thuận lợi đã tạo điều kiện cho sự phát triển về tất cả mọi mặt, từ kinh tế, chính trị, văn hóa và đặc biệt là ngành du lịch của thành phố, với hệ thống giao thông thuận tiện, cơ sở hạ tầng đường xá phát triển, là một lợi thế rất mạnh cho du khách ghé thăm TP. Biên Hòa với hệ thống tài nguyên du lịch vô cùng phong phú và đa dạng, đặc biệt là tài nguyên du lịch nhân văn, trong đó có hệ thống đình ở Biên Hòa, với vị trí địa lý thuận tiện như vậy, du khách có thể dễ dàng đến với hệ thống đình ở Biên Hòa đang tọa lạc trên các con đường huyết mạch của thành phố và dể dàng tham quan những địa điểm khác trong thành phố để có một chuyến tour du lịch trọn vẹn và ý nghĩa.

❖ **Khí hậu, thủy văn**

Trong du lịch, khí hậu – thủy văn là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến phát triển du lịch nói riêng và cuộc sống kinh tế của cả vùng nói chung. Ta có thể thấy rõ được những lợi thế, thuận lợi của thiên nhiên ưu ái ban tặng cho vùng đất Biên Hòa. Nhưng có những mặt hạn chế nhỏ ảnh hưởng đến đời sống và hoạt động kinh tế của người dân nơi đây.

Trước hết, Biên Hòa nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, ít chịu ảnh hưởng của thiên tai, đất đai vô cùng màu mỡ, có hai mua tương phản nhau (mùa mưa, mùa khô), mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4. Vì thiên nhiên ở đây không khắc nhiệt như cái nắng gay gắt ở miền Trung và cái lạnh giá rét buốt của miền Bắc nên hoạt động, sinh sống, làm ăn kinh tế rất thuận lợi và vô cùng phát triển.

Thứ hai, với khí hậu mát mẻ, thời tiết ôn hòa, không bão lũ. Rất thuận tiện cho việc trồng các loại cây ăn trái, lương thực để phát triển kinh tế của vùng. Và một điều đặc biệt nữa với khí hậu ôn hòa như thế rất lý tưởng cho những ý tưởng du lịch về văn hóa cụ thể là du khách có thể đến với hệ thống đình ở Biên Hòa. Tạo cho du khách khi tham quan cảm thấy dễ chịu và ngày càng thu hút được nhiều khách du lịch khác nhau đến từ nhiều vùng khác nhau trên thế giới.

Với nhiệt độ thích hợp là điều kiện cho việc phát triển cây công nghiệp đới, đặc biệt là các cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu cao đem lại lợi ích kinh tế, góp phần rất lớn trong việc phát triển kinh tế của vùng.

Bên cạnh đó còn có những mặt hạn chế để lại, đây vẫn còn là vấn đề nan giải của vùng đất Biên Hòa nói riêng và của cả miền Đông Nam Bộ nói chung, với khí hậu nóng ẩm quanh năm là nguyên nhân xảy ra các thiên tai dịch bệnh, sâu bệnh phá hoại mùa màng, các nạn dịch bệnh gây ảnh hưởng rất lớn cho cả người và vật. Với thời tiết

nắng mưa thất thường, có thể sáng năng nhưng chiều lại mưa, vì thế rất khó khăn trong việc trồng các loại cây lương thực, cây ăn quả và con người luôn phải ứng phó với thời tiết, rất dễ gây đau bệnh ảnh hướng lớn đến đời sống, sinh hoạt và kinh tế của vùng.

❖ **Về tài nguyên**

Vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai có nhiều tài nguyên vô cùng phong phú và đa dạng. Với các tài nguyên sẵn có như vàng, thiếc, kẽm, có nhiều mỏ đá, cao lanh, than bùn, đất sét, cát sông… Không những thế, với lợi thế được thiên nhiên ưu đãi ban tặng, Biên Hòa có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn rất đặc sắc, với những điểm du lịch rất hấp dẫn và đang được khai thác.

Nguồn tài nguyên du lịch nhân văn là những di tích lịch sử, văn hóa và các điểm du lịch có tiềm năng như: Khu Văn Miếu Trấn Biên, Đình Tân Lân, Đình Mỹ Khánh, Đình Bình Kính, Đình Tam Hiệp, đền Hùng – Biên Hòa, mộ cổ Hàng Gòn, đàn đá Bình Đa…..

Ngoài ra đến với vùng đất Biên Hòa, du khách sẽ có dịp tham gia những chuyến du lịch sinh thái trong các khu rừng hoặc các vườn cây ăn trái, câu cá, du thuyền, dã ngoại tại các thắng cảnh như: Khu du lịch Bửu Long, khu du lịch sinh thái Vườn Xoài, khu du lịch sinh thái văn hóa Sơn Tiên, làng bưởi Tân Triều….

1.3.1 Đặc điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội ở Biên Hòa – Đồng Nai

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay có rất nhiều các tiêu chí để đánh giá một tỉnh hay một thành phố đó là tỉnh hay thành phố hiện đại, được nhiều người biết đến và phát triển về mọi mặt, đặc biệt là về mặt kinh tế, bên cạnh đó, yếu tố văn hóa, xã hội cũng được xây dựng theo một chiều hướng ổn định và phát triển, có một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng gắn kết với một xã hội ổn định, trật tự, an

ninh. Tất cả những điều đó đã tạo nên thành phố Biên Hòa phát triển về mọi mặt đã thu hút rất nhiều sự quan tâm khác nhau đến từ mọi nơi, mọi nước, chỉ với mục đích nhằm xây dựng hình ảnh Thành phố văn minh, hiện đại nhưng vẫn giữ được nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

❖ **Về mặt kinh tế**

Khi nhắc tới thành phố Biên Hòa, người ta thường hình dung ra một thành phố của những khu công nghiệp. Hiện nay, Biên Hòa có tiềm năng rất lớn để phát triển công nghiệp trên nền đất lý tưởng, phục vụ cho việc xây dựng và kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Biên Hòa cũng là trung tâm công nghiệp quan trọng của cả nước, là thành phố đi đầu trong lĩnh vực công nghiệp của nước ta. Với cơ sở hạ tầng và máy móc vô cùng hiện đại cùng với số lượng người lao động dồi dào và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, đã góp phần trong việc sản xuất đạt kinh tế rất cao. Các Khu công nghiệp tên tuổi như: KCN Biên Hòa 1, KCN Biên Hòa 2, khu công nghiệp Tam Phước, khu công nghiệp Loteco. Các khu công nghiệp đã tạo ra nhiều công ăn việc làm cho rất nhiều lao động trong thành phố và các vùng lân cận để ổn định và phát triển đời sống bên cạnh ngành công nghiệp hiện đại, thành phố Biên Hòa vẫn còn một vài cụm công nghiệp truyền thống thủ công mỹ nghệ như: Vùng thủ công mỹ nghệ đá Bửu Long, vùng sản xuất gốm Tân Vạn, Bửu Long, Hiệp Hòa.

Thành phố Biên Hòa ngoài thế mạnh về các khu công nghiệp, thành phố cũng có những hợp tác xã cung cấp rau xanh cho thị trường trong thành phố và các vùng lân cận. Tuy nông, lâm, thủy sản không còn là kinh tế trọng tâm của vùng nữa, vì điều kiện môi trường không cho phép mà hầu hết thành phố đã cấm nuôi gia súc nhỏ lẻ trên địa bàn, cây lương thực như lúa, bắp cũng rất hạn chế vì không đủ diện tích đất để trồng các loại cây lương thực, mục đích chính để sử dụng diện tích đất dùng cho phát triển công nghiệp nhiều hơn là để phát triển nông nghiệp.

Một điểm đặc biệt chú ý ở đây, để được nhiều người biết đến thành phố Biên Hòa với sự phát triển kinh tế vượt bậc, sự đóng góp của thương mại, dịch vụ rất lớn, hiện nay hoạt động thương mại, dịch vụ hoạt đông trong thành phố rất sôi động, với rất nhiều hệ thống các trung tâm thương mại, trụ sở ngân hàng và rất nhiều chi nhánh của các ngân hàng trong nước và ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài. Về dịch vụ, có rất nhiều các dịch vụ truyền thông thuộc tập đoàn truyền thông Việt Nam và của nước ngoài, nhằm đáp ứng nhu cầu, sinh hoạt của cộng đồng dân cư đang sinh sống trên địa bàn.

Bên cạnh đó, du lịch cũng đang được đặc biệt chú trọng và quan tâm với lợi thế về tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn vô cùng độc đáo và đặc sắc, thu hút nhiều khách tham quan. Tuy nhiên hoạt động này còn chưa có đề án cụ thể và khả dụng để du lịch phát triển thu hút được nhiều khách nước ngoài hơn.

Như vậy, theo tổng cục thống kê năm 2008 ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 70,13%, ngành nông nghiệp chiếm 0,43% và ngành dịch vụ chiếm 29,45%.

❖ **Về nhà ở**

Nhà trên mặt đất là loại nhà chủ yếu của người Việt ở Biên Hòa – Đồng Nai. Theo chất liệu xây dựng, có nhiều dạng nhà ở thích hợp với từng vùng. Nhà ở nông thôn xứ Biên Hòa – Đồng Nai được xây dựng thường hài hòa với tự nhiên, chuộng hướng Đông Nam quay mặt ra sông, ruộng vườn, ngõ không vào thẳng cửa chính, sân trước, sân sau đều rộng, rào thường bằng chè cát, râm bụt, trước sân bày nhiều chậu hoa kiểng hay hòn non bộ. Ở đô thị nhà ở theo dãy phố, dù hẹp cũng có chỗ bày hoa kiểng.

Theo kiến trúc xây dựng, nhà ở người Việt xứ Biên Hòa – Đồng Nai gồm các kiểu nhà chính, nhà xông, nhà chài, nhà sắp đọi, nhà chữ đinh, hiếm thấy kiểu nhà chữ công ở xứ Biên Hòa – Đồng Nai. Những nhà ở phố chợ do diện tích chật hẹp nên tận

dụng đất ít theo kiểu truyền thống. Khi có kỹ thuật kiểu châu Âu xuất hiện kiểu nhà tường, nhà cao tầng, mái tole ngói hoặc đổ bằng…. Ngày nay, ở Biên Hòa vẫn còn có những ngôi nhà theo kiểu ba gian, đây là kiến trúc truyền thống của người Việt.

Không gian sinh hoạt trong nhà thường phân bổ thành hai phần. Người Việt Nam có truyền thống *thờ cúng tổ tiên và hiếu khách* [1], cho nên ngôi nhà Việt Nam nói chung và ở Biên Hòa nói riêng các thành viên trong gia đình sinh hoạt ở nhà sau (nhà dưới). Nhà trước (nhà trên) là nơi thờ phượng, tiếp khách, khách thân sơ, sang hèn đều được tiếp ở phía trước. Bàn thờ gia tiên đặt ở sát vách. Đối diện là bàn khách, bàn dài hay bàn tròn.

Tùy nhà sang hèn mà sắm các loại gỗ quý hay gỗ thường, cũng tùy giàu nghèo mà bày thêm các vật trang trí khác [2].

Với truyền thống tốt đẹp ấy, từ khi di cư vào vùng đất mới, người Việt ở vùng đất Biên Hòa đã mang theo hành trang từ cố hương đó là hình ảnh của những mái đình làng, vì thế khi an cư lạc nghiệp trên vùng đất này, không những họ xây dựng nhà ở của họ để có chỗ nghỉ ngơi sinh hoạt, thỏa mãn nhu cầu trong đời sống thường nhật, mà họ còn có ước vọng xây dựng, lập nên những mái đình làng, như là chốn linh thiêng để họ cùng nhau đến đó cầu mong vào vị thần linh thiêng che chở, bảo vệ cho cuộc sống của họ, vì thế mà có sự xuất hiện đình làng ở vùng đất này là lẽ đương nhiên với kiến trúc xây dựng và bài trí nhà ở của họ như thế nào thì ở đình làng họ cũng bài trí và xây dựng với kiến trúc như thế. Nơi đặt bàn thờ gia tiên như thế nào thì nơi đặt bàn thờ vị Thần của làng cũng như vậy. Đó là tín ngưỡng thờ cúng vô cùng đặc sắc của người Việt ở vùng đất Biên Hòa nói riêng, họ tôn thờ và kính trọng các vị thần như những bậc tổ tiên của dòng họ gia đình mình vậy. Vì thế, sự xuất hiện những ngôi nhà có kiến trúc giống y hệt những mái đình làng vậy.

---

[1] Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nhà Xuất Bản Giáo dục, 1999, Tr.224
[2] Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, NXB Đồng Nai, 1998, tr. 184 – 185.

Hình 1.5: Kiến trúc kiểu 3 gian đình Biên Hòa

Hình 1.6: Kiến trúc nhà ở 3 gian

Nguồn: Tác giả

1.3.3 Cấu trúc thành phần dân cư trên vùng dất Biên Hòa – Đồng Nai

Thành phố Biên Hòa – Đồng Nai là địa bàn có thành phần dân cư khá đông đảo. Theo số liệu thống kê, có trên 30 dân tộc sinh sống ở đây qua nhiều thời kì lịch sử. Trước năm 1698, người Việt và người Hoa đã đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai sinh sống nhưng không nhiều.

Từ sau khi Thống Suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh Chúa Nguyễn, kinh lược đến Nam Bộ năm 1698, ông đã sắp đặt bộ máy hành chính trên vùng đất này và chiêu mộ người dân từ miền Trung vào đây khai khẩn. Dân số ở Biên Hòa – Đồng Nai có sự gia tăng với mức độ đẩy mạnh chính sách khai phá Nam bộ của nhà Nguyễn, thể hiện việc tăng số làng, số thôn, ấp và nâng cấp các đơn vị hành chính cấp tổng, huyện.

Từ năm 1698 đến nay, có 5 đợt nhập cư lớn của các nguồn di dân đến Đồng Nai làm tăng dân số và thành phần dân cư. Đó là các cuộc di dân từ các tỉnh miền Trung (vùng Ngũ Quảng) đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai theo chính sách khai khẩn của thời nhà Nguyễn, đợt mộ dân của các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào làm phu tại các

đồn điền cao su trên địa bàn vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai những thập niên 30, 40 của thế kỉ XX, đợt di dân từ các vùng thành thị ở miền Nam xây dựng vùng kinh tế mới tại Biên Hòa – Đồng Nai sau năm 1975, các đợt di dân của các đồng bào ở phía Bắc theo kế hoạch nhà nước đến Đồng Nai xây dựng cuộc sống mới những năm thập niên cuối thế kỉ XX.

Ngoài ra các cuộc chuyển cư lớn trên từng giai đoạn lịch sử, có một số trường hợp một bộ phận dân cư cũng khá đông đảo tìm đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai sinh sống với nhiều lí do, hoàn cảnh khác nhau như tránh sự khủng bố của chính quyền Mỹ Diệm (1954-1975), và nhiều trường hợp những nhóm cộng đồng dân cư chuyển đến tự do… Mỗi đợt di dân đã làm cho dân số ở Biên Hòa – Đồng Nai có sự gia tăng đáng kể.

Cư dân người Việt tha hương ở vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai dễ kiếm sống, nhưng khó thiết lập những mối quan hệ bền chặt như kiểu làng xóm miền Bắc, có một điều đặc biệt họ rất trân trọng tình cảm "đồng cảnh ngộ" không phân biệt dân cố cựu và dân ngụ cư, vì chung một nỗi niềm xa xứ mà cư dân ở đây rất dễ hòa nhập với nhau.

"Nước sông trong chảy lộn sông ngoài

Thương người xa xứ lạc loài tới đây"

Ngoài ra còn có các dân tộ bản địa: Châu Mạ, Châu Ro. Stieng cư trú ở dịa bàn vùng cao gắn với hệ sinh thái rừng – đồi,, nghề chính là nghề săn bắn và nương rẫy, làng của người Châu Mạ gọi là Bboon [1].

[1]Xứ người MẠ, J.Boulbet (Đỗ Văn Anh dịch), người Stieng gọi là Pauh (buôn), ESSAL de vocanbulaire Francais – Stieng, của người Châu Ro gọi là Blay hay Đublay, Người Châu Ro ở Đồng Nai, NXB Đồng Nai, 1998)

Dân số của Thành Phố Biên Hòa – Đồng Nai năm 2005 là: 541.495 người, với mật độ dân số là 3.500 người/km^2. Theo thống kê năm 2012, mật độ dân số là 3.408 người/km [21].

Hiện nay, thành phần dân cư ở Thành Phố Biên Hòa phần lớn là người Kinh, ngoài ra cón có một bộ phận người gốc Hoa sinh sống chủ yếu ở xã Hiệp Hòa và phường Thanh Bình và ở vùng đất Biên Hòa tập đoàn người Hoa xuất hiện gần như là cùng lúc với quá trình khai phá lập làng của cư dân Việt. Trong suốt hành trình lịch sử mở mang cõi đất phương Nam cho đến khi ổn định cuộc sống như hiện nay.

Có thể nói, khi nghiên cứu kỹ về tộc người chủ yếu sống trên vùng đất Biên Hòa, thì có thể nhận thấy rõ nhất rằng nhờ quá trình sống gần gũi tiếp xúc, giao lưu với nhau mà dần dần họ hình thành nên một văn hóa đa dân tộc, đa tôn giáo với những đặc trưng vô cùng phong phú và đa dạng. Tuy mỗi dân tộc có một thể chế kinh tế, chính trị khác nhau, có phong tục, tập quán và sinh hoạt cộng đồng riêng nhưng tất cả cùng chung sống hòa bình, tạo nên một bức tranh văn hóa rất sinh động.

Sau đây, tác giả cũng giới thiệu sơ nét về đặc điểm của 2 cư dân sinh sống chủ yếu trên địa bàn vùng đất Biên Hòa.

- **Người Việt**

Người Việt có tiếng nói và chữ viết.Tiếng Việt nằm trong ngôn ngữ Việt – Mường (Ngữ hệ Nam Á).

Người Việt ở khu vực Biên Hòa chủ trước đây chủ yếu sinh sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi, có một số ít làm nghề chài lưới đánh bắt 2 bên bờ sông Đồng Nai. Họ không phải là những cư dân luôn sống theo kiểu "bám đất bám làng" như người Việt ở miền Bắc hay ở miền Trung. Nói về gốc tích của họ thì không mấy vẻ vang cho lắm!

[1]Dân số Thành phố Biên Hòa, truy cập ngày 15/9/2013, www.bienhoa-dongnai.gov.vn

Do điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh sống không cho phép họ ở lại làng nữa mà họ phải di chuyển, chính đặc điểm này ít nhiều cũng ảnh hưởng đến tính cách của họ.

Người Việt ở vùng đất Biên Hòa có tính tình chân thành, thật thà, dễ chịu. Họ rất chăm chỉ làm việc, vì họ nghĩ rằng một khi đã từ bỏ quê hương để đến vùng đất mới làm ăn sinh sống nên họ rất chí thú làm ăn. Điều đặc biệt đáng chú ý ở đây, người Việt ở vùng đất Biên Hòa chủ yếu là người miền Bắc di dân đến định cư và sinh sống. Theo quan niệm của họ "An cư lạc nghiệp" họ làm việc chăm chỉ để tích góp xây dựng nhà cửa cho khang trang, sạch sẽ, ăn uống đạm bạc với mục đích tích góp, giành giụm tiền bạc phòng trừ cho những công việc cần thiết.

Còn người Việt ở Tây Nam bộ lại khác, họ rất chăm chỉ làm ăn nhưng không biết tích góp, làm bao nhiêu ăn bấy nhiêu, có cái ăn hôm nay thì biết hôm nay, có tiền thì mua hết đồ ăn "kệ" mai rồi tính. Họ quan niệm "ăn nhiều chứ ở bao nhiêu" điều đó đã hình thành nên tính cách phóng khoáng, thoải mái của cư dân người Việt vùng đất Tây Nam bộ.

Gia đình của người Việt ở vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai đại đa số là gia đình hạt nhân, không phải gia đình nào cũng có nhiều thế hệ sống chung trong cùng một gia đình như ở miền Bắc, ít có luật tục, luật lệ khắt khe, nghiêm ngặt. Ở đây đa số là trong gia đình phụ nữ nắm giữ kinh tế, vì phải lo toan cho cuộc sống sinh hoạt gia đình, con gái nhiều hơn nam giới "Đàn bà xây tổ ấm".

Tuy nói là không quan trọng về nghi lễ với cách thức nhưng cư dân người Việt ở Biên Hòa với kinh nghiệm sản xuất của "ông bà" mang theo, cư dân người Việt có vốn liếng để hòa nhập vùng đất mới. Niềm tin vào Thần Thánh mang theo từ cố hương đã được ứng dụng ngay vào trong đời sống mới và nhanh chóng có trú sở thích hợp. Bàn thờ gia tiên, tục thờ thần bản gia, thần hộ mạng trong nhà được hình thành cùng lúc với việc tạo ra mái nhà: Cái đình, cái miếu cũng sớm được hình thành từ đó.

Người Hoa

Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Hán (Ngữ hệ Hán – Tạng). Người Hoa chủ yếu làm nghề buôn bán, trong hoạt động sản xuất kinh doanh họ luôn coi trọng chữ "tín".

Mặc dù sinh sống ở Việt Nam trong thời gian rất dài nhưng người Hoa ở vùng Biên Hòa này vẫn mang nhiều đặc điểm của người Trung Hoa truyền thống. Xét về mối quan hệ xã hội thì họ vẫn có sự phân hóa sản xuất và trong mối quan hệ gia đình thì vẫn mang tính phụ quyền cao, đại đa số gia đình người Hoa thì người cha có quyền quyết định tất cả các việc trong gia đình.

Ở người Hoa, mỗi dòng họ đều có từ đường để thờ cúng. Không như người Việt, nhà ai, con cái khi lập gia đình, dù là con trai hay con gái khi ra ở riêng vẫn có thể lập bàn thờ tổ tiên để thờ, vì đối với người Việt ở đâu cũng là nhà Tổ nhưng đối với người Hoa thì không, họ rất coi trọng mối quan hệ giữa những người trong cùng dòng họ và họ có một từ đường chung để họp lại tất cả các thành viên trong dòng họ để làm lễ thờ cúng tổ tiên.

Tuy họ đến vùng đất này, họ mang theo những phong tục, tập quán riêng nhưng họ vẫn có những thay đổi phù hợp với lối sống của người Việt trên vùng đất Biên Hòa này nhằm thể hiện tình gắn kết cộng đồng trong giao lưu văn hóa và tiến trình phát triển.

Sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người cung chung sống trên vùng đất Biên Hòa đã làm cho văn hóa của vùng đất Biên ngày càng phong phú và đa dạng, với những nét văn hóa truyền thống mà họ mang theo hành trang từ cố hương, tất cả đã dung hòa với nhau, hòa quyện lẫn nhau chứ không hòa tan, cụ thể là qua các cơ sở tín ngưỡng dân gian như các ngôi đình làng ở Biên Hòa, trong đó là nét đặc sắc về văn hóa, những giá trị về nghệ thuật. Trong kiến trúc và cách bài trí của những ngôi đình làng có sự kết tinh từ nhiều nền văn hóa của các dân tộc anh em, cụ thể như Đình Tân Lân ở phường

Hòa Bình – TP. Biên Hòa với nét kiến trúc, cách bài trí và đặc biệt là những đối tượng được thờ cúng trong đình Tân Lân, đó chính là thành quả của sự giao lưu văn hóa giữa người Hoa và người Việt một cách rõ nét và vô cùng đặc sắc…tạo nên sự hài hòa, thu hút rất nhiều người Việt và cả những người nước ngoài, đặc biệt là người Hoa, họ đến để tham quan và cúng bái. Điều đó tạo điều kiện cho sự phát triển loại hình du lịch nhân văn mà cụ thể là tham quan hệ thống đình ở Biên Hòa.

Chính những dân tộc anh em cùng chung sống trên địa bàn thành phố Biên Hòa, cha ông tổ tiên từ ngày khai hoang lập địa cho đến thế hệ con cháu ngày nay đã đóng vai trò như là một chủ thể sáng tạo nên những mái đình làng vô cùng gần gũi và thân thương.

Tiểu kết chương 1

Trong nội dung của chương này, tác giả đã giới thiệu một cách khái quát khái niệm về đình. Đình làng theo quan niệm ở Bắc bộ và đình làng theo quan niệm Nam Bộ. Bên cạnh đó, tác giả cũng giới thiệu sơ nét về vị trí địa lý, lịch sử hình thành, thành phần dân cư, tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của thành phố Biên Hòa ở tỉnh Đồng Nai. Đây là những tiền đề cơ sở giúp cho việc nghiên cứu hệ thống đình ở Biên Hòa – Đồng Nai một cách sâu sắc và toàn diện hơn. Đặc biệt ở chương 1 này, tác giả đã tổng hợp khái quát đặc trưng của đình và nêu được những điểm tương đồng và khác biệt giữa đình Bắc bộ và đình Nam bộ, từ đó sẽ giúp cho người đọc hình dung một cách khái quát những đặc điểm của đình làng Nam bộ, cụ thể là hệ thống đình ở TP. Biên Hòa – Đồng Nai và là cơ sở để tác giả đi sâu vào nghiên cứu nội dung chương 2 của đề tài.

Chương II

Đặc điểm hệ thống đình ở TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai

2.1 Giới thiệu hệ thống đình ở TP. Biên Hòa

Biên Hòa - Đồng Nai vùng đất được con người đến khai hoang, sinh sống từ rất sớm so với các vùng đất khác của Nam Bộ.

Vào giai đoạn sơ sử, Đồng Nai đã từng tồn tại nền văn hóa Đồng Nai, song song với nền văn hóa Đông Sơn ở miền Bắc và nền văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung. Chủ nhân của nền văn hóa Đồng Nai từng di thực xuống miền Tây Nam Bộ và đặt nền móng cho việc hình thành nền văn hóa Óc Eo vào đầu công nguyên [1].

Từ nửa sau TK VIII – Khoảng TK. XIII, do nhiều nguyên nhân mà nguyên nhân lớn nhất là thiên tai lũ lụt khiến cả vùng Nam Bộ trở nên hoang phế. Đến khoảng TK XVI thì một số người Việt di cư đến đây lập nghiệp, cùng khai phá vùng đất này với người Khmer. Đến năm 1679, thì nhóm người Hoa do hai vị tướng nhà Minh đưa đến đây và khai thác.

Từ đó, người dân từng bước khẳng định được sự phát triển bền vững trên vùng đất mới này, minh chứng rõ ràng nhất là họ đã có một cuộc sống tương đối ổn định. Song song với sự ổn định đó thì các làng dần dần được hình thành, nhiều yêu cầu khác cũng được chú ý đến đó là sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng ngày càng phát triển, nó như một sợi dây dài gắn kết xuyên suốt con người nơi đây gần gũi nhau hơn và còn thỏa mãn nhu cầu tâm linh của họ qua thời gian, là một việc tất yếu trong sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng con người đến đây đã từng bước xây làng, lập đình, miếu… Tuy nhiên khi bắt đầu xây dựng thì phần lớn đình, miếu được xây dựng trên quy mô tương đối nhỏ và hẹp.

---

[1] Tỉnh Ủy UBND Đồng Nai (nhiều tác giả), 2001, Địa chí Đồng Nai (5 tập: tập quán, địa lý, kinh tế, lịch sử văn hóa), Nhà Xuất Bản Đồng Nai.

Trong quá trình di dân ngày càng đông thì nhu cầu tâm linh của con người sống trên vùng đất mới ở Biên Hòa - Đồng Nai cũng phát triển mạnh mẽ hơn. Nên những cơ sở tín ngưỡng được nâng cấp tôn tạo lên cả về hình thức lẫn nội dung. Tuy đình, miếu ở miền Nam Bộ nói chung và Biên Hòa nói riêng có sự khác biệt so với đình, miếu của miền Bắc ở chỗ đình, miếu Nam Bộ chủ yếu đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của người dân nơi đây, trong khi đình ở miền Bắc còn là trung tâm chính trị, văn hóa của cả một làng. Có ý kiến khi nghiên cứu về Nam Bộ, cho rằng: *"Đình là chỗ thờ thần Thành Hoàng, nơi dân cư hội họp, nơi tổ chức sinh hoạt hội hè định kì thường xuyên. Có một giai đoạn, đình Nam Bộ cũng là trụ sở hành chánh của chính quyền địa phương…tính chất đa chức năng của đình làng Nam bộ là một trong những nét cơ bản thể hiện sự phát triển truyền thống vốn có của ngôi đình Việt Nam mà người Việt trong quá trình khai hoang đã mang theo từ miền đất ngoài* [1].

Đình miếu là một cột mốc được hình thành đánh dấu cộng đồng con người ở vùng đất mới Biên Hòa – Đồng Nai, khi con người đến đây sinh sống vẫn chưa có sự quản lý của triều đình thì những di dân tự do ở đây đã biết cách gắn kết nhau lại trong tín ngưỡng thờ phụng thần linh tại các ngôi đình. Trải qua bao thời gian, với nhiều thay đổi về không gian, công cuộc mở mang và cả chiến tranh làm xê dịch vị trí địa lí thế nhưng giá trị văn hóa tín ngưỡng của những ngôi đình vẫn tồn tại. Ngôi đình như một minh chứng cho sức sống mãnh liệt không thể thiếu về vật chất cũng như tinh thần của con người nơi đây. Ngôi đình chứa đựng tất cả những giá trị di sản vật thể, phi vật thể của cộng đồng làng xã.

Hình thành làng xã ở Biên Hòa nói riêng và Đồng Nai nói chung theo mô hình "Thôn- ấp" là chủ yếu. Đa số, ngôi đình được cư dân ở đây sử dụng với mục đích chung vì do điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội. Cuộc sống của con người trong thời gian đầu đến đây đầy khó khăn gian khổ, họ quy tụ với nhau, nương tựa vào nhau và

[1] Phan Đình Dũng và nhóm tác giả, 2005, Người Đồng Nai, Nhà Xuất Bản Đồng Nai.

sau một thời gian khi đã dần ổn định được cuộc sống, thì họ bắt đầu phân chia vị trí địa lí, hành chính, lập ấp - thôn. Từ đó, những làng lớn đông dân cư được tách ra thành nhiều thôn mới. Người dân "Thôn-ấp" mới cũng tự xây dựng cho làng mình những đình miếu của riêng họ theo quy định của triều đình về địa lí và tài chính [1].

Theo thống kê của Sở Văn hóa Thông tin Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai trong phạm vi thành phố Biên Hòa có tất cả 34 ngôi đình ở 26 xã phường khác nhau. Biên Hòa là nơi có số lượng đình nhiều nhất so với các huyện khác trong tỉnh Đồng Nai như: Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán…tại những huyện này chỉ có vài ngôi đình nhỏ. Riêng ở Biên Hòa, có xã xây dựng lên tới 10 ngôi đình như xã Tân Thành, huyện Vĩnh Cửu nơi đây có tổng cộng 12 ngôi đình, ở xã Hòa Hiệp - Biên Hòa thì có đến 11 ngôi đình. Tuy nhiên, riêng đình Phước Lư là ngôi đình được sử dụng chung của hai phường Quyết Thắng và phường Thống Nhất. Điều này cho thấy, trong tâm thức của người dân số lượng đình nhiều hay ít không quan trọng mà điều quan trọng đối với họ đình chính là một cơ sở tín ngưỡng.

Ngày 1/4/2010 theo nghị quyết số 05NQ/CP Chính phủ đã điều chỉnh địa giới hành chính của huyện Long Thành để mở rộng địa giới thành phố Biên Hòa thêm 4 xã An Hòa, Long Hưng, Phước Tân và Tam Phước. An Hòa là một trong bốn xã có nhiều sinh hoạt tín ngưỡng và tôn giáo. Trên địa bàn xã có chùa Bửu An, Thánh thất Cao Đài, Nhà thờ Bến Gỗ… và có ngôi đình An Hòa đã xuất hiện lâu đời trên địa bàn. Ngôi đình đã được xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật cấp Quốc gia. Quyết định số 100VH/QĐ ngày 21/01/1989.

Ở Biên Hòa, đại đa số các ngôi đình trước kia được xây dựng với quy mô nhỏ, chỉ là một miếu thờ, nhưng qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, thì đình miếu đã được mở rộng về quy mô.

Mỗi một ngôi đình được gọi theo cách riêng, có ngôi đình được gọi theo vị trí địa lí, nhưng cũng có đình được gọi theo tên của vị Thành Hoàng của làng.

---

[1] Trịnh Hoài Đức, 2005, Gia Định Thành Thống Chí, Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Đồng Nai.

Do đặc điểm hình thành cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai, đình ở Đồng Nai ra đời tương đối muộn, tuổi đời còn ngắn, không có lai lịch giàu thần tích như đình ở miền Bắc, miền Trung. Nhưng so với đình ở đồng bằng Nam Bộ, thì đình ở Biên Hoà - Đồng Nai thuộc dạng được định hình sớm hơn. Đình ở Biên Hòa hình thành sớm nhất ở vùng đất Nam Bộ nhưng không phải bắt nguồn từ đình trạm ở Trung Quốc, cũng không phải tái hiện theo "nguyên mẫu" đình ở miền Bắc khi di dân mang theo hành trang di cư. Có lẽ, ý niệm về "cái đình" của cố hương chưa thực hiện hóa ngay khi lập ấp, lập làng ở Biên Hòa- Đồng Nai mà bắt đầu từ cái miếu, một trụ sở của thần thánh nói chung phù hợp với quy mô của làng và tài lực của người thần khai phá. Bằng chứng rất rõ cho đến nay dân gian vẫn chưa thuận miệng gọi là "đình" thậm chí biển của đình mới trùng tu vẫn chưa được sửa lại mà vẫn giữ nguyên hán tự là "cổ miếu" như Bình Xương cổ miếu, Cẩm Vinh cổ miếu. Vinh Thị cổ miếu [1]...

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của đình ở Tp. Biên Hòa

Người Việt đã đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ rất sớm để khai khẩn lập nghiệp.Có thể vào những năm trong thế kỉ XVI. Trong quá trình khẩn hoang lập nghiệp trên vùng đất mới, họ từng bước khẳng định sự tồn tại của cộng đồng bằng việc ra sức xây dựng một cuộc sống ổn định. Trong đời sống tinh thần, người Việt hình thành những cơ sở tín ngưỡng sinh hoạt cộng đồng để gắn kết cộng đồng, thỏa mãn nhu cầu tâm linh.

Từ lúc ban đầu, những cơ sở tín ngưỡng được dựng lên với quy mô nhỏ, bằng những vật liệu vốn sẵn có tại chỗ như tre, lá, cây gỗ. Thường thì nhóm cộng đồng dân cư tại vùng chung nhau góp công, góp sức để xây dựng nên, theo như tương truyền thì thuở ban đầu hầu hất các ngôi đình ở Biên Hòa thường là những ngôi miếu nhỏ, bằng chứng cho đến bây giờ còn rất nhiều ngôi đình vẫn giữ nguyên tên gọi cũ như "Bình Xương Cổ Miếu",.. .Theo dòng thời gian đại đa số những ngôi miếu ở Biên Hòa do

[1] Phan Đình Dũng, Ngọc Thành, Hiếu Tâm, 2000, Văn bia Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm, NXB. Đồng Nai.

điều kiện tự nhiên cũng như điều kiện xã hội, các ngôi miếu bị hư hại đi rất nhiều, nhất là trong lần nạn lụt ở Đồng Nai năm 1952 (Năm Nhâm Thìn), hầu như đã cuốn trôi mọi thứ trong các đình ở Biên Hòa lúc bấy giờ và làm hư hại hầu hết các ngôi đình. Vì thế sau năm 1952, người ta đã bắt đầu xây dựng với quy mô tương đối lớn hơn các ngôi đình cũ và lúc này thì người ta bắt đầu chuyển đổi tên gọi từ miếu sang đình, bởi vì họ hiểu rằng đối với người Việt truyền thống thì miếu thường để thờ cô hồn các đẳng, những người chết một cách oan ức hay vì lý do gì không hay nào đó như tại nạn giao thông thì người ta mới lập miếu thờ, thường là bên vệ đường, hay là gần bờ sông, hoặc là những nơi được cho là có tà ma quấy nhiễu. Do đó nếu gọi các cơ sở để thờ các vị thần linh là miếu thì không trang trọng và cũng không phải phép, vì trong tâm thức người Việt từ lâu đã có lòng sùng tín vốn dĩ không hề có sự phân biệt đẳng cấp, nghề nghiệp, giới tính hay dân tộc mà họ thường chia đều lòng sùng tín cho các vị thần, ngay cả những vị thần nếu còn sống thì chắc chắn sẽ bị đẩy ra khỏi bên lề xã hội, nhưng người Việt vùng đất Nam bộ vẫn tôn sùng và thờ cúng rất trang trọng. Vì thế mà tên gọi "miếu" đã trở thành "đình" để trang trọng và thể hiện lòng sùng kính các vị thần, điều đó được minh chứng rõ nhất dù cho đến ngày nay người ta vẫn còn quen miệng gọi là *đình miếu*.

Trong quá trình di dân ngày càng đông thì nhu cầu tâm linh của con người sống trên vùng đất mới ở Biên Hòa - Đồng Nai cũng phát triển mạnh mẽ hơn. Nên những cơ sở tín ngưỡng được nâng cấp tôn tạo lên cả về hình thức lẫn nội dung. Tuy đình, miếu ở miền Nam Bộ nói chung và Biên Hòa nói riêng có sự khác biệt so với đình, miếu của miền Bắc ở chỗ đó là đình, miếu Nam Bộ chủ yếu đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của người dân nơi đây, trong khi đình ở miền Bắc còn là trung tâm chính trị, văn hóa của cả một làng, đặc điểm này đã được phân tích rõ trong chương 1. Như vậy, trải qua dòng thời gian lịch sử những ngôi đình ngày càng được nâng cấp và mở rộng có quy mô hơn, nhằm đáp ứng được nguyện vọng của người dân địa phương và có thể

có đủ phạm vi, diện tích để phục vụ số lượng dân ngày càng đông và phát triển về nhu cầu tâm linh càng lớn như vậy.

Hiện nay, những ngôi đình cổ kính ở Biên Hòa vẫn uy nghi lẫm liệt trong lòng thành phố, trên địa bàn của TP. Biên Hòa có rất nhiều ngôi đình đã được nhà nước xếp hạng di tích quốc gia. Những ngôi đình này hội đủ những tiêu chí cho việc xếp hạng, thuộc loại hình lịch sử, kiến trúc, danh nhân như đình Mỹ Khánh (Thờ Nguyễn Tri Phương, P.Bửu Hòa), đình Bình Kính (Thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Xã Hiệp Hòa), đình Tân Lân (thờ Trần Thượng Xuyên, Phường Hòa Bình), đình Tam Hiệp (Thờ Đoàn Văn Cự), tất cả những ngôi đình này đều thuộc TP. Biên Hòa.

Bên cạnh các đình được xếp hạng di tích, ở Biên Hòa vẫn còn nhiều ngôi đình có giá trị lịch sử, văn hóa. Những ngôi đình như một minh chứng cho sức sống mãnh liệt không thể thiếu về vật chất cũng như tinh thần của con người nơi đây. Ngôi đình chứa đựng tất cả những giá trị di sản vật thể, phi vật thể của cộng đồng làng xã và trải qua nhiều thời gian tồn tại, đình làng ở Biên Hòa cùng "lớn lên" với sự phát triển của cộng đồng dân cư, tiến trình lịch sử của vùng đất này, đặc biệt là đưa hệ thống đình ở Biên Hòa vào việc phục vụ du lịch, nhằm góp phần phát triển du lịch văn hóa của thành phố.

2.1.2 Số lượng và phân bố

Là một thành phố phát triển về mọi mặt của cả nước.Biên Hòa có quốc lộ 1A chạy qua, là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc anh em, có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, tập trung nhiều nhà máy, xí nghiệp sản xuất. Chính vì vậy, Biên Hòa còn có chức năng nối liền nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa của vùng. Chính vì những đặc trưng trên mà Biên Hòa là vùng đất hội tụ nhiều màu sắc văn hóa của nhiều dân tộc anh em trên đất nước.

Hiện nay, số lượng đình ở Biên Hòa đang dần được tăng lên với số lượng đáng kể và được phân bố đồng đều giữa các phường, xã trên toàn địa bàn của thành phố, đặc

biệt nhất là ở xã Hiệp Hòa (Tp. Biên Hòa), nơi đây có số lượng đình nhiều nhất thành phố với số lượng 11 ngôi đình và trong đó có 1 đình đã được xếp hạng cấp quốc gia đó là đình Bình Kính. Ngoài ra còn có rất nhiều đình nữa có giá trị văn hóa, lịch sử vô cùng quý báu.

Theo thống kê của Sở Văn hóa Thông tin Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai trong phạm vi thành phố Biên Hòa có tất cả 34 ngôi đình ở 26 xã phường khác nhau. Biên Hòa là nơi có số lượng đình nhiều nhất so với các huyện khác trong tỉnh Đồng Nai như: Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán…tại những huyện này chỉ có vài ngôi đình nhỏ. Riêng ở Biên Hòa, có xã xây dựng lên tới 10 ngôi đình như xã Tân Thành, huyện Vĩnh Cửu nơi đây có tổng cộng 12 ngôi đình, ở xã Hòa Hiệp - Biên Hòa thì có đến 11 ngôi đình. Tuy nhiên, riêng đình Phước Lư là ngôi đình được sử dụng chung của hai phường Quyết Thắng và phường Thống Nhất. Điều này cho thấy, trong tâm thức của người dân số lượng đình nhiều hay ít không quan trọng mà điều quan trọng đối với họ đình chính là một cơ sở tín ngưỡng.

Ngày 1/4/2010 theo nghị quyết số 05NQ/CP Chính phủ đã điều chỉnh địa giới hành chính của huyện Long Thành để mở rộng địa giới thành phố Biên Hòa thêm 4 xã An Hòa, Long Hưng, Phước Tân và Tam Phước. An Hòa là một trong bốn xã có nhiều sinh hoạt tín ngưỡng và tôn giáo. Trên địa bàn xã có chùa Bửu An, Thánh thất Cao Đài, Nhà thờ Bến Gỗ… và có ngôi đình An Hòa đã xuất hiện lâu đời trên địa bàn. Ngôi đình đã được xếp hạng di tích kiến trúc, nghệ thuật cấp Quốc gia. Quyết định số 100VH/QĐ ngày 21/01/1989.

Bảng 2.1: Số lượng và phân bố đình làng ở TP. Biên Hòa

STT	Tên Xã, Phường	Số lượng	Tên Đình
1	Phường An Bình	2	Đình Bình Đa, Đình An Hảo
2	Phường Bửu Long	3	Đình Thần Bạch Khôi, đình Tân Lại, Đình Bình Thiềng.
3	Phường Hòa Bình	1	Đình Tân Lân, Đình Bình Thiềng.
4	Phường Bửu Hòa	4	Đình Mỹ Khánh, Đình Bình Long, Đình Tân Phú, Đình Tân Bản
5	Phường Long Bình Tân	1	Đình thờ Hùng Vương
6	Phường Quang Vinh	1	Đình Bình Thiền
7	Phường Quyết Thắng	1	Đình Phước Lư
8	Phường Tam Hiệp	1	Đình Tam Hiệp
9	Phường Tân Vạn	1	Đình Tân Vạn
10	Phường Thống Nhất	4	Đình Bình Trước, Đình Lân Thị, Đình Vinh Thạnh, Đình Tân Mai.
11	Phường Tân Tiến	1	Đình Thần Trương Công Định
12	Xã Hiệp Hòa	11	Đình Bình Kính, Đình Bình Quan, Đình Tân Mỹ, Đình Long Quới, Đình Tân Giám, Đình Bình Điện, Đình Bình Hòa, Đình Bình Xương, Đình Bình Tự, Đình Bình Hoành, Đình Hòa Quới.
13	Xã Tân Hạnh	1	Đình Tân Hạnh

14	Xã An Hòa	1	Đình An Hòa
15	Xã Tam Phước	1	Đình Tam Phước

Nguồn: *Tác giả*

Hình 2.1: Bản đồ phân bố hệ thống đình ở Biên Hòa

Nguồn: Tác giả

Như vậy, đình làng ở Biên Hòa được phân bố rộng trên khắp địa bàn thành phố, không chia theo một khu vực riêng lẻ nào cả, cũng không kể là khu vực trong trung tâm thành phố hay vùng ven thành phố. Điều đó chứng tỏ văn hóa đình làng đã ăn sâu vào trong tâm thức của cư dân vùng đất Biên Hòa – đồng Nai này, Cứ ở đâu có làng thì ắt có đình. Còn ở những Phường như Tân Hòa, Phường Tân Phong, P. Hố Nai, là nơi mà số lượng đồng bào theo đạo Công Giáo là chủ yếu nên đình làng không được xây dựng ở đây.

2.1.3 Các loại đình trong hệ thống đình ở Biên Hòa

Hệ thống đình làng ở Biên Hòa rất đa dạng và phong phú. Trải qua bao nhiều dòng lịch sử, các ngôi đình vẫn sừng sững uy nghi lẫm liệt và chứa đựng biết bao giá trị văn hóa, tín ngưỡng vô cùng đặc sắc, điều đó được thể hiện rất rõ qua từng đặc điểm của mỗi ngôi đình trong hệ thống đình ở Biên Hòa. Để hiểu rõ hơn, tác giả đã phân loại các loại đình trong hệ thống đình ở Biên Hòa dựa theo những đặc điểm: Dựa vào đối tượng thờ cúng trong mỗi ngôi đình, dựa theo quy mô đình làng và theo đặc điểm văn hóa gắn liền với ngôi đình, đình làng đó thuộc đặc điểm văn hóa thuần Việt hay có sự giao thoa, tiếp biến với một nền văn hóa ngoại lai nào khác, tất cả hòa quyện trong một hệ thống đình làng Biên Hòa, vốn được xem là vùng đất có nền văn hóa tinh thần đa dạng, phong phú, vừa độc đáo vừa mang đậm bàn sắc dân tộc.

❖ **Dựa vào đối tượng thờ cúng trong đình**

Đối tượng thờ trong các đình ở Biên Hòa rất phong phú và đa dạng. Đó là tập hợp những thần linh mà dân làng tôn thờ, thể hiện trong cách bài trí, trong khuôn viên đình và nội thất của đình. Có ý kiến cho rằng: Đình Ở Biên Hòa – Đồng Nai thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có Thần hoàng, phúc thần, thần linh và những danh nhân sinh tiền, có công xây dựng, kiến thiết địa phương…..

Bảng 2.2: Đối tượng thờ cúng trong đình ở Biên Hòa

STT	Tên đình	Đối tượng được thờ trong đình	Chiếu sắc phong
1	Đình Bình Kính (Tk. XIX)	Thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Tiền hiền, Hậu hiền, Thế hiền và Thánh nương mẫu.	Thượng Đẳng thần
2	Đình Tân Lân (Tk.XIX)	Thờ Đức ông Trần Thượng Xuyên, Trần Tam Xá (em trai). Ngoài ra: Tả ban, hữu ban, Bạch mã Thái giám, Tiền hiền, Hậu hiền, Tiền sư, Tiền thứ Trung Hoa, tiền thứ Việt Nam, Chiến sĩ trận vong, Thần Nông, Ngũ hành nương nương, Thánh thạch cổ miếu.	Thượng Đẳng thần
3	Đình An Hòa (1972)	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
4	Đình Tam Hiệp (1956)	Thờ anh hùng Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh, Ngũ Hành Nương Nương, Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
5	Đình Mỹ Khánh Tk.XIX (1803)	Thờ Nguyễn Tri Phương, vị thần bảo trợ làng, Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
6	Đình Bình Long Tk.XIX	Thờ Thành hoàng làng, tượng Ông Nhật-Bà Nguyệt, cá hóa long lân, các vị liệt vị, hương án.	Hạ Đẳng thần
7	Đình Bình Thiền (Tk.XIX)	Thờ Nữ Oa Thánh Mẫu, Thần nông, Tiền hiền, Hậu hiền,	Hạ Đẳng thần

8	Đình Bình Quan (Tk.XIX)	Thờ tự những anh hùng liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.	Hạ Đẳng thần
9	Đình Phước Lư (Tk.XIX)	Thờ Thần hoàng Bổn Sứ, Ngũ Hành nương nương, Tiền hiền, Hậu hiền	Hạ Đẳng thần
10	Đình Bình Đa (Tk.XIX)	Thờ các anh hùng liệt sĩ trong kháng chiến chống Pháp	Hạ Đẳng thần
11	Đình An Hảo (Tk.XIX)	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị Thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
12	Đình Thần Bạch Khôi (1960)	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị Thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
13	Đình Tân Phú (Tk.XIX)	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần Nông, ….	Không rõ danh tính
14	Đình Tân Bản (Tk.XIX)	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị Thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Không rõ danh tính
15	Đình Thờ Hùng Vương (Tk.XIX)	Tiền điện bài trí Bàn Thờ Chủ Tịch Hồ Chí Minh, Chánh Điện thờ Quốc Tổ Hùng Vương (tượng Hùng Vương thứ 18).	Không có sắc phong, do nhân dân lập thờ.
16	Đình Tân Vạn (Tk.XIX)	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
17	Đình Bình Trước (Tk.XIX)	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần	Hạ Đẳng thần

		Nông,….	
18	Đình Lân Thị (Tk.XIX)	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị Thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
19	Đình Vinh Thạnh (Tk.XIX)	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị Thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
20	Đình Tân Mai	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần Nông,….	Hạ Đẳng thần
21	Đình Thần Trương Công Định	Thờ Chủ Tịch Hồ Chí Minh, Thờ Đức Trương Công Định, Thần Nông.	Hạ Đẳng thần
22	Đình Tân Mỹ	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần Nông,….	Hạ Đẳng thần
23	Đình Long Quới	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị Thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
24	Đình Tân Giám	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần Nông,….	Hạ Đẳng thần
25	Đình Bình Hòa	Thờ hội đồng ngoại, Tả ban chư vị, Hữu ban chư vị, Hội đồng nội, Tiền hiền, Hậu hiền	Hạ Đẳng thần
26	Đình Bình Xương (Bình Xương Cổ Miếu)	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần Nông,….	Hạ Đẳng thần

27	Đình Bình Tự	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị Thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
28	Đình Bình Hoành	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị Thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
29	Đình Hòa Quới	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần Nông,….	Hạ Đẳng thần
30	Đình Tân Hạnh	Thờ Thành hoàng bổn cảnh, vị Thần bảo trợ làng, vị Tiền hiền, Hậu hiền.	Hạ Đẳng thần
31	Đình Tam Phước	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần Nông,….	Hạ Đẳng thần
32	Đình Tân Lại	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần Nông,….	Hạ Đẳng thần
33	Đình Bình Điện	Thờ Thần hoàng bổn cảnh, Tả ban, Hữu ban, Ngũ Hành Nương Nương, Thần Nông,….	Hạ Đẳng thần
34	Đình Bình Thiềng	Thờ Nữ Oa Thánh Mẫu, Thần nông, Tiền hiền, Hậu hiền,	Hạ Đẳng thần

Nguồn: Tác giả

Trong phạm vi TP. Biên Hòa theo thống kê của Sở văn hóa Thể Thao và du lịch tỉnh Đồng Nai cho biết có tất cả 34 ngôi đình. Tổng cộng có 2 vị thần là Thượng Đẳng thần đó là Đức Ông Trần Thượng Xuyên và Thống Suất Nguyễn Hữu Cảnh, 32 ngôi đình có các vị thần được thờ cúng trong đình là là Hạ Đẳng thần, bên cạnh đó còn có những vị thần không rõ lai lịch, nguồn gốc, danh tính rõ ràng nhưng vẫn được nhân dân

tôn làm Thành Hoàng làng và thờ cúng rất trong trọng. Sở dĩ rằng trong tâm thức của người Viêt luôn chia đều lòng sùng kính cho tất cả các vị thần, không phân biệt vị thần ấy có lai lịch, nguồn gốc rõ ràng hay không mà chỉ cần biết là vị thần ấy "thiêng" nên họ tôn thờ, điều đó chứng tỏ rằng chữ "thiêng" trong tâm thức người Việt rất được kính trọng. Bên cạnh đó các ngôi đình ở Biên Hòa còn thờ các anh hùng dân tộc, danh nhân lịch sử.. Chủ tịch Hồ Chí Mình, các anh hùng liệt sĩ. Điều đó thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tôc Việt Nam ta.

Hầu hết các ngôi đình ở Biên Hòa thờ thần Thành Hoàng, theo tư liệu điền dã mà tác giả thu thập được trong quá trình tìm hiểu, khảo sát các đình có sắc phong cho thấy có 2 dạng Thành hoàng được phong tặng tước hiệu là Thượng Đẳng Thần và Hạ đẳng thần. Ở Biên Hòa có 2 ngôi đình có sắc phong được triều đình nhà Nguyễn phong tước hiệu là Thượng Đẳng Thần đó là đình Bình Kính và đình Tân Lân. Đình Bình Kính thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Tân Lân thờ Trần Thượng Xuyên. 16 ngôi đình là có sắc phong được phong tước hiệu là Hạ đẳng thần, các ngôi đình còn lại không còn sắc phong vì nhiều lý do mất, thất lạc hay là vì ngôi đình đó không có sắc phong.

Đối tượng thờ cúng chính trong các ngôi đình ở Biên Hòa là thần Thành Hoàng. Đây là vị thần được xem là bảo hộ cho làng thôn. Thường ở khu chánh điện, gian thờ trung tâm, thần được thờ với biểu tượng chữ Hán (đại tự) thiếp vàng. Ở một số đình thờ nhân thần thì một sồ đình có tượng thờ. Có thể trước đó chưa có, sau này, tưởng nhớ công ơn của những người có công đức, giúp dân của làng xã, xứ sở nên dân làng tôn thờ họ, tôn họ thành phúc thần. Như đình Mỹ Khánh thờ Nguyễn Tri Phương, đình Bình Kính thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Tân Lân thờ Trần Thượng Xuyên, đình Tam Hiệp thờ Đoàn Văn Cự….Đây là những vị được xem là anh hùng của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng hay Nam bộ nói chung trong việc khai khẩn, đánh giặc, dẹp loạn biên cương, mở mang làng xã…

Tại đình Mỹ Khánh, tượng thần được thờ tạc với dáng thế uy nghiêm. Tương truyền, một bô lão ở địa phương nằm mộng thấy Đức Ông Nguyễn Tri Phương hiện về với áo mão lẫm liệt, vũ khí trong tay oai hùng, bèn chặt cây mít trước nhà tự tay tạc như hình trong mộng, một điều rất lạ ở đây đó là tác giả của bức tượng này không hề là nhà điêu khắc, và bức tượng đó chính là bức tượng chính của đình hiện nay.

Hình 2.2: Bức tượng đài Nguyễn Tri Phương ở đình Mỹ Khánh

Nguồn: Tác giả

Bên cạnh đối tượng thờ chính là thần Thành hoàng, là những nhân thần được tôn làm phúc thần thì ở các ngôi đình còn phối thờ một hệ thống nhân thần, thần linh khá

phong phú. Bên cạnh thần Thành hoàng cùng với ban bệ bộ tả hữu gọi là Tả ban, Hữu ban liệt vị, một số đình còn có nhóm thần linh dân gian được tích hợp do người dân địa phương đưa vào phối tờ trong đình. Các bàn thờ cho các vị thần linh được bố trí dọc theo vách hoặc một địa diểm thích hợp trong chánh điện như: Thỗ thần, Bạch Mã Thài Giám, Chúa Tiên, Chúa Xứ, Quan Đế Thánh quân, Thiên Hậu thánh mẫu…

Hương án thờ Tiền Hiền Hương án thờ Hậu Hiền

Hình 2.3: Bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền ở Đình Tân Lân

Nguồn: NCKH Sinh Viên [1]

Các vị Tiền hiền khai khẩn (mở mang làng xã), Hậu hiền khai cơ (đưa làng xã phát triển), những danh nhân sanh tiền như hương chức, hội viên, người hiến đất, góp phần xây dựng, trùng tu đình…đã quá vãng. Việc bài trí các đối tượng trong đình có khánh, bàn, miếu thờ…tùy thuộc địa phương đặt để.

[1] Đặng Thị Yến (2012), Đề tài NCKH Tìm hiểu sự tiếp biến văn hóa thể hiện qua đình Tân Lân, Tr.17

Các Thành Hoàng được thờ trên địa bàn Biên Hòa được Nhà nước phong kiến phong tặng thể hiện qua một văn bản gọi là Sắc thần. Đây là một loại văn bản do vua ban ra lấy danh nghĩa công nhận hoặc gia phong tước hiệu cho vị thần được thờ. Một số đình ở Biên Hòa có sắc phong của các triều vua nhà Nguyễn. Một số đình có sắc phong từ triều vua Thiệu Trị, nhưng chiếm số lượng lớn là sắc phong thời vua Tự Đức (Tự Đức ngũ niên) và Khải Định. Trên một số văn bản sắc phong của các đình trên địa bàn Biên Hòa, đa phần niên đại ban sắc thường đề là "Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập cửu" nghĩa là vào ngày 29 tháng 11 âm lịch, niên hiệu Tự Đức thứ năm (tương đương với ngày 8-1-1853).

Khảo sát các đình có sắc phong ở Biên Hòa, cho thấy có hai dạng Thành Hoàng được phong tặng tước hiệu là Thượng đẳng thần và Thành Hoàng chung chung (có thể hiểu là hạ đẳng thần). Hễ ngôi đình nào có sắc phong của triều đình thì đó là niềm tự hào của người dân địa phương. Một số ngôi đình cổ gọi là đền được nhắc đến trong sử sách triều Nguyễn hiện nay thuộc địa phận của TP. Biên Hòa như: Đền Lễ Công là tên gọi khác của đình Bình Kính) thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Miếu Hội đồng (là đình Bình Thiền ngày nay)…

Ngày nay, nhiều đình ở Biên Hòa ít còn giữ lại được sắc phong của triều đình. Do nhiều yếu tố: Chiến tranh, mất cắp, mục nát do bảo quản không chu đáo. Nhiều sắc phong của đình làng Biên Hòa bị thiêu hủy từ kháng chiến chống Pháp khi thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến. Đối với vận mệnh đất nước, người dân chấp nhận hi sinh bằng cách tự đốt đình để không cho quân xâm lược chiếm lấy, đóng giữ. Sắc thần trong thời kỳ chiến tranh loạn lạc cũng bị đốt cháy, thất lạc. Ngoài ra, tình trạng mất cắp sắc phong thường xuyên xảy ra nguyên nhân là do để khẳng định tính giá trị của ngôi đình mà nhiều người của làng có đình mà không có sắc phong thường thông qua nhiều cách để lấy đem về đình làng của mình. Nhiều trường hợp một số đối tượng khi lấy xong thì sợ bị thần Thành hoàng quở phạt nên đã tìm cách trả lại. Nhiều câu chuyện

xung quanh việc thần Thành hoàng "quở phạt" nặng đối với những người phạm thượng nơi thờ tự danh thần, lấy cắp sắc phong được truyền tụng trong dân gian cũng đã góp phần làm cho những kẻ tà trả lại sắc phong đã lấy cắp [1].

Nhiều đình có sắc phong thường không bảo quản tại đình. Để giữ cho chu đáo, người ta chọn một người có uy tín trong làng, có điều kiện tốt được giao nhiệm vụ bảo quản. Được cất giữ sắc thần của đình trong nhà là niềm vinh dự và trọng trách lớn. Đối với sắc phong, người dân xem chúng có giá trị và rất tôn trọng như sự hiện diện của chính vị thần Thành Hoàng của làng xã. Cho nên, khi đình tổ chức lễ, nghi thức thỉnh sắc đến đình rất trang trọng tạo nên sắc thái cho ngày hội đình.

Hình 2.4: Sắc phong của Đình Tân Lân

Nguồn: Tác giả

Như vậy, đối tượng được thờ cúng trong hệ thống đình làng ở Biên Hòa rất đa dạng và phong phú mà tác giả đã tổng hợp hệ thống đình và các đối tượng được thờ

[1]Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, Phan Xuân Biên, Văn hóa Đồng Nai, NXB. Đồng Nai, 2005, Xem Tr.82-83

trong đình được phân ra các thứ hạng: Các ngôi đình thờ Thành hoàng bậc thượng đẳng Thành hoàng bậc hạ đẳng.

❖ **Dựa theo quy mô đình**

Những ngôi đình ở Biên Hòa – Đồng Nai thường bắt nguồn từ miếu, đền và được xây dựng với quy mô tương đối nhỏ và hẹp. Nhưng trong quá trình phát triển, trải qua nhiều thời cuộc, trải qua nhiều biến động trong xã hội, đình ở Biên Hòa liên tục được trùng tu và ngày càng được mở rộng với quy mô tương đối lớn. Đình ở Biên Hòa Đồng Nai có quy mô không đồng đều, có những ngôi đình rất nhỏ nhưng lại có những ngôi đình có diện tích rất lớn, điều đó phụ thuộc vào dân cư địa phương quy hoạch đất để xây dựng đình và phụ thuộc vào kinh phí xây dựng để mở rộng đình to hay nhỏ. Ở Biên Hòa, những ngôi đình thường nổi tiếng hay những ngôi đình được nhà nước xếp hạng cấp quốc gia hay cấp địa phương thì đại đa số là có quy mô lớn, chẳng hạn như đình Tân Lân ở phường Hòa Bình với diện tích khoảng 3000m^2, đình Bình Kính hay còn gọi là đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh thuộc xã Hiệp Hòa có tổng diện tích , TP. Biên Hòa, tuy nhiên cũng có những ngôi đình được xây dựng với quy mô nhỏ hẹp, thường những ngôi đình này chưa được xếp hạng di tích như đình Tân Mỹ ở Xã Hiệp Hòa, đình Lân Thị ở phường Thống Nhất, những ngôi đình này có diện tích tương đối nhỏ so với các đình khác trong Thành Phố.

❖ **Dựa theo đặc điểm văn hóa đình ở Biên Hòa**

Do đặc điềm dân cư sinh sống trên vùng đất Biên Hòa, các dân tộc anh em chung sống gần gũi tiếp xúc với nhau mà dần dần họ đã hình thành nên một nền văn hóa đa dân tộc, đa tôn giáo, chung sống hòa bình tuy có những thể chế kinh tế, chính trị, phong tục, sinh hoạt cộng đồng riêng, nhưng khi di cư đến vùng đất Biên Hòa để lập nghiệp, họ cùng nhau chung sống trong hòa bình và mang những hành trang từ cố hương đến vùng đất này, tuy với nét văn hóa đặc trưng của mỗi dân tôc khác nhau

nhưng khi sinh sống với nhau những nét văn hóa ấy đã dung hòa và tạo nên một nét văn hóa vô cùng đặc sắc và độc đáo.

Cùng với hành trang mang theo và tín ngưỡng vốn có trong tâm thức của họ nên họ đã cùng nhau xây dựng nên những cơ sở tín ngưỡng, đặc biệt là các ngôi đình với những nét văn hóa khác nhau nhưng cùng chung một ước muốn đó chính là chốn tâm linh để cư dân gửi gắm nguyện vọng vào các vị thần linh mong các vị bảo vệ và che chở cho họ. Vì thế các ngôi đình được xây dựng phù hợp với từng nét văn hóa của từng địa phương, trong đó có những ngôi đình mang đậm đặc điểm văn hóa của người Việt (thuần Việt) do cộng đồng người Việt xây dựng, đối tượng thờ cúng, cách bài trí trong đình và khuôn viên ngoài đình mang đậm nét văn hóa truyền thống của người Việt như đình Bình Kính, Đình Mỹ Khánh)….Bên cạnh đó, còn có những ngôi đình mang đậm nét văn hóa ngoại lai như đình Tân Lân ở phường Hòa Bình, ngôi đình này ẩn chứa những giá trị văn hóa của 2 dân tộc, sự tiếp biến, giao thoa giữa 2 nền văn hóa đặc trưng của người Việt và người Hoa từ những đối tượng thờ trong đình, đặc biệt là Thờ Đức Ông Trần Thượng Xuyên có nguồn gốc từ Trung Quốc cho đến sự tiếp biến qua không gian, cách bài trí, nghi lễ và lễ hội, tất cả là sự dung hòa lẫn nhau đã tạo nên cho đình một nét văn hóa vô củng đặc sắc.

Hình 2.5: Đình Tân Lân – Biên Hòa mang đặc điểm văn hóa Việt – Hoa

Nguồn: http://mangdulichvietnamblog.blogspot.com/2012/07/inh-tan-lan.html

Bên cạnh đó, theo khảo sát của tác giả trong quá trình tỉm hiểu trong hệ thống đình ở Biên Hòa có 2 ngôi đình mang các đặc điểm của sự tiếp biến văn hóa qua đối tượng thờ cúng trong đình, qua đặc điểm kiến trúc,.., đó là đình Tân Lân ở Phường Hòa Bình và đình Long Quới ở xã Hiệp Hòa với đặc điểm là tiếp biến văn hóa Việt – Hoa qua đối tượng thờ trong đình là Thờ Nữ Oa Thánh Mẫu có gốc tích là một nữ thần trong thần thoại của Trung Quốc,…, Ngoài ra hầu hết các đình còn lại đều mang đậm nét văn hóa thuần Việt, mang đậm nét đặc trưng của người Việt vùng Nam bộ từ đặc điểm kiến trúc, cách bài trí, nghi lễ và đặc biệt là đối tượng thờ cúng trong đình đều mang đậm văn hóa Việt.

Như vậy, hệ thống đình ở Biên Hòa rất đa dạng và phong phú, dựa trên những đặc điểm mang đậm nét văn hóa của vùng: Các loại đình được dựa theo đối tượng thờ cúng, theo quy mô đình và theo đặc điểm văn hóa, những ngôi đình mang đậm nét văn hóa Thuần Việt hay có sự giao thoa, tiếp biến với một nền văn hóa khác. Tất cả đã tạo nên hệ thống đình ở Biên Hỏa – Đồng Nai đa dạng và phong phú rất thích hợp cho việc

khai thác các ngôi đình để đưa vào phục vụ du lịch văn hóa mang đậm nét văn hóa đặc trưng của vùng.

2.2 Một số đình tiêu biểu ở Biên Hòa

2.2.1 Đình Bình Kính

Di tích lịch sử tồn tại hơn ba thế kỷ ở vùng đất Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Đình tọa lạc trên diện tích đất rộng, bên tả của nhánh sông ôm trọn Cù lao Phố, dưới chân cầu Ghềnh, mặt tiền nhìn về hướng Tây Nam, soi bóng xuống dòng nước Đồng Nai trong xanh, hiền hòa.

Ngôi đền được dựng vào năm nào, ngày nay chưa có văn liệu nào đề cập cụ thể. Chắc rằng, sau khi Nguyễn Hữu Cảnh mất, người dân thôn Bình Hoành cảm nhớ vị công thần của nước nhà có công lớn đối với vùng Biên Hòa – Đồng Nai nên mới dựng ngôi đền thờ. Ban đầu, ngôi đền nhỏ, được làm từ vách ván, mái lợp ngói âm dương. Sử sách có ghi chép về di tích với tên gọi là đền Lễ Công như sau: "... ở phía Nam Cù Lao Phố, thôn Bình Hoành, huyện Phước Chính, thờ khai quốc công thần Tráng hoàn hầu Nguyễn Hữu Kính (Cảnh). Đền trông ra sông Phước Giang, lấy đá ngầm làm thủy thành, dưới có cá chép lạ, lớn 6,7 thước, cứ đêm khuya tĩnh mịch, thường hướng vào đền, quãy nhảy dưới sông bơi lội ngược xuôi, như hình múa lạy. Sau qua loạn Tây Sơn, hương tàn khói lạnh.

Đến đời trung hưng, cấp cho 10 người từ phu, hàng năm cho tiền công tế vào mùa xuân, cầu đảo thường linh ứng; năm Tự Đức thứ tư, quan tỉnh tâu rằng đền lâu ngày mục nát, lại bị nước xói, phụng mệnh cấp cho 400 quan tiền giao dân sở tại mua vật liệu, dựng lại đền ở sau cách 10 trượng...". Tư liệu trên cho thấy, thời bấy giờ đền Lễ Công có một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Biên Hòa – Đồng Nai. Kiến trúc ban đầu của đền không còn lưu giữ được do sự hủy hoại của tự nhiên.

Năm 1851, đền được xây lại và cách vị trí cũ khoảng 400 mét. Hơn 100 năm sau, đền được tu sửa bao nhiêu lần không ai rõ. Năm 1960, Ban quý tế đền đứng ra chủ trì việc trùng tu. Trước chánh điện mở thêm hành lang rộng 2 mét, các cột chính được đắp rồng, các cửa gỗ dược thay bằng cửa sắt kéo, mái lợp ngói âm dương thay cho loại vảy cá trước đây. Kiến trúc hiện tồn của di tích thuộc vào niên đại này, lối kiến trúc tương đối hiện đại, các nét xưa còn lại ít, có chăng là ở nội thất trong các trang trí hoa văn, đồ thờ.

Di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh xây theo dạng chữ Đinh, mặt tiền hướng ra sông Đồng Nai, phía Tây Nam. Chánh điện đền hình vuông, tường gạch trát đá rửa, bốn mái lợp ngói vẩy cá, nền lát gạch tàu. Phía trước mái đền gắn đôi rồng chầu pháp lam bằng gốm men xanh, đối xứng hai bên là cặp lân. Hàng cột hành lang mặt trước được đắp trang trí hình ảnh rồng cuộn, chầu đối nhau bằng chất liệu xi măng, sơn phết rực rỡ. Từ ngoài vào theo lối chính có ba cửa. Hai bên cửa có khắc chìm hàng chữ Hán với nội dung nói về đền thờ Bình Kính, công lao của Nguyễn Hữu Cảnh với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

Nội điện có ba hàng cột gỗ lớn. Trên các cột đều có treo liễn đối. Các hoành phi thể hiện dưới dạng đại tự chữ Hán, liễn đối được trang trí hoa văn sơn son thếp vàng vẫn giữ tươi màu dù đã trải qua nhiều năm tháng. Dưới những hoành phi là những bao lam gỗ được chạm trổ các đề tài lưỡng long chầu nhựt, hoa chim sơn kim nhũ óng ánh. Gian giữa chánh điện thờ thần, hai bên thờ tả ban, hữu ban liệt vị. Một góc bên bàn thờ có tủ kiếng giữ bộ áo mão tương truyền là của Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh thuở sinh thời. Trước bàn thờ thần là bàn La liệt, bàn thờ Hội đồng, xung quanh đắp nổi bộ tứ linh và ở trên có đôi hạc và lưỡng long. Gian giữa bày hai hàng bát bửu bằng đồng. Dọc theo bờ tường hai bên có bốn bệ bằng xi măng thờ các bậc Tiền hiền, Hậu hiền, Thế hiền và Thánh nương mẫu.

Điểm nổi bật trong nội điện về điêu khắc gỗ là các hương án được thực hiện công phu, dụng công nhiều của các nghệ nhân khi thể hiện các đề tài rồng chầu, tứ linh, muông thú, hoa lá....rất tinh vi, sắc sảo.

Phía sau chánh điện là khu nhà khách, nhà bếp và nhà kho.

Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh là một trong số ít những di tích ở Biên Hòa còn lưu giữ được sắc thần, trong đó ghi rõ tên họ, chức tước vinh hiển, thứ bậc Thượng đẳng thần của vua ban phong cho Nguyễn Hữu Cảnh.

Hình 2.6: Đình Bình Kính hay còn gọi Đền Thờ Nguyện Hữu Cảnh

Nguồn: www.skyscrapercity.com

Nguyễn Hữu Cảnh sinh năm 1650, tại xã Chương Tín, huyện Phong Lộc (nay là xã Van Ninh, huyện Quảng Ninh), tỉnh Quảng Bình. Từ thuở nhỏ, ông rất thông minh, học giỏi, sớm rèn luyện tài thao lược, văn võ song toàn. Lớn lên, ông theo cha là Tiết Chế Chiêu Võ hầu Nguyễn Hữu Dật tham gia nhiều trận mạc, lập nên công lớn, được chúa Nguyễn tin yêu, phong làm Chưởng cai cơ. Năm 1698 (Mậu Dần), Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược vùng đất phương Nam. Ông đặt bản doanh tại Cù lao Phố, cùng các quan chức dưới quyền lập bộ máy hành chánh, tổ chức cai trị từng bước có quy củ. Ông đặt Nam Bộ làm phủ Gia Định, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, đặt dinh Trấn Biên; lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, đặt dinh Phiên Trấn. Dù thời gian chuyến kinh lược ngắn nhưng Nguyễn Hữu Cảnh đã thực hiện những công việc quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với công cuộc khai khẩn toàn vùng Nam Bộ. Từ một vùng lưu dân tự phát, Nguyễn Hữu Cảnh định hướng phát triển, thu nạp, chiêu mộ thêm dân từ vùng Ngũ Quảng, khai khẩn ruộng đất, đặt đơn vị phường xã, chuẩn định thuế, lập bộ tịch đinh điền...tạo cơ sở cho việc phát triển vùng đất Đồng Nai, chính thức hóa nền hành chánh nơi đây vào bản đồ nước Việt.

Cuối năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh được triều đình triệu về trấn giữ dinh Bình Khương (thuộc Khánh Hòa ngày nay). Tháng 7 năm 1699 (Kỷ Mão), do vua Nặc Thu của Chân Lạp chống lại chúa Nguyễn, Nguyễn Hữu Cảnh và một số tướng lĩnh được cử đi dẹp loạn. Hoàn thành sứ mệnh, Nguyễn Hữu Cảnh cùng đại quân trở về. Trên đường, đại quân đóng tại đồn Cây Sao (thuộc cù lao Ông Chưởng, địa phận tỉnh An Giang ngày nay). Tại đây, Nguyễn Hữu Cảnh bị bệnh.Ngày 16 tháng 5 năm 1700 (Canh Thân), Ông qua đời tại Sầm Giang (Rạch Gầm). Linh cữu đưa về bản doanh Cù lao Phố huyền táng. Chúa Nguyễn truy tặng Nguyễn Hữu Cảnh Hiệp tán công thần, đặc tiến Chưởng dinh, Tráng Hoàn hầu.Thời vua Nguyễn, Nguyễn Hữu Cảnh được truy phong Thượng đẳng công thần đặc Trấn Phủ Quốc Chưởng cơ với tước Lễ thành hầu.

Khi Nguyễn Hữu Cảnh mất, nhân dân Biên Hòa thương kính, tỏ lòng biết ơn đã đồng tâm lập miếu võ trang nghiêm, tôn thờ ông như vị thành hoàng đầy hiển linh, luôn giúp cho xứ sở bình an, thịnh vương. Nơi huyền táng linh cửu ông tại Cù lao Phố, người dân địa phương xây ngôi mộ để tưởng vọng nằm ở phía Đông của đền khỏang 50 mét. Ngôi mộ xây theo hình khối chữ nhật, nguyên thủy bằng hợp chất, sau được tô một lớp xi măng. Tường bao xung quanh có cột, bình phong và lân chầu.

Nguyễn Hữu Cảnh được dân tin yêu, được vua tín nhiệm.Vị trí của Ông trong lịch sử xây dựng vùng đất Biên Hòa không hề nhỏ. Đây là vùng đất mà có nhiều sắc tộ từng cư trú có cả người Hoa và sự hiện diện của vị tướng tài hoa Nhà Minh là Trần Thượng Xuyên có thể làm cho Cù Lao Phố trở thành một thương cảng sầm uất. Nhưng chỉ có sự hiện diện của Nguyễn Hữu Cảnh là một người con của đất Việt mới có khả năng kết nối mọi thành phần dân cư ở đây để lập nên một địa danh hành chính có quy củ, có nề nếp, tạo cơ sở vững chắc cho Đồng Nai phát triển về mọi phương diện.

Hàng năm, tại đền, người dân địa phương tổ chức hai lần lễ tế (tính theo âm lịch) vào các ngày 16/5 và ngày 11/11, cầu cho quốc thái dân an và tưởng nhớ công lao của bậc tiền nhân có công mở mang vùng đất phương Nam của Tổ quốc.

Trong dịp lễ kỷ niệm 300 năm (1698-1998) hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Đồng Nai xây dựng nhà bia trong phạm vi di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Đây là một công trình văn hóa, tưởng nhớ công đức các bậc tiền nhân có công khai phá, xây dựng và truyền thống anh dũng của quân dân Đồng Nai trong công cuộc bảo vệ, xây dựng vùng đất này. Công trình Nhà văn bia được xây dựng hiện đại, theo lối kiến trúc truyền thống, gắn liền trong phạm vi di tích, tạo nên một cảnh quan đẹp đẽ, hài hòa và gần gũi với con người. Nơi đây, trở thành một địa điểm sinh hoạt văn hóa lành mạnh, thu hút nhiều người đến sinh hoạt, vui chơi, tham quan.

Hình 2.7: Nhà Bia ở Đình Bình Kình (Đền Thờ Nguyễn Hữu Cảnh)

Nguồn: Tác giả

2.2.2 Đình Tam Hiệp (còn gọi là đền thờ Đoàn Văn Cự)

Di tích liên quan đến cuộc đời của Đoàn Văn Cự gồm hai phần: mộ và đình Tam Hiệp.

Tại phường Tam Hiệp, trên quốc lộ 15, một ngôi đình cũng được xây cất từ năm 1956 làm chỗ tôn thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh, cách phần mộ khoảng 1km về hướng đông bắc khoảng 64^0. Đền tọa lạc trên khu đất bằng phẳng, rộng $3.000m^2$, kiến trúc theo kiểu chữ tam (=), gồm hai phần chính: nhà võ ca và chánh điện.

Hình 2.8: Đình Tam Hiệp hay còn gọi Đền Thờ Đoàn Văn Cự ở Biên Hòa

Nguồn: Tác giả

Nhà võ ca đối diện với đền thờ chính.Bên trong có sân khấu nhỏ dùng để hát bội trong những dịp lễ đền.Mặt sân khấu đối diện với chánh điện.

Trước khi vào chánh điện phải qua nhà bái. Đây là nơi khách thập phương ra vào hành lễ, mái lợp ngói móc, nền cao xây bằng đá ong lót gạch bông, được chia làm ba gian, mỗi gian đều có bàn hương án. Trước đền có cặp lý ngư hóa long chầu mặt trời, biểu tượng cuốn thư cây giáo, hai bên là hai con rồng bằng gốm men xanh.

Nối tiếp nhà bái là chánh điện, gồm bốn mái lợp ngói móc, trên nóc có cặp rồng chầu pháp lam, chia thành ba gian bởi những hàng cột gỗ sao, trên cột đều có liễn đối. Gian chính giữa thờ thần, bàn hương án bằng gỗ khắc chạm rồng chầu mặt trời, chim muông... được sơn son thếp vàng, hai bên là hàng bát bửu. Hai gian bên thờ tả hữu ban liệt vị. Dọc mặt tường tả hữu thờ Tiền Hiền, Bạch Mã, Tiên Sư, Thổ Công.

Phía sau chánh điện là nhà khách và nhà bếp. Nơi đây dùng để tiếp khách và nấu ăn trong những ngày lễ trọng.

Phần mộ là nơi an táng Đoàn Văn Cự, thủ lĩnh hội kín "Thiên Địa hội" ở Biên Hòa và 16 nghĩa binh tử vong trong trận tấn công của Pháp vào bưng Kiệu năm 1905. Đây cũng là nơi mà lúc sinh tiền Đoàn Văn Cự xây dựng căn cứ kháng chiến. Mộ tọa lạc trên khu bình địa tổng kho Long Bình, phường Long Bình, cách trung tâm thành phố Biên Hòa 8km đường chim bay. Nguyên thủy chỉ là nấm mồ chôn cất đơn sơ, năm 1956 và 1990 được nhân dân trùng tu lại theo lối xây cất mới. Mộ hình chữ nhật.Phía sau là ngôi miếu nhỏ thờ hương hồn Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh, bày trí đơn giản.Khu mộ được bảo vệ bởi hai vòng rào bằng gạch, có cổng ra vào.Gần như bao quanh khu mộ là dòng Linh Tuyền, tiếng nước róc rách suốt ngày đêm đưa hồn các tử sĩ vào cõi vĩnh hằng.

Đoàn Văn Cự lãnh đạo hội kín "Thiên Địa hội" ở Biên Hòa, một tổ chức yêu nước chống ách thống trị của thực dân Pháp. Ông đã quy tụ được đông đảo lực lượng nghĩa quân tiến hành cuộc kháng chiến trong những năm đầu thế kỷ XX.Tuy thực dân Pháp nhanh chóng dập tắt nhưng hoạt động của ông đã có ảnh hưởng sâu rộng ở vùng miền Đông Nam Bộ trong những thập niên đầu thế kỷ XX.

Thời gian cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở Nam Kỳ có nhiều hội yêu nước của nhân dân rất bí mật, báo chí gọi là "hội kín", về sau gọi là "Thiên Địa hội". Thật ra, các

hội đó không mang một tên thống nhất nào, mà có nhiều tên gọi khác nhau. Hội hoạt động riêng lẻ, liên lạc ngang với nhau, khi có điều kiện thì kết hợp thành hệ thống dọc như một lực lượng yêu nước mạnh mẽ. Mục đích là đánh đuổi ngoại bang, giành độc lập, thiết lập chế độ quân chủ, khẩu hiệu đấu tranh là "bài Pháp phục Nam". Hình thức đấu tranh là bạo động. Các tổ chức này còn chịu ảnh hưởng sâu của hệ tư tưởng và đạo đức phong kiến pha màu thần bí.

Vốn giàu lòng yêu nước, nhân dân Nam Kỳ lục tỉnh đã nhanh chóng biến hội kín thành hình thức hoạt động khá phổ biến để đấu tranh quyết liệt với giặc vào cuối thế kỷ XIX đều những thập niên XX.

Trong tình hình chung của phong trào Nam bộ lúc bấy giờ, nhân dân Biên Hòa hưởng ứng nhiệt thành phong trào chống Pháp của "Thiên Địa hội", mở đầu là tổ chức hội kín của Đoàn Văn Cự tại vùng bưng Kiệu, thôn Vĩnh Cửu.

Đoàn Văn Cự sinh năm 1835 tại làng Bình An, huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa (nay là huyện Thủ đức, thành phố Hồ Chí Minh) trong gia đình nho học yêu nước. Bị Pháp và bọn tay chân theo dõi, ông lánh giặc đến tá ngụ ở bưng Kiệu, thôn Vĩnh Cửu (nay là phường Long Bình, thành phố Biên Hòa) mưu đồ đại sự. Ngụy trang dưới nghề dạy học, cắt thuốc kiêm coi bói, ông ngấm ngầm tập họp lực lượng, tích trữ vũ khí, lương thảo. Đội ngũ chống Pháp của ông rải khắp cả miền Đông Nam Kỳ, đông nhất là Chợ Đồn, Chợ Chiếu (Cù lao Phố), Bình Đa, Vĩnh Cửu đến núi Nứa (Bà Rịa). Lực lượng ngày càng hùng hậu, hoạt động của ông dần đến chỗ công khai nơi bưng rừng khuất tịch. Tất nhiên không tránh khỏi sự dòm ngó, theo dõi của chính quyền thực dân.

Để ngăn chặn ảnh hưởng và dập tắt phong trào ngay từ trong trứng nước, sáng ngày 12/4/1905 (dương lịch), một tiểu đội lính mã tà do tên sen đầm chỉ huy kéo xuống bao vây căn cứ bưng Kiệu. Đoàn Văn Cự bố trí nghĩa quân do các tướng Hoàng Mè,

Hoàng Giáp chỉ huy chuẩn bị đón đánh giặc. Phục binh cả ngày mà không thấy giặc động tĩnh, đến chiều tối, ông ra lệnh cho nghĩa quân về ăn cơm. Đúng lúc không còn quân canh phòng, giặc Pháp rầm rộ kéo đến, một toán quân khá đông bao vây nhà ông.Tên quan ba cùng tốp lính vượt suối Linh tiến vào. Đến ngưỡng cửa, chúng gặp ông trong bộ chiến phục oai nghi: Đầu chít khăn lụa điều, mình buộc thắt lưng màu hồng, giắt đoản đao đầu hổ. Thấy địch, ông vung đao chém tên quan ba Pháp bị thương. Hắn rút súng bắn lại, Đoàn Văn Cự trúng đạn hy sinh trước bàn thờ Tổ. Lúc bấy giờ, đã bảy mươi tuổi mà tướng mạo ông hãy còn phương phi, nằm chết trên vũng máu với vẻ hiên ngang của một trang võ tướng.

Pháp xả súng vào căn cứ nghĩa quân, đốt phá lương thực. Thêm 16 người bị trúng đạn chết trong cơn tán loạn. Hôm sau, dân làng an táng 17 liệt sĩ vào ngôi mộ chung.

Người dân Biên Hòa – Đồng Nai tỏ lòng biết ơn cụ Đoàn Văn Cự nên đã lập mộ và thờ cụ tại đình của làng Tam Hiệp. Đáo lệ hàng năm, đến ngày 8 tháng 4 âm lịch, nhân dân địa phương thiết lễ giỗ bằng một độ tế rất long trọng, tưởng nhớ hùng khí của Đoàn Văn Cự và 16 tử sĩ vì đại cuộc xả thân.

2.2.3 Đình Mỹ Khánh (Còn gọi là Đền thờ Nguyễn Tri Phương)

Đình Mỹ Khánh tọa lạc bên bờ hữu ngạn sông Đồng Nai thuộc địa phận phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (nguyên trước kia là làng Mỹ Khánh, dinh Trấn Biên). Xung quanh ngôi đình là cảnh cây, sông nước hữu tình, phía trước có rừng dương liễu ngày đêm vờn gió vi vu, phía trên có đường thiên lý Bắc Nam (quốc lộ I cũ) vượt qua sông Đồng Nai bằng cầu Gềnh, bao bọc phía sau là cả vành đai khu dân cư với vườn cây trái sum xuê.

Hình 2.9: Đình Mỹ Khánh hay còn gọi là Đền thờ Nguyễn Tri Phương

Nguồn: Tác giả

Hiện hữu trong một không gian thoáng rộng nên thơ, đồng hành với thời gian nhiều biến cố, đình Mỹ Khánh trở thành một ấn tích đẹp đẽ, một biểu tượng thiêng liêng của con người Đồng Nai vốn có truyền thống thủy chung với tổ tiên. Tại đây, có ngôi miếu nhỏ tên là Mỹ Khánh đình được nhân dân địa phương dựng nên để thờ thần Thành Hoàng bổn cảnh cầu xin mưa gió thuận hòa, cuộc sống ấm no hạnh phúc. Đến đầu khoảng thế kỷ XIX (1803), ngôi miếu được nhân dân sở tại xây dựng thành ngôi đền.Từ đó, cho đến nay, ngôi đền được nhiều lần trùng tu khang trang như hiện nay.

Tương truyền, vào năm 1861, nhân dân địa phương có thờ cụ Tán lý Định Biên Nguyễn Duy – một tướng tài được triều đình Nguyễn cử vào lo việc chống quân Pháp

xâm lược. Trong trận đánh giặc pháp tấn công đồn Chí Hòa, Nguyễn Duy tử trận "thi hài tan nát không phân biệt được, có người nhận ra dấu áo và đai lưng của ông bèn đem về chôn tạm ngoài cửa Đông thành Biên Hòa". Về sau, vua Tự Đức thương xót bề tôi tuẫn tiết, giao cho danh tướng Nguyễn Tri Phương (anh ruột của Nguyễn Duy) đích thân trông coi việc cải táng, đưa quan cửu của Nguyễn Duy về quê Đường Long an táng. Sau khi cải táng, nhân dân tại Biên Hòa đắp lại chỗ cũ một ngôi mộ để thờ.

Năm 1873, khi danh tướng Nguyễn Tri Phương mất, để tỏ lòng ngưỡng mộ và thương tiếc vị anh hùng đã có công trong việc di dân lập ấp, mở mang lãnh thổ Đàng Trong, cùng với Nguyễn Duy làm vẻ vang thêm trang sử Biên Hòa, nhân dân tạc tượng Nguyễn Tri Phương và thờ ông tại đình. Từ đó, Mỹ Khánh đình được gọi là đền thờ Nguyễn Tri Phương.

Đứng ở phía Tây của cầu Gềnh vượt qua sông Đồng Nai, nhìn xuống phía hữu ngạn, ta sẽ thấy một bức tranh hoành tráng mỹ lệ lung linh giữa trời nước mênh mông. Ngôi đền tọa lạc trên một khu đất rộng, khá bằng phẳng, in bóng xuống dòng sông Đồng Nai giữa những cây cổ thụ và khu dân cư đông đúc. Mặt trước của đình nhìn ra sông Đồng Nai, theo hướng Đông Bắc. Bờ bên kia, Cù lao Phố sầm uất với những vườn cây trái xanh tươi. Trước đình có khoảng sân rộng tráng xi măng, hai bên có bàn thờ Thần Nông và Đài chiến sĩ. Đình Mỹ Khánh được xây dựng theo lối kiến trúc hình chữ công (I) gồm ba phần: Tiền đình, chánh điện và nhà khách. Xung quanh đình có hàng rào bảo vệ xây bằng gạch khá vững chắc. Họ tộc Nguyễn Tri tại Tp.Hồ Chí Minh đã dựng bia khắc ghi công trạng của Nguyễn Tri Phương dựng trước sân đình.

Mái đình lợp ngói vảy cá. Mặt trước của đền được đắp nổi với dòng chữ: "Mỹ Khánh đình" bằng chữ Hán và hai bên là cặp Lý ngư hoá long, nhựt nguyệt. Trên đỉnh cao của chánh điện trang trí hình ảnh lưỡng long tranh châu, hai bên có cặp phụng nghinh bằng gốm men xanh.Từ ngoài nhìn vào ta thấy sự uy nghi bề thế của đình. Ở

giữa là các tấm bao lam bằng gỗ được điêu khắc đề tài hoa điểu, tứ linh rất công phu. Các bức liễn và hoành phi khắc chữ Hán, sơn son thếp vàng treo khắp cột và xà ngang theo chiều dài khu chánh điện.

Chánh điện của đình ngày đêm nhang khói nghi ngút, hai bên thờ Tả ban, Hữu ban liệt vị... Bàn hương án có điểm khắc lưỡng long triều nhựt, mô típ hoa văn dây, hoa, lá được cách điệu rất tinh tế. Bàn la liệt bằng đá. Trước bàn thờ có đặt ngai gỗ chạm khắc tả hình đầu rồng, long vân sơn son thếp vàng tinh xảo. Chánh điện có tượng Nguyễn Tri Phương được tạc khắc bằng gỗ.

Đình Mỹ Khánh luôn được nhân dân địa phương và ban qúy tế trông coi gìn giữ ngăn nắp, sạch sẽ. Vào các ngày lễ, hội bao thiện tâm tín hữu tụ họp về đền dâng hương cầu phúc. Hàng năm, đền tổ chức lễ Kỳ Yên rất long trọng. Lễ được tiến hành vào ngày 16 và 17 tháng 10 âm lịch. Lễ Kỳ Yên được chuẩn bị rất chu đáo. Trước khi hành lễ, các vị hương chức lớn nhỏ đều hội tại đền để yết kiến thần thánh. Đến tối lễ bắt đầu từ lúc trăng lên cũng là khi con nước bắt đầu lớn. Lễ kéo dài trong hai ngày với những nghi thức tiến thần, diễn hành lễ bộ, tống phong... rất độc đáo và đẹp mắt. Dân trong làng cùng các nơi xa gần cùng các ban qúy tế đình, đền trong vùng đến dự.

Với danh nhân Nguyễn Tri Phương, tài năng đức độ, cuộc đời và khí tiết của Ông vẫn mãi sống toàn vẹn trong niềm tin kính của con người Đồng Nai. Một phần cuộc đời Nguyễn Tri Phương gắn với mảnh đất Biên Hòa nhưng sự đóng góp của Ông rất quan trọng.Trang sử vẻ vang chống thực dân Pháp xâm lược trên mảnh đất thiêng nầy vinh dự gắn liền với tên tuổi Nguyễn Tri Phương.

Tháng 2/1861, khi Gia Định thất thủ, đại bộ phận quân ta rút về lập tuyến phòng ngự ở Biên Hòa. Nguyễn Tri Phương liền thiết lập củng cố trận tuyến phòng thủ và cho quân trấn giữ các nơi xung yếu, Ông cho quân đắp lũy ở Tân Hoa, Trúc Giang, Sông

Ký, củng cố lũy Đông Giang, Phước Tứ và Đồng Môn. Ở pháo đài Phước Thắng và cửa Cần Giờ, ông điều quân canh giữ mặt biển.Trên sông Đồng Nai, Nguyễn Tri Phương cho đắp cản bằng đá ong để ngăn chặn tàu thuyền địch. Chỗ đắp cản quan trọng nhất là khúc sông Long Đại, độ phân nửa đường sông Nhà Bè – Biên Hòa. Hễ dưới sông có "cản" thì trên bờ có đồn lũy, bố trí đại bác. Một trong những bức tường cản còn lưu lại tới ngày nay là "cản" ở khúc sông trước đền thờ Nguyễn Tri Phương bây giờ.

Tương truyền khi Nguyễn Tri Phương rút quân về Biên Hòa, công việc phòng thủ đang gấp rút tiến hành thì triều đình có lệnh triệu hồi ông. Nhân dân Biên Hòa thương kính, tin yêu đã cản đầu ngựa, khẩn cầu ông ở lại đánh giặc cho đến cùng.

Sau đó, Nguyễn Tri Phương được triều đình điều ra trấn giữ thành Hà Nội. Trong một trận quyết chiến với kẻ thù, Nguyễn Tri Phương bị thương, con trai ông là Nguyễn Lâm hy sinh, thành Hà Nội bị thất thủ. Hòng mua chuộc ông, người Pháp đưa ông đến điều trị vết thương nhưng Nguyễn Tri Phương cương quyết cự tuyệt, hất bỏ thuốc men, cơm cháo, nêu cao tinh thần bất khuất, khí phách của mình. Ngày 20/12/1873 (tức 1/11/ At Dậu), Nguyễn Tri Phương mất tại dinh Tổng đốc thành Hà Nội để lại niềm thương tiếc vô hạn đối với triều đình, binh sĩ và nhân dân. Sống oai hùng, chết oanh liệt, người dân Biên Hòa đã tôn vinh ông như một phúc thần tại đình Mỹ Khánh với niềm tin son sắt rằng chính ông làm cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa đem lại thịnh vượng cho xứ sở.

2.2.4 Đình An Hòa

Đình An Hòa xưa kia thuộc làng Bến Gỗ, nay thuộc xã An Hòa, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Đình An Hòa được khởi dựng vào thời gian nào thật khó mà khảo chứng chính xác. Các cụ già cho biết, trên xà kèo nhà võ cac ó khắc năm dựng

miếu vào năm 1792.Điều này cho thấy, chí ít đình An Hòa nguyên thủy là ngôi miếu được xây dựng năm 1792. Đình An Hòa đã trải qua 3 lần trùng tu lớn:

Lần thứ nhất vào năm 1944: Các cột chính trong đình được nối dài thêm 1 mét để nâng cao chánh điện và mái đình. Nền nâng cao thêm 0,3 mét để tránh ngập lụt khi mùa mưa đến.

Lần thứ hai vào năm 1953: Quân Pháp chiếm đình làm đồn, khi trả lại cho dân, chúng phải xuất tiền đền bù để các bô lão và nhân dân trong làng sửa chữa lại một số hạng mục như: Thay đòn tay, lót gạch bông ở tam cấp, tô lại đầu rùa bên phải mái đình. Cũng dịp này nhân dân sở tại đóng góp công của xây dựng thêm nhà võ ca ở phía trước chánh điện.

Lần thứ ba vào năm 1994: sau khi đình An Hòa được Nhà nước xếp hạng là di tích quốc gia, cũng là thời kỳ ngôi đình bị xuống cấp nghiêm trọng. Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Bảo tồn Bảo tàng đã cấp 400 triệu đồng cùng với nguồn kinh phí hỗ trợ của địa phương, Nhà Bảo tàng đã trùng tu lại ngôi đình khang trang, bề thế như hiện tại.

Hình 2.10: Đình An Hòa – Ngôi đình bảo tồn những đặc điểm kiến trúc dân tộc

Nguồn: www.vista.net.vn

Đình An Hòa thờ Thành Hoàng bổn cảnh, vị thần bảo trợ làng và những vị Tiền hiền, Hậu hiền... có công khai phá, mở mang làng, xã. Nhân dân sở tại hàng năm đến đình cúng bái cầu cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, cuộc sống bình an, thịnh vượng, ấm no, hạnh phúc.

Đình An Hòa xây dựng theo hướng Đông - Nam, ban đầu kiểu chữ nhị (=) gồm một chánh điện và tiền bái. Sau này hai bộ phận trên được nối với nhau bằng một nhà cầu (nơi hành lễ) nên trở thành chữ Công (I).

Mái đình lợp ngói âm dương, đỉnh chánh điện có gắn cặp rồng chầu pháp lam bằng gốm men màu. Nền lót gạch tàu, chia làm ba gian rõ rệt. Từ nhà võ ca nhìn vào chánh điện sẽ thấy ở gian giữa là những cặp liễn, hoành phi chữ Hán, xung quanh chạm

khắc hoa văn tinh xảo, sơn son thếp vàng nổi bật trên hai hàng cột và xà ngang chạy suốt chiều dài 47 mét của khu chánh điện làm cho ngôi đình trở nên trang nghiêm và huyền bí.

Chánh điện: Là loại nhà 3 gian 2 chái truyền thống ở Nam Bộ. Chái phía sau bàn thờ thần (dãy hàng hiên sau) là hậu trường, đây là nơi phục vụ việc tế lễ. Gian giữa thờ thần. Hương án bằng gỗ sơn son thếp vàng, chạm khắc hoa lá, rồng uốn lượn. Khám thờ mang hàng chữ "Vạn cổ anh linh". Bên trong là một đại tự lớn, chữ "Thần" viết bằng mực đen trên nền đỏ. Phía dưới là chiếc hộp sắt, sơn đỏ trong đựng sắc thần nội dung như sau:

"Sắc An Hòa thành hoàng chi thần, nguyên tặng Bảo An, Chính Trực, Hữu Thiện, Đôn Ngưng, Chi ThầnNhưng chuẩn Long Thành huyện, An Hòa thôn, y cựu phụng sự thần, kỳ trương bảo ngã lê dân

Khâm sai"

Ấn có chữ: Sắc mệnh chi bảo

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập cửu nhật.

Tạm dịch: Sắc phong thần Thành Hoàng An Hòa, trước (đã) tặng là thần: Bảo An, Chính Trực, Hữu Thiện, giữ nước, giúp dân, linh ứng tính đã lâu.

Ta (nay) ít đức, lãnh mệnh (tư dân), luôn nghĩ đến thần nên tặng thêm là thần: Bảo An, Chính Trực, Hữu Thiện, đôn Ngưng.

Nhưng cho thôn An Hòa, huyện Long Thành thờ phụng thần như cũ, để thần bảo vệ (lê) dân của ta

Kính vậy thay

Ngày 29 tháng 11 năm tự Đức thứ năm (29/1/1852).

Nét đặc sắc nhất của ngôi đình là nghệ thuật chạm khắc, trang trí hoa văn ở khu chánh điện. Các khối gỗ được các nghệ nhân chạm trỗ, bố cục và thể hiện hài hòa các đề tài truyền thống trong nghệ thuật điêu khắc Việt Nam. Toàn bộ các đầu dư, trụ đỡ, xà ngang, bức cốn... của đình đều được tạc đình đầu rồng và lưỡng long chầu nhật, cúc liên chi, mây sóng nước, dơi ngự lâm môn... biểu tượng ước mơ thịnh vượng, tốt lành ngàn đời của nhân dân Việt Nam. Các đường nét chạm khắc rất uyển chuyển tinh tế, sống động như được vẽ trên giấy mang đậm đà màu sắc dân gian. Đáng chú ý nhất là hình ảnh lưỡng long chầu nhật ở xà ngang gian giữa trước chánh điện đã được cách điệu hóa: Đầu rồng, thân là xương cá đao nối thành hai khúc, đối xứng với bông cúc viền quanh và mây sóng nước, hoa lá... Toàn bộ mảng trang trí này được chạm khắc rất tinh xảo như thể hiện nghề chài lưới của nhân dân địa phương xưa kia.

Nhà Cầu: Là nơi hành lễ. Nhà cầu là cầu nối giữa chánh điện và nhà bái. Nhà cầu ngoài chức năng là nơi hành lễ còn thờ Tiên Sư và Thổ Công.

Nhà Bái: còn gọi là tiền bái hay tiền đường. Nhà Bái và Nhà Cầu dược thông liền với nhau nhưng được phân định bởi một hàng đá.Phía trước là ba cửa bằng gỗ để vào đình. Nhà Bái được tạo dựng bởi hai hàng cột gỗ tròn lớn ở gian giữa và hai hàng cột gỗ vuông ở hai gian bên.

Nhà võ ca: Được xây riêng biệt ở sân đình, mặt tiền đối diện với chánh điện. Nhà võ ca xây dựng đơn giản không có tường bao quanh, chỉ có một sân khấu để diễn hát bội và nghi lễ cúng thần. Nhà võ ca đều đối diện với chánh điện để khi diễn hát bội, hoặc diễn trò người trình diễn đối mặt với thần, còn thần Thành Hoàng cũng chỉ là một

khán giả cùng ngồi xem với dân. Cách bố trí này tạo sự gần gũi, thân thiện giữa thần với dân.

Về mặt tạo hình, đình An Hòa được xem là gương mặt của nghệ thuật kiến trúc cổ ở Đồng Nai và tiêu biểu cho kiểu dáng đình ở một vùng Nam Bộ. Đình An Hòa là nơi bảo tồn khá nguyên vẹn những đặc điểm của nền kiến trúc dân tộc, không chịu ảnh hưởng của kiến trúc Trung Hoa như một số ngôi đình khác.

Hàng năm vào rằm tháng tám (âm lịch) đình An Hòa diễn ra lễ rước thần theo nghi thức truyền thống cuôn hút đông đảo người dân tham dự.

2.3 Giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội của hệ thống đình ở Biên Hòa

2.3.1 Giá trị lịch sử

Văn hóa đình làng là truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc Việt Nam, với quá trình di cư của những người con miền bắc và miền trung vào vùng đất Biên Hòa sing sống và lập nghiệp, chung sống cùng với anh em các dân tộc khác như người Hoa, với những đặc điểm văn hóa được mang theo từ cố hương đã được hội tụ trên vùng dất Biên Hòa, tiếp nhận và dung hòa lẫn nhau để hình thành nên một nền văn hóa vô cùng độc đáo của vùng đất Nam bộ. Điều này chứng tỏ dân tôc Việt Nam chúng ta có lối sống hòa đồng, sẵn sàng tiếp thu một cách có chọn lọc những nét văn hóa tinh hoa của nhau để làm phong phú thêm văn hóa của nước mình, đặc biệt là được thể hiện qua các co sở tín ngưỡng thờ tự, mà trong đó chính là đặc điểm văn hóa của hệ thống đình ở Biên Hòa, với những giá trị lịch sử vô cùng ý nghĩa và quý báu của đời ông cha khai hoang lập nghiệp mở mang bờ cõi cho tới thế hệ con cháu sau này.

Rất nhiều anh hùng lịch sử như anh hùng Đoàn Văn Cự, Nguyễn Tri Phương, các anh hùng liệt sĩ đang được thờ ở đình Bình Quan – Biên Hòa… Tất cả các vị đều được

tôn thờ trong đình làng là để kính nhớ đến công lao đóng góp của các vị đã giảnh độc lập chủ quyền cho làng có cuộc sống ổn đình khi các vị ấy còn sống, khi chết các vị trở thành các linh thần vẫn bảo vệ cuộc sống yên bình cho nhân dân như đình Tân Lân thờ Đức Ông Trần Thượng Xuyên, dù ông là người gốc Trung Quốc nhưng để tưởng nhớ người đã khai khẩn, có công lớn trong việc mở mang bờ cõi, xây dựng cuộc sống ấm no cho nhân dân nên dân làng đã thờ Ông để xin Ông vẫn ngày đêm bảo vệ cho dân làng….Công lao của các vị được ghi nhớ trong tâm thức của mỗi người con sinh sống trên vùng đất Biên Hòa, dù các vị ấy có đi đâu hay an nghỉ ở đâu trên khắp mọi miền của Tổ Quốc, ý nghĩa lịch sử được thể hiện rất rõ qua lòng sùng tín và lòng biết ơn trong tâm thức của người con đất Việt.

Ngoài ra còn có giá trị lịch sử được thể hiện rõ qua kiến trúc đình, cách bài trí trong ngôi đình, các đối tượng được thờ cung trong đình, nét độc đáo được thể hiện qua các nghi lễ, lễ hội đình…Như đình Tân Lân đối tượng thờ cúng rất đặc biệt đó là Đức Ông Trần Thượng Xuyên là người gốc Trung Quốc nhưng cũng được dân làng tôn kính và tôn thờ bởi vì một điểm đặc biệt mà chỉ có ở Người Việt đó là họ chia đều lòng sùng tín cho tất cả các vị thần không phân biệt giới tính, nghề nghiệp, địa vị. Không những thế họ còn phong thần cho cả những giai cấp thấp hèn, bần cùng của xã hội, nếu còn sống cũng bị đẩy ra khỏi bên lề xã hội. Tất cả những vị này cũng đều được thờ rất trang trọng.

Bên cạnh đó qua các đối tượng thờ còn có ý nghĩa rất quan trọng về triết lý âm dương như đình Tam Hiệp hay còn gọi là đền thờ Đoàn Văn Cự ở phường Tam Hiệp, đối tượng thờ chính trong đình là Anh hùng Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh, vị thần này được thờ rất trang trọng trong đình, nhưng không phải chỉ thờ mỗi vị thân này mà bên cạnh Miếu thờ Anh hùng Đoàn Văn Cự còn có miếu Bà Ngũ Hành Nương, Miếu bà đây không phải là vợ của Đoàn Văn Cự mà là năm Bà trong tâm thức của người

Việt đại diện cho Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ…Những giá trị lịch sử ấy mang đậm nét văn hóa độc đáo của dân tộc Việt Nam.

2.3.2 Giá trị Văn Hóa

Giá trị văn hóa tâm linh: Về văn hóa tâm linh được hiểu: "Là chỉ một hoạt động văn hóa của con người mang tính thiêng liêng, được thể hiện ra những khía cạnh vật chất và tinh thần, trong quá trình lịch sử và tồn tại lâu dài cùng con người" [1].

Trong cuộc sống con người từ xưa đến nay, dù trong điều kiện hoàn cảnh nào thì người ta cũng đều tìm đến một tín ngưỡng, đó cũng là nhu cầu đặc trưng của con người. Cư dân ở vùng đất Biên Hòa cũng như vậy, đời sống văn hóa tinh thần của họ rất phong phú, trong đó tín ngưỡng thờ thần Thành Hoàng trong các ngôi đình là nhu cầu không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt tâm linh. Họ coi việc đến những ngôi đình để thắp hương cầu khẩn phù hộ, việc tế lễ ở đình làng trong mỗi dịp lễ hội, họ coi đó là niềm an ủi, động viên, là gốc rễ của giá trị đạo đức, là chỗ dựa tinh thần để mỗi người, mỗi gia đình, xóm làng vượt qua khó khăn hoạn nạn, được bình yên, thịnh vượng và khi tìm đến những mái đình làng, người ta sẽ cảm thấy có sự bình yên về tinh thần rất lớn.

Đình làng chính là không gian thiêng mà ở đó là nơi ngự trị của các vị thần Thánh mà theo quan niệm của họ, các vị đều "có tai có mắt ở mọi nơi", các vị hiểu thấu được nỗi khổ và lòng thành của con người và các vị sẽ đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn. Xuất phát từ quan niệm đó mà cứ khi nào trong cuộc sống của mọi người có việc chẳng lành thì đến những ngôi đình làng để gửi gắm tâm tư nguyện vọng vào các vị thần hộ mệnh của làng mình, đó chính là quan niệm chung của cư dân đang sinh sống ở Biên Hòa nói chung và của cư dân nông nghiệp trên khắp đất nước.

---

[1]Nguyễn Đăng Dũng, Văn Hóa tâm linh, NXB Hà Nội, Tr.31

Ngoài ra với sự hiện diện của những ngôi đình làng giữa lòng thành phố, như muốn nhắc nhở thế hệ con cháu ý nghĩa, giá trị quý báu của những di tích đình cũng như công lao mở cõi của ông cha ta, giáo dục truyền thống yêu nước, niềm tự hào của dân tộc đối với thế hệ trẻ chúng ta ngày hôm nay và trong tương lai.

2.3.3 Giá trị du lịch gắn kết cộng đồng xã hội

Với những hoạt động tín ngưỡng được tổ chức trong các di tích đình là điều kiện để cho mọi người đến với nhau, gắn kết với nhau trong một tập thể chung, cùng nhau sinh hoạt, cùng nhau cảm nhận giây phút linh thiêng trong không gian đình. Điều đó góp phần làm cho cuộc sống của người dân ngày càng ấm no hơn, bình an hơn, xã hội ổn định, an ninh trật tự xã hội ngày càng được hoàn thiện hơn. Không những thế khi đưa hệ thống đình vào khai thác phục vụ cho du lịch sẽ góp phần làm cho nhiều du khách đến với Tp. Biên Hòa, tạo nên sư gắn kết cộng đồng với nhau, cùng nhau tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, những nét đẹp truyền thống của vùng. Điều đó tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc xây dựng hình ảnh TP. Biên Hoà thật đẹp và thật phát triển trong hiện đại và trong tương lai lâu dài.

Tiểu kết chương II

Chương 2 là một chương rất quan trọng của đề tài. Chương 2 sẽ tập trung làm rõ những vấn đề sau:

Tác giả giới thiệu về hệ thống các di tích đình trong TP. Biên Hòa, quá trình hình thành và phát triển của hệ thống đình làng từ khi xây dựng còn sơ sài cho đến hình thành và phát triển mạnh mẽ như ngày hôm nay.

Bên cạnh đó, tác giả làm hệ thống lại số lượng và sự phân bố của các di tích đình trên địa bàn thành thố, nhằm giúp người đọc có thể hiểu rõ hơn về số lượng và sự phân

bố của các ngôi đình trong trung tâm TP. Biên Hòa. Ngoài ra, tác giả phân loại các di tích đình dựa theo đối tượng được thờ cúng trong ngôi đình là Thần Thượng Đẳng hay Thần Hạ đẳng, những ngôi đình nào có sắc phong và những ngôi đình nào không có sắc phong hoặc đã bị thất lạc hay mất.

Điểm đặc biệt trong chương 2 đó là tác giả giới thiệu một số ngôi đình tiên biểu để người đọc sẽ hiểu rõ hơn về hệ thống các di tích đình ở Biên Hòa. Nhằm quảng bá hình ảnh của các di tích đình rộng khắp, tác giả cũng đã nêu ra những giá trị về lịch sử, vă hóa, xã hội của các di tích đình, là cơ sở vững chắc để tác giả đi vào tiếp tục nghiên cứu chương 3 là chương nêu ra các biện pháp giữ gìn và bảo tồn các di tích đình để luôn luôn là những giá trị quý báu hiện hữu trong tương lai lâu dài và phát triển một cách bền vững.

Chương III

Thực trạng và giải pháp cho hệ thống đình để phát triển du lịch của TP. Biên Hòa

3.1 Vai trò của hệ thống đình trong phát triển du lịch của TP. Biên Hòa

3.1.1 Đánh giá chung về vai trò của các loại hình du lịch ở TP. Biên Hòa

Có thể nói thành phố Biên Hòa không chì là thành phố được biết đến với những khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại mà còn là thành phố của vùng đất có tài nguyên vô cùng phong phú và đa dạng bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị rất độc đáo và đặc sắc, hấp dẫn du khách ở địa phương và đăc biệt là những du khách trong và ngoài nước.

3.1.1.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên

- **Loại hình du lịch sinh thái**

Vùng đất Biên Hòa tuy là thành phố của nhiều khu công nghiệp, nhiều công trình xây dựng lớn nhưng bên cạnh đó Biên Hòa còn được thiên nhiên ban tặng cho một hệ thống tài nguyên du lịch tự nhiên vô cùng đa dạng và phong phú. Đến với Biên Hòa du khách sẽ có dịp tham quan, dã ngoại tại các thắng cảnh như khu du lịch sinh thái Sơn Tiên, Khu du lịch sinh thái Vườn Xoài, đến đây du khách sẽ có dịp trải nghiệm với không gian thoáng đãng cùng các trò chơi vui nhộn, chiêm ngưỡng các loại thú hiếm trong vườn bách thú. Ngoài ra còn có các sân chim, vườn cò, nơi đây quy tụ hầu hết các loại chim đến từ nhiều nước trên thế giới và đặc biệt du khách sẽ tự trải nghiệm cảm giác mạo hiểm trên những chiếc xe trượt có để trượt trên những đồi cỏ dốc xanh mướt..

Hình 3.1: Tham quan khu du lịch Vườn Xoài – Biên Hòa

Nguồn: http://www.kenh.vn

Tuy nhiên, các hoạt động du lịch sinh thái hầu như đang bị lắng xuống, bởi vì số du khách đến tham quan các khu du lịch này sau một số năm có tăng nhưng chủ yếu họ đến chỉ để tham quan, đi lòng vòng rồi về, chú không sử dụng một cách trọn ven loại hình du lịch sinh thái một cách đúng nghĩa, nếu chỉ đi tham quan không thôi thì họ rất dễ nhàm chán vì thế mà hiện nay số lượng du khách đến với loại hình du lịch sinh thái ngày càng giảm do sức hấp dẫn ban đầu không còn nữa.

- **Loại hình du lịch sinh thái miệt vườn**

Đây là loại hình tham quan khá hấp dẫn của du khách hiện nay, đến với loại hình này du khách như lạc vào cõi thần tiên của những vườn cây ăn trái. Đến với Biên Hòa du khách sẽ có dịp tham quan làng bưởi Tân Triều, làng bưởi Năm Huệ, du khách vừa

cảm nhận được không gian thoáng đãng, mát mẻ, không khí trong lành vừa được tự tay mình hái những trái bưởi chín mọng để thưởng thức. Không những thế du khách có thể thưởng thức các món ăn được chế biến từ bưởi như gỏi bưởi và nếm vị ngọt của rượu bưởi ngay tại trong vườn do chính các chủ vườn chế biến và phục vụ du khách một cách chu đáo.

Hình 3.2: Sức hấp dẫn của Làng Bưởi Tân Triều - Biên Hòa

Nguồn: www.baodongnai.com.vn

Mặc dù là vậy, các hoạt động tham quan này ít được nhiều du khách chọn lựa để tham quan vì họ không còn đến để cảm nhận không khí trong lành nữa mà nếu có ăn trái cây thì ra chợ mua cho nhanh cho tiện, nên giá trị của những giây phút thưởng thức và cảm nhận không gian thoáng đãng ấy hiện nay đang dần mất đi vẻ hấp dẫn vốn có của nó.

- **Loại hình du lịch sinh thái kết hợp với du lịch văn hóa**

Đây là loại hình du lịch khá hấp dẫn và đang được nhiều địa phương chú trọng, quan tâm để đưa vào khai thác. Khi tham quan loại hình du lịch này, du khách vừa có dịp tham quan những thắng cảnh đẹp mà còn vừa trải nghiệm, cảm nhận những giá trị văn hóa của vùng đất Biên Hòa như kết hợp tham quan khu du lịch Bửu Long và Văn Miếu Trấn Biên. Đây là loại hình du lịch rất hấp dẫn và đặc sắc du khách đến ở địa phương, đặc biệt là các học sinh, sinh viên đến từ các địa phương khác trong nước và cả nước ngoài.

Hình 3.3: Khu DL Bửu Long **Hình 3.4: Văn Miếu Trần Biên**

Nguồn: www.baodongnai.com.vn

3.1.1.2 Tài nguyên du lịch nhân văn

Với bề dày lịch sử hơn 300 hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa, trải qua dòng thời gian lịch sử, Biên Hòa hiện hữu rất nhiều tài nguyên du lịch nhân văn vô cùng độc đáo và đặc sắc, có giá trị và ý nghĩa lịch sử rất cao, bởi vì đây được xem là vùng đất của những anh hùng trong công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm và của ông cha ta thời mở cõi, dựng nước và giữ nước. Với rất nhiều các di tích lịch sử

văn hóa đang hiện diện trên vùng đất Biên Hòa đã thu hút rất nhiều khách du lịch đến tham quan, học tập và nghiên cứu.

- **Loại hình tham quan các công trình kiến trúc cổ và các di tích lịch sử**

Đây là loại hình du lịch phát triển khá mạnh mẽ ở vùng đất Biên Hòa với nhiều công trình kiến trúc nổi bật như: Văn Miếu Trần Biên, Mộ cổ Hàng Gòn, Di tích Phá nhà lao Tân Hiệp… Văn Miếu Trấn Biên là 1 trong 2 văn miếu nổi tiếng của nước ta, ở Hà Nội có Văn Miếu Quốc Tử Giám và ở miền Nam có Văn Miếu Trấn Biên, ngày nay cấp chính quyền địa phương đang tôn tạo và xây dựng các địa điểm hấp dẫn du khách hơn như Hội Quán Trấn Biên, đến đây du khách sẽ có dịp thưởng thức giá trị văn hóa qua nhiều tập sách, tranh ảnh, chữ thư pháp… rất hấp dẫn và độc đáo. Ở Biên Hòa còn có rất nhiều các công trình đình, chùa, miếu…tất cả đánh dấu một thời mở mang bờ cõi của vùng đất Biên Hòa xưa. Các ngôi đình, chùa, miếu với nhiều hình thức, phong cách, kiến trúc rất độc đáo như: Đình Tân Lân, Đình Bình Kính, Chùa Bửu Phong, Chùa Ông.…

Hình 3.5: Chùa Ông - Biên Hòa

Hình 3.6: Mộ cổ Hàng Gòn

Nguồn: Tác giả

Ngoài ra, vùng đất này còn là nơi lưu giữ những truyền thống lâu đời về âm nhạc của cư dân Nam bộ, họ đã sáng tạo ra rất nhiều các loại nhạc cụ, nhạc khí và thể loại âm nhac, minh chứng cho thấy một di chỉ khảo cổ học về việc chế tạo đàn đá từ 3000 năm trước, đó là Đàn Đá Bình Đa…Đây là một báu vật rất đáng trân trọng của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

- **Loại hình du lịch tham quan làng nghề**

Đây cũng là loại hình du lịch khá phổ biến ở Biên Hòa. Trước đây có phát triển rất mạnh mẽ nhưng sau này thì do điều kiện kinh tế các làng nghề dường như ít hoạt động hơn trước, các làng nghề truyền thống như: làng gốm Biên Hòa, làng Đá Biên Hòa, các làng trồng cây cảnh hay các làng nghề đục tượng đá ở Bửu Long…đã có thời gian rất phát triển. Hiện nay vẫn còn có những kho đá đang hoạt động khá phát triển.

Hình 3.7: Làng Gốm Biên Hòa **Hình 3.8: Làng Đá Bửu Long**

Nguồn: http://www.baodongnai.com.vn

Nhưng trên thực tế cho thấy các làng nghề này chủ yếu là sản xuất, kinh doanh với mục đích thu lợi nhuận, du khách đến đây không thể hiểu hết văn hóa của làng nghề một thời nức tiếng khắp vùng mà khi du khách đến đây các chủ cơ sở không những không tiếp đón ân cần mà còn chăm chăm giới thiệu sản phẩm, thách giá để thu

nhập lợi nhuận, điều đó đã làm nhiều du khách muốn tìm hiểu cũng chẳng bao giờ muốn lui tới. Chính vì thế mà hình ảnh của các làng nghề chưa được thể hiện một cách sinh động độc đáo và tôn lên giá trị văn hóa đặc thù vốn có.

3.1.2 Vai trò của hệ thống đình trong phát triển du lịch của TP. Biên Hòa

Ngày nay, với cuộc sống tất bật, ồn ào, con người đang chạy theo guồng quay của hiện đại, vì thế xu hướng của con người hiện nay đang dần tìm cho mình những giây phút thinh lặng, tịnh tâm, đọng tâm hồn mình lại trong khía cạnh nào đó của thế giới tâm linh, tìm đến những sinh hoạt tâm linh của cộng đồng. Với tài nguyên du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn phát triển rất mạnh mẽ, đặc biệt là những cơ sở thờ tự, trong đó có hệ thống đình ở biên Hòa đang được chú trọng và quan tâm để đưa vào khai thác du lịch nhằm đáp ứng được nhu cầu của con người. Bên cạnh những giá trị về lịch sử, văn hóa, xã hội, giá trị của những công trình kiến trúc, điêu khắc. Đặc biệt là giá trị về du lịch gắn kết cộng đồng được ẩn chứa trong hệ thống đình làng ở Biên Hòa, ta có thể nhận thấy rõ vai trò của hệ thống đình trong tài nguyên du lịch ở Biên Hòa là rất lớn, tất cả đều được thể hiện rất rõ qua các phương diện sau:

Thứ nhất, hầu như khi lên các trang web của tỉnh Đồng Nai, ta đều thấy hình ảnh của các ngôi đình như đình Tân Lân hay đình Bình Kính, hình ảnh của các ngôi đình được chọn làm trang chủ cho các chương trình hay các sự kiện văn hóa nổi bật của địa phương, việc quảng bá hình ảnh, giới thiệu nguồn gốc, ý nghĩa của các di tích thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài, báo và trên các cổng thông tin điện tử của địa phương. Điều đó làm cho hình ảnh du lịch văn hóa của tỉnh Đồng Nai nói chung và TP. Biên Hòa nói riêng được quảng bá rộng rãi hơn, kích thích sự tò mò của du khách và họ sẽ đến đây để tìm hiểu sâu hơn. Đặc biệt là các nhà giáo, các học sinh sinh viên, các nhà nghiên cứu tìm hiểu về giá trị lịch sử thông qua những di tích. Qua việc đi thực tế để tìm tư liệu, hình ảnh về các di tích đình ở Biên Hòa, tác giả nghe được thông tin của người dân cho biết: “Thời gian gần đây, có nhiều đợt học sinh, sinh

viên và nhiều nhà nghiên cứu đến các ngôi đình ở xã chúng tôi để tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu. Tôi hy vọng trong tương lai không xa các ngôi đình sẽ có nhiều người đến hơn”[1]

Thứ hai, thời gian gần đây số lượng tổ chức các cuộc thi viết về nét văn hóa của Việt Nam ngày càng nhiều, trong đó số lượng học sinh, sinh viên, các nhà nghiên cứu trong tỉnh Đồng Nai và các địa phương trong nước tham gia ngày càng đông. Các bài viết về di tích đình làng cũng tham gia nhiều và đạt được những giải cao trên cả nước. Điều đó đã tạo điều kiện để mọi người biết đến Biên Hòa nhiều hơn và muốn đến tham quan, tìm hiểu vùng đất này nhiều hơn.

Thứ ba, sự hiên diện của các di tích đình ở trung tâm TP. Biên Hòa để du khách đến viếng thăm, tham quan và đặc biệt khi đến đây du khách sẽ đóng góp tiền của vào công ích chung của di tích đình, ngoài ra còn đóng góp vào công tác phát triển du lịch của TP. Biên Hòa nói riêng và của cả tỉnh nói chung. Điều đó đã góp phần cho ngành kinh doanh du lịch của TP hoạt động nhanh chóng và đạt hiệu quả cao.

3.2 Thực trạng về việc quản lý, bảo tồn các di tích

Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử và nghệ thuật là hoạt động có ý nghĩa thiết thực trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của TP. Biên Hòa nói riêng và của tỉnh Đồng Nai nói chung. Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử và nghệ thuật là nhân tố quan trọng và phát triển bền vững. Nâng cao chất lượng công tác, bảo tồn di tích lịch sử và nghệ thuật là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trong bối cảnh hiện nay. Qua đợt tham quan, tìm hiểu tác giả nhận thấy hiện nay hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích đình trong hệ thống tài nguyên du lịch của TP. Biên Hòa còn bộc lộ những thiếu xót cơ bản:

[1] Trích lời của Ông Trần Văn Toán, Sinh Năm 1952, Tại đình Bình KÍnh, Xã Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa.

- ***Khó tiếp cận được với các di tích đình***

Trong quá trình đi tìm tài liệu và hình ảnh để thực hiện bài luận án, tác giả đã đến các di tích đình ở Biên Hòa, điều thất vọng lớn nhất của tác giả đó là khi đến các di tích đình thì đình nào cũng đóng cửa then gài, rất khó để vào bên trong chánh điện để tìm hiểu kiến trúc, cách bài trí bên trong đình. Vì vậy, tác giả nghĩ rằng mặc dù nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò và ý nghĩa của các di tích và trách nhiệm của mọi người ngày càng được nâng cao nhưng chưa thực sự sâu sắc và toàn diện. Ban quản lý hầu hết ở các đình thì rất đông, tuy nhiên đều là những người làm việc không chuyên, hầu hết chỉ mang tính giữ gìn di tích, chỉ trông coi thôi chứ chưa phát huy được giá trị của những di tích đó.

Hình 3.9: Các ngôi đình vẫn đóng kín cổng cao tường như thế này

Nguồn: Tác giả

Dù các đình đều nằm trong trung tâm TP. Biên Hòa, việc đi lại tương đối dễ dàng và ngày nào cũng có xe cộ qua lại, rất thuận tiện cho việc tổ chức tham quan, tuy nhiên hàng ngày đình vẫn đóng cửa cao tường, du khách rất ngại khi phải xin vào viếng các đình, thậm chí ngay bản thân tác giả muốn vào đình thì phải về trường xin giấy giới thiệu của trường và phải gặp ban quản lý xin phép thì mới được mở cổng cho vào tham quan đình. Điều đó đã cản trở rất lớn cho việc tìm hiểu, tham quan, nghiên cứu của du khách khi đến các ngôi đình.

- ***Công tác bảo tồn còn thiếu nhiều mặt cơ bản***

Công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích còn thiếu định hướng, thiếu những chính sách, chế tài để khuyến khích, kêu gọi sự đóng góp của các cá nhân, các tổ chức. Các nguồn lực do dân đóng góp chưa được thường xuyên, các ngôi đình hầu hết là dưới sự quản lý của riêng lẻ từng địa phương, chứ ít chịu quản lý của nhà nước nên không được định hướng để sử dụng hiệu quả.

Mặc dù hầu hết các di tích đình được trùng tu, tu bổ nhiều lần như tôn tạo cảnh quan mà hệ thống đèn chiếu sáng trong đình vẫn không đủ sáng, nói chung là chưa tốt, thiếu chú ý đến công tác phòng chống cháy, trộm, minh chứng cho thấy là khi tác giả tới các di tích đình hầu như không nhìn thấy bình chữa cháy ở đâu và khi mới vào tới cổng đình, tác giả nhìn thấy dòng chữ "coi chừng mất xe", bản thân tác giả đã mất đi cái cảm giác háo hức ban đầu trước khi đến đình, trong lúc tham quan tâm trạng thấp thỏm lo lắng vì sợ mất xe, điều đó cho thấy rõ khi đến đình cũng không có người trông coi xe nữa.

- ***Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa các cấp, các ngành***

Việc giới thiệu, tổ chức và khai thác di tích đình còn đơn điệu, chưa có sự khai thác di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Hoạt động tổ chức giới thiệu tại di tích chưa được làm một cách khoa học và bài bản. Chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong tổ chức khai thác du lịch và dịch vụ du lịch tại di tích.

- ***Công tác đào tạo đội ngũ hướng dẫn, thuyết minh viên chưa được chú trọng***

Tại di tích không có người hướng dẫn, giới thiệu vì vậy khách tham quan khó có thể tìm hiểu được di tích đầy đủ, ngay cả tác giả khi đến các di tích đình cũng chẳng có ai hướng dẫn để hiểu rõ hơn về ý nghĩa của từng cách bài trí trong và ngoài đình như

thế nào, điều đó dẫn đến sự nhàm chán vì chỉ xem mà không hiểu, làm mất đi một tình cảm tốt đẹp của du khách và ảnh hưởng tới việc khách đến tham quan tới di tích đình lần sau cũng như việc du khách sẽ là những người giúp quảng bá với người khác đạt hiệu quả nhanh và tốt nhất, nếu ngay cả khi họ không cảm nhận được gì tốt thì chắc chắn họ sẽ giới thiệu không tốt về di tích đình.

- ***Công tác tuyên truyền quảng bá hình ảnh di tích chưa được quan tâm***

Công tác tuyên truyền còn chưa được chú trọng, thông tin về du tích đình còn hạn chế, chẳng hạn du khách đến với Biên Hòa muốn đến di tích sẽ gặp rất nhiều khó khăn bởi chưa có một bản đồ du lịch, bản đồ giới thiệu về di tích – danh thắng của Biên Hòa – Đồng Nai. Ngoài ra cũng chưa có hệ thống biển chỉ dẫn đường đến các di tích, bản thân tác giả trong quá trình thu thập tư liệu, tác giả thật sự gặp thật nhiều khó khăn vì không thể kiếm ở đâu ra một bản đồ du lịch, một bản đồ giới thiệu một di tích danh thắng của tỉnh Đồng Nai cũng như hệ thống biển chỉ dẫn đường đến các di tích. Vì thế, tác giả phải lên trang google để tìm đường và hỏi thăm người dân địa phương để họ chỉ dẫn đường vào di tích mặc dù các di tích đình ở Biên Hòa đều nằm trong trung tâm TP và điều kiện giao thông khá là thuận tiện nhưng việc tìm kiếm các ngôi đình vẫn gặp không ít khó khăn. Điều đó vô tình đã làm cho du khách chẳng biết đến di tích đình nào khi đến Biên Hòa, chắc chắn là du khách sẽ tới những nơi dễ kiếm, nổi tiếng và sôi động hơn.

Bảng 3.1: Khi đến với Biên Hòa, du khách sẽ lựa chọn địa điểm nào?

Khu Du Lịch Vườn Xoài	Văn Miếu Trấn Biên	Khu Du Lịch Bửu Long	Làng Bưởi Tân Triều	Các Ngôi đình ở Biên Hòa
47,1%	16,3%	24,6%	8,3%	4,7%

Nguồn: Tác giả

Bảng 3.2: Mục đích của du khách khi đến với các di tích đình ở Biên Hòa

Cầu cúng	Tham quan	Học tập, tìm hiểu, nghiên cứu	Nghỉ mát	Đến xem cho biết
46,1%	12,8%	35,5%	4,2%	1,4%

Nguồn: Tác giả

Như vậy, dựa vào số lượng bảng 3.1 và bảng 3.2 tác giả thu thập được trong quá trình điều tra 100 em hoc sinh cấp 2 trường Võ Trường Toản ở Biên Hòa, kết quả thu thập được như sau: Khi được hỏi nếu đi du lịch ở Biên Hòa, du khách sẽ chọn địa điểm nào, số liệu thống kê cho thấy tỉ lệ đến với các di tích đình còn quá thấp, chỉ có 4,7%, hầu hết du khách không được biết đến các ngôi đình ở Biên Hòa, đồng thời khi hỏi mục đích khi đến với các đình chủ yếu là để cầu cúng 46,1%, kế đến là học tập, nghiên cứu phục vụ cho việc học tập của mình, chứ nếu không phải tìm hiểu lĩnh vực đó có khi chẳng bao giờ đến. Điều đó cho thấy rằng việc quảng bá hình ảnh các di tích đình để nhiều người biết đến và thu hút khách du lịch thường xuyên đến tham quan các di tích đình chưa được chú trọng, vì thế cần phải có những chính sách và các biện pháp tối ưu hơn.

- Một vấn đề cần lưu ý đó là du khách đến đây lúc ban đầu không phải là do sức hút từ ý nghĩa, giá trị lịch sử mà tới đây để cầu cúng, thi hành tín ngưỡng là chủ yếu, nghỉ mát, nghỉ lưng vào buổi trưa, vì vậy ngành văn hóa du lịch cần có biện pháp nhằm quảng bá, định hướng để thu hút khách du lịch tham quan các di tích đình.
- Còn thiếu những quyển sách cẩm nang về di tích để phục vụ du khách, hầu hết trên các cổng thông tin điện tử của TP. Biên Hòa rất khó tra cứu về các di tích đình ở Biên Hòa hoạc nếu có thì rất sơ lược, chỉ mang tính tham khảo, chưa khái quát hết giá trị ý nghĩa của các di tích đó.

- ***Giáo dục đào tạo cán bộ quản lý chưa được coi trọng***

Trong quá trình thu thập tư liệu, tác giả đến tìm hiểu thấy người cai quản đình không được thân thiện, cởi mở, có khi tỏ ra rất khiếm nhã, khi tác giả hỏi về một số vấn đề liên quan thí có vẻ lúng túng và không trả lời được. Không những thế, những người quản lý ở đây có những hành động "xin tiền" vòi kéo du khách với danh nghĩa là tiền cúng, mặc dù đình chẳng mở cửa.

- ***Vệ sinh đình rất kém***

Phía trước cổng đại đa số ở các đình đều là nơi buôn bán với các quán ăn vỉa hè, quán nước làm mất đi vẻ tôn nghiêm của đình. Trong đình vệ sinh rất kém, lá rụng mà không quét dọn, không những thế, tác giả còn nhận thấy hầu hết các ngôi đình có sân rộng để cho thuê chổ cho các chủ xe đậu xe, đa số là các xe tải lớn, xe khách lớn, giống y như là một bãi đậu xe.

Hình 3.10: Vệ sinh trong đình còn rất kém

Nguồn: Tác giả

- ***Buôn bán, ăn uống trước cổng đình***

Phía trước cổng ở hầu hết các di tích đình đều dùng khoảng rộng trước cửa đình để tụ tập, buôn bán, ăn uống, bán nước giải khát, phở….rất làm mất đi vẻ tôn nghiêm mỹ quan của các di tích đình

- ***Nhu cầu vệ sinh cá nhân cho du khách không được chú trọng***

Đến với hầu hết các đình, tác giả không thấy các khu nhà vệ sinh giành cho du khách mà chì giành riêng cho cán bộ quản lý đình, nếu có thì cũng không được dọn dẹp sạch sẽ và các vật dụng trong nhà vệ sinh dường như bị hư từ rất lâu rồi mà không sửa chữa.

Như vậy, trước những lợi thế của tài nguyên du lịch ở Biên Hòa nói chung và những giá trị của di tích đình nói riêng, bên cạnh những hạn chế cần phải được giải quyết kịp thời, tác giả lập hệ thống những thế mạnh, hạn chế, cơ hội và thách thức trong việc đưa hệ thống đình vào du lịch nhằm phát triển tiềm năng du lịch của tình nhà.

Từ cái nhìn khái quát trên, tác giả có thể hệ thống lại điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức khi nghiên cứu hệ thống đình trong tổng thể tài nguyên du lịch Tỉnh Đồng Nai như sau:

Bảng 3.3: Phân tích SWOT

S	**S =Strength (Thế Mạnh)**	**W =Weak (Điểm yếu)**
W	**S_1**: Tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú + Loại hình du lịch sinh thái vô cùng đa dạng + Loại hình du lịch sinh thái miệt vườn + Loại hình du lịch sinh thái kết hợp với du lịch văn hóa **S_2**: Tài nguyên du lịch nhân văn rất độc đáo	**W_1**: Tài nguyên du lịch tự nhiên chưa được khai thác đúng cách + Loại hình du lịch sinh thái không còn mang vẻ đẹp vốn có của nó. + Loại hình du lịch sinh thái với số lượng người tham quan ngày cảng giảm với số lượng đáng kể **W_2**: Tài nguyên du lịch nhân văn đang mất dần đi ý nghĩa và giá trị

O

		mát buổi trưa
	O =Opportunity (Cơ hội)	**T= Theat (Thách thức)**
	O_1: Có nhiều chiến lược đầu tư và khai thác hệ thống tài nguyên du lịch tự nhiên **O_2**:Tài nguyên du lịch nhân văn đang đước các cấp, các ngành định hướng đưa vào phát triển du lịch + Khai thác các loại hình tham quan các công trình kiến trúc cổ và các di tích lịch sử. đặc biệt là hệ thống đình trong tổng thể tài nguyên du lịch của cả tỉnh nói chung và TP. Biên Hòa nói riêng **O_3**: Có những chính sách mới trong việc quy hoạch và định hướng các tuyến điểm du lịch mới lạ hơn. **O_4:** Có những định hướng mới đến năm 2020 phát triển mọi mặt trong công tác định hướng liên kết các tuyến tour nội vùng, liên tỉnh để có sản phẩm du lịch dộc đáo. **O_5**:Cơ hội sắp tới khi Việt Nam được vinh dự đăng cai ASIASD lần 18 năm 2019 là cơ hội rất tốt để Việt Nam nắm lấy nhằm quảng bá hình ảnh của đất nước, phát triển ngành du lịch mạnh nẽ	**T_1:** Việc tập trung khai thác không đúng mức và đùng cách nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên rất dễ gây ra những thiệt hại không nhỏ cho nguồn tài nguyên của TP như bị suy thoái và nất đi vẻ đẹp vốn có của nó. **T_2**: Khai thác tài nguyên du lịch nhân văn quá mức sẽ làm mất đi vẻ trag nghiên, mất đi giá trị vốn có của các di tích lịch sử và các công trình kiến trúc cổ của TP **T_3**: Dù có đưa những di tích đình vào phục vụ cho ngành du lịch cũng không tránh khỏi những nguy cơ tiềm ẩn trong việc mất đi những giá trị truyền thống nguyên thủy của nó. **T_4**: Các sản phẩm du lịch có đơn điệu hay không để thu hút du khách là thách thức của ngành du lịch Tp và của tình. **T_5**: Với định hướng đưa các di tích đình nhằm phát triển ngành du lịch, có chắc chắn rằng điều đó đạt hiệu quả trong tương lai lâu dài hay không, hay là chỉ trong một thời gian tức thời. **T_6**: Việc phát triền các tuyến tour liên

	hơn.	kết là thách thức của ngành du lịch Tp. Khi du khách đến tham quan việc vệ sinh, an ninh trong và ngoài Tp, ô nhiễm môi trường cần phải được đặc biệt chú trọng và hết sức quan tâm.

Nguồn: Tác giả

Trước những cơ hội rất thuận lợi, cả về yếu tố tự nhiên đến yếu tố nhân tạo, từ cá nhân đến cộng đồng, tất cả là những thành tố rất quan trọng tạo điều kiện cho sự phát triển du lịch của TP và cũng là điều kiện để khẳng định tên tuổi của TP. Biên Hòa, nhưng bên cạnh những yếu tố thuận lợi thì hạn chế cũng không ít, điều này cần phải được khắc phục ngay và hành đông nghiêm túc. Với những cơ hội và những thách thức trước mắt cho đến thời gian lâu dài, tất cả phải được nhanh chóng thực hiện để đạt hiệu quả tốt nhất trong việc khai thác các tài nguyên du lịch, đặc biệt là đưa hệ thống di tích đình vào việc phát triển du lịch của Tp. Dựa vào những điều kiện thế mạnh và hạn chế, cơ hội và thách thức mà tác giả đã định hướng cho nghiên cứu của mình đưa ra những biện pháp đã có sẵn, phân tích ưu nhược điểm dựa trên những giải pháp đó và lựa chọn những giải pháp nào khả thi, những điều đã làm được hay chưa làm được và tác giả cũng đã đề xuất một số giải pháp của riêng mình nhằm sự dụng các giải pháp một cách hiệu quả nhất.

3.3 Những chính sách đã có và giải pháp đã có trong việc bảo tồn và khai thác di tích đình để phát triển du lịch

Để thực hiện được điều này thì tương đối là khó, đã có các tác giả, các nhà nghiên cứu đưa ra các biện pháp khắc phục những mặt hạn chế, đồng thời cũng đề ra những giải pháp phát triển giá trị di tích đình để đưa vào khai thác du lịch một cách tốt nhất và đạt được hiệu quả nhanh nhất.

3.3.1 Những giải pháp đã được đề xuất

- ***Thứ nhất về công tác quản lý di tích***

Nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác quản lý di tích lịch sử và nghệ thuật Đình. Cần thành lập Ban quản lý di tích đình trực thuộc Ban quản lý di tích danh thắng của tỉnh. Từ đó xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban quản lý di tích đình với Sở Văn hóa – Thể thao và du lịch của thành phố Biên Hòa, các phường có những ngôi đình. Các di tích luôn gắn với một địa danh cụ thể, vì vậy các cấp chính quyền phường, thành phố Biên Hòa và Ban quản lý di tích lịch sử và nghệ thuật đình cần thường xuyên trực tiếp theo dõi, phát hiện tình trạng hư hỏng, bảo vệ cổ vật và phát hiện kịp thời những sai sót khi thực hiện các dự án tu bổ, tôn tạo di tích. Các đơn vị quản lý cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra di tích để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến giá trị của các di tích. Sau khi phân tích các ưu nhược điểm của giái pháp này, tác giả nhận thức được rằng biện pháp này nên thực hiện ngay và thực hiện một cách triệt để, có hệ thống và phân chia công việc phù hợp với từng cấp ngành, ngoài ra công tác quản lý cần phải được liên kết một cách chặt chẽ và mạch lạc giữa các cấp, các ngành không có sự can thiệp chồng chéo, "giẫm đạp lên nhau" trong công tác quản lý di tích đình sao cho hợp lý để đạt hiệu quả cách tốt nhất [1].

- ***Thứ hai về công tác bảo tồn trùng tu di tích***

Trong việc trùng tu, tu bổ, tôn tạo, cần sớm có quy hoạch tổng thể cho toàn bộ di tích lịch sử và nghệ thuật di tích đình theo từng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn và cũng nên công bố rộng rãi để mọi người dân được biết. Chúng ta cần có những biện pháp bảo quản mang tính phòng ngừa, hạn chế hư hỏng, đồng thời chú ý không làm ảnh hưởng đến những yếu tố nguyên có của di tích cũng như các di vật, cổ vật trong di tích. Do nằm cạnh bờ sông Đồng Nai, di tích lịch sử và nghệ thuật di tích đình có thể chịu ảnh hưởng tác động của thời tiết, độ ẩm vào mùa mưa hoặc nước sông dâng cao sẽ là

[1] Lâm Thị Kim Ngân, 2012, Trích trong bài dự thi Tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử Đồng Nai, xem tr.16

những điều kiện thuận lợi để côn trùng, nấm mốc gây hại cho di tích cũng như các di vật, cổ vật có trong di tích. Hoạt động bảo tồn, trùng tu di tích lịch sử và nghệ thuật di tích đình không những phải xử lý các vấn đề liên quan đến các yếu tố kỹ thuật, thẩm mỹ mà còn phải ứng xử phù hợp với các yếu tố lịch sử, văn hóa, các đặc trưng và giá trị truyền thống. Di tích lịch sử đình là một đối tượng đang tồn tại ở dạng vật thể nhưng hàm chứa trong đó những yếu tố phi vật thể được tạo ra từ quá khứ và tích tụ trong suốt quá trình tồn tại, liên quan đến lịch sử, văn hóa, vị trí địa lý và chủ nhân sáng tạo và sử dụng là những cư dân vùng Biên Hòa - Đồng Nai. Hoạt động bảo tồn, trùng tu di tích đình là sự can thiệp vào một đối tượng có sẵn, với những đặc điểm riêng biệt, những giá trị vật thể và phi vật thể đa dạng, nhiều lớp nhưng lại khá mong manh. Bởi vậy, việc trùng tu di tích - sự can thiệp vào một "cơ thể sống" dễ bị tổn thương ấy, phải được thực hiện theo dự án được lập một cách nghiêm túc, có bài bản trên cơ sở những kết quả nghiên cứu về di tích lịch sử và nghệ thuật đình một cách thấu đáo, đồng thời được tổ chức thực hiện và giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, cần có sự tham gia của các nhà bảo tồn trùng tu di tích và quy hoạch đô thị, hay nói khác đi, có một cách nhìn cân bằng giữa các yếu tố công năng và văn hóa đô thị. Vì vậy, đối với các nhà quy hoạch đô thị cần phải:

+ Biết cách né tránh khu vực di tích khi quy hoạch tổng thể, kể cả khi biết rằng một tuyến đường thẳng là luôn có lợi hơn một tuyến đường cong. Một con đường có thể làm lại được, còn một di tích không bao giờ có thể làm lại đuợc, bất kể các giá trị đầu tư.

+ Xác định phạm vi gây ảnh hưởng của các công trình bao quanh đối với di tích để tạo nên một môi trường không gian phù hợp. Cần tạo điểm nhìn có lợi cho di tích với các hướng tiếp cận khác nhau, cũng như cần tạo một không gian kiến trúc cảnh quan đóng vai trò chuyển hóa giữa không gian đương đại và không gian di tích.

+ Vì di tích là một hằng số nên bản thân nó có thể đóng vai trò chi phối hình thức các kiến trúc bao quanh nó cả về mặt định tính và định lượng. Về định tính nó ảnh hưởng tới kiểu cách, loại hình, phong cách kiến trúc... Về mặt định lượng nó quy định các giới hạn cho phép cả về mặt bằng cũng như chiều cao.

Dưới góc độ bảo tồn di tích lịch sử văn hóa, các nhà trùng tu di tích cần phải:

+ Việc bảo tồn gìn giữ di tích lịch sử và nghệ thuật đình không có nghĩa là không thể đưa kiến trúc đương đại tới gần kiến trúc cổ. Vấn đề là tiếp cận kiểu gì và theo cách nào. Đó là phạm trù thuộc về khả năng tạo nên không gian văn hóa trong kiến trúc mà không phải kiến trúc sư nào cũng làm được, vì vậy cần phải cân nhắc, lựa chọn những kiến trúc sư giỏi để thực hiện, địa bàn. Theo nhận định của tác giả, biện pháp này là chiến lược rất lâu dài, không thể một hay hai ngày là làm được, vì thế với giải pháp mang tính quy mô lớn như vậy, được thực hiện một cách nghiêm túc thì biện pháp này rất khả thi.

- ***Thứ ba: Tích cực quảng bá hình ảnh các di tích đình***

Thực tế các di tích của chúng ta đang bị bó hẹp, đóng khuôn trong các hàng rào. Di tích lịch sử và nghệ thuật đình mang một đấu ấn lâu đời, rất có giá trị trong đời sống cộng đồng cư dân Biên Hòa - Đồng Nai nhưng ít có cơ hội xâm nhập vào đời sống đương đại do cách quản lý, khai thác theo kiểu truyền thống, đó là giữ đình mà thiếu sự quảng bá, khai thác tiềm năng du lịch của di tích.

Nhiều nhà nghiên cứu di sản văn hóa, nhà quản lý đã đồng nhất quan điểm về tầm quan trọng của cộng đồng cư dân, những chủ thể của di sản trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản trong đời sống hiện nay. Bởi vậy, sự nghiệp bảo tồn phát triển di sản là của Nhà nước và nhân dân, nhưng vai trò của nhân dân rất quan trọng. 60% -70% nguồn đầu tư, tu bổ di tích là của cộng đồng nhưng phải có quản lý Nhà

nước, nếu không thì sẽ dẫn đến tình trạng đáng tiếc như việc trung tu nhiều di tích trong cả nước vừa qua.

Còn khi người dân đã biết rồi, có nhận thức thì có thể tin họ sẽ không bao giờ làm sai. Song song với phát huy vai trò của cộng đồng, cần tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước, không khoán trắng cho dân, đưa ra những chính sách phù hợp với tình hình là điều cần thiết để bảo tồn di tích.

Không phải ngẫu nhiên mà UNESCO đánh giá cao sự tham gia của người dân trong việc thực hành, truyền dạy và bảo vệ di tích lịch sử văn hóa, coi đó là nguồn lực quan trọng nhất có tính quyết định trong sự nghiệp bảo tồn di tích lịch sử văn hóa. Công ước bảo vệ đa dạng văn hóa 2003, UNESCO đã khẳng định "Không có văn hóa nếu không có người dân và cộng đồng". Thiết nghĩ, điều này cũng cần được Ban quản lý danh thắng của tỉnh Đồng Nai đề cao hơn nữa trong thời gian tới trong việc trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử và nghệ thuật đình ở Biên Hòa nói riêng, các di tích văn hoá lịch sử trong tỉnh nói chung. Cũng cùng nhận định vấn đề, nhưng tác giả cho rằng nếu nói người dân là một nhân tố rất quan trọng trong việc bào tồn các di tích mà trong khi đó hỏi người dân thì họ lại không thường xuyên đến các di tích đình nếu không có việc gì để khấn vái thì làm sao họ có thể quảng bá hình ảnh di tích đình rộng khắp được, vì thế mà tác giả cũng đưa ra biện pháp quảng bá hình ảnh các di tích đình nhưng chưa có một ý kiến nào mang tính hoàn thiện cụ thể để triển khai một cách có hiệu quả vấn đề này.

- ***Thứ tư: Đẩy mạnh công tác tuyền truyền giáo dục.***

Cùng với vấn đề bảo tồn, trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử và nghệ thuật đình thì vấn đề quảng bá giới thiệu và phát huy giá trị của di tích nhằm giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ cũng cần được chú ý. Việc quảng bá, giới thiệu về nguồn gốc, ý nghĩa của di tích lịch sử và nghệ thuật đình được thực hiện thông qua các phương

tiện thông tin đại chúng như đài, báo và trên cổng thông tin điện tử Đồng Nai ... Các bài viết của các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý di tích ở địa phương về ý nghĩa, giá trị của di tích Đình cũng như công lao mở cõi về của cha ông sẽ góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc của các thế hệ, đặc biệt là thế hệ trẻ hôm nay. Đến với di tích lịch sử và nghệ thuật đình, khách tham quan như được đọc cuốn sử ghi chép về những con người, những sự kiện tiêu biểu, được cảm nhận một cách chân thực về lịch sử, những cảm nhận không dễ có được khi chỉ đọc những tư liệu ghi chép từ những trang sách, báo.

Giá trị của di tích lịch sử và nghệ thuật đình còn ở kiến trúc nghệ thuật thể hiện rõ nét thuần Việt hay tiếp biến, giao thao giữa các đặc điểm văn hóa. Điển hình như đình Tân Lân đó là sự kết hợp rõ nhất giữa hai nền văn hóa Việt - Hoa, ở quy hoạch tổng thể và bố cục kiến trúc, ở sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc với cảnh quan, ở những bức chạm khắc trên kết cấu gỗ, ở vẻ đẹp thánh thiện của những pho tượng cổ, ở nét chạm tinh xảo của những đồ thờ tự... Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các văn bản nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa cho cộng đồng, để cộng đồng nhận thức đầy đủ, làm thay đổi nhận thức của người dân sống tại di tích, từ đó có thái độ và hành động đúng đắn tham gia tích cực vào công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích. Trong công tác bảo tồn di tích lịch sử và nghệ thuật đình, bên cạnh những biện pháp sử đồng về những di tích ấy cũng là một điều quan trọng. Nếu cộng đồng hiểu rõ được ý nghĩa, giá trị của di tích lịch sử và nghệ thuật đình, họ sẽ tự hào về di tích của địa phương, của quê hương mình, coi di tích như một phần của đời sống văn hóa tinh thần. Từ đó, ý thức bảo vệ di tích của mỗi người sẽ được nâng lên, tự giác bảo vệ, những hành động làm tổn hại di tích sẽ bị lên án và loại trừ.

- ***Đầu tư kinh phí, tạo nguồn tài chính cho việc bảo tồn và đưa hệ thống đình phát triển du lịch.***

Đầu tư kinh phí để nâng cao chất lượng, qui mô tổ chức lễ hội Kỳ yên hằng năm tại di tích lịch sử và nghệ thuật đình. Các nghi lễ, hoạt động trong lễ hội chính cần được nghiên cứu, chuẩn bị, đầu tư công sức, kinh phí để vừa mang bản sắc truyền thống của cư dân vùng Biên Hòa, vừa thể hiện được hào khí anh hùng, bất khuất của dân tộc nhằm thu hút khách tham quan du lịch. Thiết nghĩ kêu gọi nguồn đầu tư là điều cần thiết rất lớn cho công cuộc phát triển du lịch hiện nay nhưng phải có quy định chung và được kiểm tra nghiêm ngặt những khoản chi cho công việc đưa hệ thống đình vào phát triển du lịch, với số tiền chi phải được rõ ràng và công khai, nhằm tránh tình trạng thu thì ít mà chi thì nhiều, chi không rõ ràng, minh bạch. Ngoài ra khi đã phát triển du lịch rồi thì các nhà đầu tư thường tranh giành lợi nhuận cho riêng mình dẫn đến hoạt động thiếu đồng bộ, thậm chí làm cho hạn chế ngược lại, dẫn đến lúng túng trong việc hoạt động và quản lý[1].

3.3.2 Những đề xuất của người viết

Tất cả các giải pháp trên đều rất đùng đắn và đang được nhà nước, chính quyền địa phương tìm hiểu, nghiên cứu và đưa vào áp dụng cho việc bảo tồn các di tích đình, cho nên trong bài nghiên cứu này, tác giả cũng đưa ra những giải pháp mang tính riêng cá nhân tác giả về việc bảo tồn di tích. Điều đặc biệt nữa, tác giả muốn đề cập tới các biện pháp để đưa hệ thống đình trở thành một sản phẩm du lịch độc đáo mang đậm nét đặc trưng của vùng dất Biên Hòa, thiết lập các tuor tuyến nội vùng và liên vùng, nhằm thúc đẩy sự phát triển du lịch của Biên Hòa nói riêng và của cả tỉnh Đồng Nai nói chung.

[1]Lâm Thị Kim Ngân, 2012, Trích từ hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử Đồng Nai, Xem tr.17-18

- ***Thứ nhất là Tăng cường quảng bá hình ảnh di tích đình trên các phương tiện truyền thông đại chúng***

Cần tăng cường sự quảng bá về các di tích lịch sử - văn hóa của Biên Hòa nói chung nhằm thu hút khách du lịch. Việc quảng bá này đóng vai trò nâng cao nhận thức của toàn xã hội về giá trị của các di tích lịch sử văn hoá, đồng thời giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư cho du lịch của tỉnh. Việc quảng bá cần tập trung trên các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm xuất bản, tờ rơi, biển quảng cáo, thông qua các công ty du lịch trong cũng như ngoài nước. Trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Đồng Nai hiện nay đã có các mục về di tích lịch sử văn hóa, lễ hội truyền thống nhằm giới thiệu các di tích, lễ hội tiêu biểu của tỉnh, tuy nhiên thông tin chỉ mang tính giới thiệu sơ lược.

- ***Thứ hai là Xây dựng Website dành riêng cho di tích – danh thắng của tỉnh Đồng Nai***

Theo tác giả, để phục vụ tốt cho việc quảng bá, giới thiệu cụ thể, sâu rộng hơn về các di tích của tỉnh cần xây dựng một website dành riêng cho di lịch sử văn hoá, danh thắng trên địa bàn toàn tỉnh, bao gồm di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Websitecũng cần được bố trí dễ tra cứu cả đối với ngững người chưa am hiểu lĩnh vực tin học, nghĩa là cửa sổ của trang web phải đề cập đến tất cả những vấn đề có liên quan đến các di tích nhưng đơn giản, rõ ràng. Việc quảng bá hình ảnh di tích đình đóng vai trò nâng cao nhận thức của toàn xã hội về giá trị của các di tích, đồng thời giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư cho du lịch của tỉnh. Việc quảng bá cần tập trung trên các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm xuất bản, tờ rơi, biển quảng cáo, thông qua các công ty du lịch trong cũng như ngoài nước, trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Đồng Nai.

- ***Thứ ba tổ chức các cuộc thi viết cảm nhận giá trị về những di tích đình***

Tạo những sân chơi cho thế hệ trẻ bằng mô hình Giáo dục di sản ở di tích ở di tích bằng việc tổ chức hoạt động Tuần lễ Học tập suốt đời đối với học sinh, sinh viên các trường trên địa bàn thành phố Biên Hòa theo hình thức thi tìm hiểu di tích này. Đây là một cách làm hay, bởi vì không chỉ lồng ghép việc học lịch sử trong nội dung cuộc thi, hoạt động này còn là một hình thức giáo dục di sản mà UNESCO khuyến khích. Việc tổ chức cho học sinh trên địa bàn tìm hiểu về giá trị di tích đình sẽ giúp các em yêu mến và bảo vệ di tích đó tốt hơn.

- ***Thứ tư tổ chức các hoạt động ngay trong khuôn viên đình***

Cần phải làm cho các công trình di tích lịch sử và nghệ thuật đình gần gũi hơn, rộng mở hơn đối với các hoạt động đô thị. Trẻ em có thể tới đây nghe các thầy cô dạy môn lịch sử, các nhà mỹ thuật tới đây để phân tích các mẫu hoa văn, các bậc phụ huynh có cơ hội kể cho con cháu nghe những câu chuyện truyền thống của dân tộc mình... Điều đó yêu cầu phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban quản lý đình, chính quyền địa phương, phòng giáo dục Biên Hoà, các trường học và nhân dân trên địa bàn.

Việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về di tích lịch sử và nghệ thuật đình, có thể sử dụng bằng nhiều hình thức khác nhau: mở cuộc vận động để các cá nhân, tổ chức xã hội tại địa phương tham gia viết bài tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức họp bàn trực tiếp với người dân về bảo vệ di tích; cũng có thể gắn những nội dung này vào các hương ước, nội qui xây dựng khu phố, gia đình văn hóa…

Đây là hoạt động mà theo tác giả được biết, trường Đại Học Lạc Hồng, Khoa Đông Phương và đặc biệt là ngành Việt Nam Học của trường cũng đã có rất nhiều tiết dạy của các giảng viên đến với các di tích đình để giảng dạy cho sinh viên ngay trong

khuôn viện đình và làm bà thu hoạch tại di tích. Đó là hoạt động rất bổ ích để sinh viên hăng say học tập hơn nữa.

- ***Thứ năm bảo tồn và phát huy những giá trị di tích để phát triển du lịch***

Trong quá trình giao lưu, hội nhập hiện nay, di tích lịch sử văn hóa đã trở thành nhân tố quan trọng để phát triển du lịch. Di tích lịch sử văn hoá là thành quả kết tinh từ những giá trị sáng tạo của con người, vì thế nó có sức cuốn hút để con người tìm hiểu, nghiên cứu và mặc nhiên trở thành là sản phẩm du lịch. Vì vậy, việc phát triển du lịch gắn với việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích là điều cần thiết.Thông qua các hoạt động quảng bá du lịch, di tích đình được giới thiệu rộng khắp, là điểm nhấn văn hoá tiêu biểu để du khách hiểu hơn về vùng đất Biên Hòa.Từ các yếu tố này, hơn ai hết, chúng ta là chủ nhân của các di tích, không những tự hào về những giá trị của di tích mà tiền nhân để lại mà còn phải biết quý trọng và cùng có ý thức bảo vệ và tôn vinh.

Trong công tác quản lý, bảo vệ di tích, Ban Quản lý đình luôn phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa – Thể thao và du lịch, Ban Quản lý Di tích danh thắng, Bảo tàng tỉnh vì đây là các cơ quan chức năng, có nghiệp vụ trong việc định hướng trùng tu, tôn tạo, bảo quản di tích, tránh tình trạng đầu tư, xây dựng tùy tiện, chủ quan có thể dẫn đến phá vở không gian và biến dạng di tích, đề ra các giải pháp bảo quản di tích một cách hiệu quả, khoa học để có kế hoạch bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá của di tích. Kết hợp với chính quyền phường để cùng có trách nhiệm trong việc bảo vệ nguyên trạng khu di tích, nhất là tình trạng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép và các tác động khác từ bên ngoài hoặc biến khu vực di tích thành các điểm kinh doanh, chèo kéo mua bán, hoạt động mê tín di đoan... hường xuyên kiểm tra các hiện vật, cổ vật, tượng, văn bia, công trình kiến trúc của di tích. Nếu ở đâu có dấu hiệu xuống cấp do thời gian hoặc các lý do khác thì phải kịp thời đề xuất để có biện pháp tu sửa, khắc phục.

- ***Thứ sáu đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, hướng dẫn viên, thuyết minh viên phục vụ trong di tích.***

Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý di tích. Đây là giải pháp quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, mang tính bền vững và đạt hiệu quả cao. Phải thường xuyên cử cán bộ quản lý các di tích đình tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn ở các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp hay các đơn vị quốc tế có chất lượng, uy tín cao về công tác quãn lý các di tích, di sản.. Không những thế, đội ngũ hướng dẫn, thuyết minh trong khu di tích phải luôn nâng cao trình độ kiến thức, chuyên sâu về nghiệp vụ, đảm bảo khả năng truyền tải thông điệp đến khách tham quan về những giá trị đích thực của di sản. Bộ phận Quảng bá du lịch, tích cực quảng bá về những giá trị di tích đình, xem giá trị di tích là sản phẩm du lịch văn hoá để mọi người cùng biết, cùng hưởng thụ. Người làm công việc Quảng bá và Thuyết minh tại khu vực di tích đình phải trang bị kiến thức về lịch sử, văn hoá, chuyển tải những thông tin chính xác, khách quan, khoa học để mọi người hiểu và cảm thụ, từ đó nâng cao niềm tự hào và có ý thức, trách nhiệm cộng đồng trước một di tích mà mình có dịp tham quan.

- ***Thứ bảy xây dựng và thiết kế bản đồ du lịch, bản đồ giới thiệu về di tích danh thắng, bảng chỉ dẫn đường vào di tích đình.***

Hoạt động này đã được rất nhiều địa phương khác thực hiện trước đó như bản đồ du lịch của các tỉnh miền Tây Nam bộ, khi du khách đền tham quan sẽ được phát một bản dồ du lịch của vùng, điều này tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc đi tham quan của du khách, ngoài ra còn có các biển báo chỉ dẫn đường, sẽ giúp du khách tìm đến di tích nhanh chóng hơn mà không phải lạc đường và mất quá nhiều thời gian.

- ***Thứ tám đa dạng hóa sản phẩm du lịch***

Bán và trưng bày những sản phẩm du lịch đặc trưng ở trong đình.Thiết kế và xây dựng những gian hàng bán đồ lưu niễm như các mô hình nhỏ làm bằng các chất liệu khác nhau như gỗ, nhựa về các di tích đình để khi du khách đến tham quan có thể giới thiệu cho du khách.Ngoài ra còn thiết kế các mẫu áo thun in hình các ngôi đình nhiều màu sắc để du khách có thể mua làm quà cho người thân hay là làm kỉ niệm trong chuyến du lịch của họ.

- ***Đặc biệt nhất là thiết lập các tuyến tour nội vùng và liên tỉnh***

Ngoài ra, việc tổ chức tham quan cho du khách không chỉ dừng lại ở di tích này hay di tích khác trong TP. Biên Hòa mà cần mở rộng, xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo bằng cách kết hợp giữa di tích lịch sử văn hoá với các sản phẩm đặc trưng của vùng như các làng nghề đá truyền thống ở Bửu Long, các nhà làng của dân tộc bản địa trên địa bàn Đồng Nai, Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai cùng Vườn Quốc gia Cát Tiên là vùng lõi của Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai trong mạng lưới các Khu dự trữ sinh quyển thế giới ... Hẳn đây sẽ là những tour du lịch hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách đặc biệt là du khách trong nước và quốc tế.

Đối với đình việc phát huy các giá trị của di tích gặp nhiều thuận lợi khi kết hợp phát triển du lịch. Di tích tọa lạc ở khu vực trung tâm thành phố Biên Hòa – nơi có dân cư đông, gần chợ, có hệ thống giao thông thuận lợi (gồm đường bộ và đường thủy), đặc biệt có nhiều di tích lịch sử văn hóa độc đáo để tạo thành một chương trình tham quan lý tưởng và thuận lợi. Qua quá trình tỉm hiểu thực địa và qua nghiên cứu các tài liệu của Sở Văn hóa Thể Thao – Du Lịch tỉnh Đồng Nai, tác giả xin nêu ra một số chương trình tham quan (tour) như sau:

Bảng 3.4: Tour 1 ngày tham quan các di sản văn hóa bằng đường bộ.

Tuyến điểm	Chương trình cụ thể
Đình Tân Lân → Chùa Ông → Đình Bình Kính → Chùa Đại Giác	Đón đoàn tại điểm hẹn, khởi hành tham quan đình Tân Lân, thăm chùa Ông, đình Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Đại Giác… nghỉ ăn cơm trưa tại Cù lao phố. Chiều tham gia các hoạt động tại Cù lao phố như làm vườn, bắt cá, thưởng thức các sản phẩm đặc sản Biên Hòa, kết thúc.
Đình Tân Lân → Chùa Ông → Đình Nguyễn Hữu Cảnh → Chùa Đại Giác →Bảo tàng Đồng Nai → nhà lao Tam Hiệp → Văn miếu Trấn Biên	Đón đoàn tại điểm hẹn, khởi hành tham quan đình Tân Lân, thăm chùa Ông, đình Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Đại Giác… nghỉ ăn cơm trưa tại Cù lao phố. Chiều thăm quan Bảo tàng Đồng Nai, nhà lao Tân Hiệp, Văn miếu Trấn Biên, mua sắm chợ Biên Hòa, kết thúc.
Đình Tân Lân → Chùa Ông → Đình Nguyễn Hữu Cảnh → Chùa Đại Giác → Đình Nguyễn Tri Phương → Chùa Long Thiền → Chợ Biên Hòa	Đón đoàn tại điểm hẹn, khởi hành tham quan đình Tân Lân, thăm chùa Ông, đình Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Đại Giác… nghỉ ăn cơm trưa tại Cù lao phố. Chiều thăm quan đình Nguyễn Tri Phương, chùa Long Thiền, mua sắm chợ Biên Hòa, kết thúc.
Đình Tân Lân→Khu du lịch Bửu Long→Vườn Bưởi Tân Triều	Đón đoàn tại điểm hẹn, khởi hành tham quan đình Tân Lân, thăm quan quần thể di tích núi Bửu Long, nghỉ ăn trưa tại khu du lịch Bửu Long. Chiều tham quan tại vườn bưởi ở Tân

	Triều và thưởng thức, mua sắm tại vườn bưởi, kết thúc.

Nguồn: Tác giả

Bảng 3.5: Tour 2 ngày tham quan các di sản văn hóa bằng đường bộ.

Tuyến điểm	Ngày 1	Ngày 2
Nguyễn Hữu Cảnh → Chùa Ông → chùa Đại Giác→ Đình Tân Lân→ bảo tàng Đồng Nai Nhà lao Tam Hiệp→khu du lịch Bửu Long→Văn miếu Trấn Biên	Đón đoàn tại điểm hẹn, tham quan các di tích văn hóa trên Cù lao phố (đình Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Ông, Chùa Đại Giác…), ăn trưa, nghỉ ngơi tại đây. Chiều tham gia các hoạt động làm vườn như làm ruộng, bắt cá…, tối du khách tự tay chế biến các món ăn mà mình làm lúc chiều và ăn tối. Buổi tối du khách sẽ được xe điện đưa tham quan thành phố Biên Hòa về đêm, mua sắm chợ đêm Biên Hùng, kết thúc về Cù lao phố nghỉ ngơi	Thăm di tích đình Tân Lân, Bảo tàng Đồng Nai, nhà lao Tân Hiệp, ăn trưa và nghỉ tại khu du lịch Bửu Long. Chiều tham quan và thưởng thức các trò chơi, các quần thể di tích tại khu du lịch, thăm Văn miếu Trấn Biên kết thúc.
Nhà lao Tam hiệp→Bảo tàng Đồng Nai →Đình	Đón đoàn tại điểm hẹn, tham quan di tích nhà lao	Đón đoàn tại khu du lịch Bửu Long, tham quan làng bưởi Tân

Tân Lân→Bửu Long→Tham quan thành phố về đêm→Chợ đêm Biên Hùng→Làng bưởi Tân Triều→Làng đá Bửu Long→Văn miếu Trấn Biên →chợ Biên Hòa	Tân Hiệp, Bảo tàng Đồng Nai, đình Tân Lân, ăn trưa và nghỉ ngơi tại khu du lịch Bửu Long. Chiều tham quan và thưởng thức các trò chơi, các quần thể di tích tại khu du lịch. Tối ăn tại khu du lịch, sau đó xe điện đưa du khách tham quan thành phố Biên Hòa về đêm, thăm chợ đêm Biên Hùng, về khách sạn nghỉ ngơi.	Triều, ăn trưa và nghỉ ngơi tại làng bưởi. Chiều thăm làng đá Bửu Long, Văn miếu Trấn Biên, mua sắm chợ Biên Hòa, kết thúc.

Nguồn: Tác giả

- Tham quan các di sản văn hóa bằng đường sông:

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại Cù lao Ba Xê, tham quan làng cá bè Tân Mai, thăm nhà cổ Trần Ngọc Du, làng gốm Tân Vạn, đình Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Ông. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại Cù lao phố. Chiều tham quan đình Nguyễn Tri Phương, đình Tân Lân, mua sắm chợ Biên Hòa, kết thúc.

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại điểm hẹn, tham quan đình Tân Lân, đình Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Ông, đình Nguyễn Tri Phương. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại Cù lao phố. Chiều tham gia các hoạt động làm vườn tại Cù lao phố, kết thúc.

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại điểm hẹn, tham quan đình Tân Lân, thăm Văn miếu Trấn Biên, làng đá Bửu Long. Ăn trưa và nghỉ ngơi ở khu du lịch Bửu Long. Chiều tham quan quần thể di tích, và tham gia các trò chơi ở khu du lịch Bửu Long, kết thúc.

+ Tour 2 ngày: Ngày 1, đón đoàn tại Cù lao Ba Xê, tham quan làng cá bè Tân Mai, thăm nhà cổ Trần Ngọc Du, làng gốm Tân Vạn. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại Cù lao phố. Chiều tham quan đình Tân Lân, đình Nguyễn Tri Phương, đình Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Ông về Cù lao phố ăn tối, nghỉ ngơi. Ngày 2, tham quan các quần thể di tích và tham gia các trò chơi tại khu du lịch Bửu Long. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại khu du lịch. Chiều tham quan và mua sắm tại làng bưởi Tân Triều, kết thúc.

+ Tour nhiều ngày: Ngày 1, đón đoàn tại Cù lao Ba Xê, tham quan làng cá bè Tân Mai, thăm nhà cổ Trần Ngọc Du, làng gốm Tân Vạn. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại Cù lao phố. Chiều tham quan đình Tân Lân, đình Nguyễn Tri Phương, đình Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Ông về Cù lao phố ăn tối, nghỉ ngơi. Ngày 2, tham quan các quần thể di tích và tham gia các trò chơi tại khu du lịch Bửu Long. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại khu du lịch. Chiều tham quan và mua sắm, nghỉ ngơi, ăn tối tại làng bưởi Tân Triều. Ngày 3 và các ngày tiếp theo, đi ngược thượng nguồn sông Đồng Nai tham quan các điểm du lịch hấp dẫn khác như Hồ Trị An, Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Nai, làng dân tộc ở Tà Lài, vườn Quốc gia Nam Cát Tiên…

Được thừa nhận là một tài sản quý giá của ngành du lịch, song hàng chục km tuyến sông Đồng Nai với khá nhiều điểm tham quan thú vị dọc 2 bên bờ sông đến nay vẫn được ví như "nàng tiên nữ" đang say giấc, chưa được đánh thức và khai thác đúng tầm. Sông Đồng Nai có khá nhiều lợi thế về cảnh quan lẫn văn hóa có thể ứng dụng để phát triển các sản phẩm du lịch sông nước.Những nét sinh hoạt xưa, gắn liền với đặc tính thủy triều chắc chắn là những điểm nổi bật độc đáo trong xây dựng sản phẩm du lịch sông nước. Ngoài ra, tuyến du lịch này còn có vị trí thuận lợi là nằm ngay trung tâm thành phố Biên Hòa và có thể liên kết, nối tour với các tỉnh, thành khác như TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương… để tạo sản phẩm du lịch phong phú, đa dạng nhằm hấp dẫn và thu hút du khách.

Thấy rõ tiềm năng phát triển du lịch, từ năm 2006 tỉnh Đồng Nai đã quy hoạch sông Đồng Nai là một trong năm tuyến chính trong quy hoạch phát triển du lịch đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Theo quy hoạch, tuyến du lịch này bao gồm các điểm dừng dọc sông Đồng Nai như: khu du lịch Bò Cạp Vàng, làng cổ Bến Gỗ, khu du lịch cù lao Ba Xê, các cơ sở gốm, nhà cổ Trần Ngọc Du, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Thất phủ cổ miếu (chùa Ông), Đại giác cổ tự, danh thắng núi Bửu Long, Văn miếu Trấn Biên, điểm du lịch sinh thái Năm Huệ - làng bưởi Tân Triều, các nhà hàng, quán ăn nằm rải ven sông. Loại hình du lịch này khá hấp dẫn, thú vị và rất độc đáo.

Như vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh Đồng Nai nói chung, di tích đình ở Biên Hòa nói riêng được thực hiện có hiệu quả sẽ góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước, khơi dậy niềm tự hào dân tộc cho các thế hệ đặc biệt là thế hệ trẻ ngày nay, đồng thời tạo nên nguồn nội lực to lớn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai.

Chúng ta cũng rất vui mừng khi Đại hội đồng Olympic Châu Á công bố quyền Việt Nam được đăng cai Asiad lần 18 năm 2019. Dự kiến Asiad 2019 diễn ra cuối tháng 11 đầu tháng 12-2019 tại Hà Nội và một số tỉnh lân cận với sự tham dự của 45 quốc gia với 12.000 VĐV, 1.000 quan khách quốc tế, 1.000 trọng tài, 8.000 hướng dẫn viên, 2.000 - 3.000 phóng viên và rất nhiều cổ động viên của các nước tham dự đại hội đến để cổ vũ. Đây là một cơ hội rất thuận lợi để ngành du lịch Việt Nam nói chung, ngành du lịch Đồng Nai nói riêng thu hút khách. Khoảng thời gian 7 năm còn lại cũng không đủ dài để chuẩn bị việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, khách sạn, trùng tu, tôn tạo các điểm tham quan du lịch để giành lấy cơ hội này, vì vậy ngành du lịch Đồng Nai cũng cần xây dựng ngay chiến lược, nắm lấy cơ hội quảng bá hình ảnh, tiềm năng du lịch, các di sản của địa phương đối với bạn bè thế giới.

Tiểu kết chương III

Chương 3 là chương rất quan trọng của đề tài. Trong chương 2, tác giả tập trung nghiên cứu các vấn đề sau

Thứ nhất, tác giả nêu ra những đánh giá chung về các loại hình du lịch ở TP. Biên Hòa với tài nguyên tự nhiên và nguồn tài nguyên du lịch nhân văn vô cùng phong phú và đa dạng, với những yếu tố thuận lợi và những mặt hạn chế mà nguồn tà nguyên ở Biên Hòa đang gặp phải nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về vùng đất Biên Hòa.

Thứ hai, tác giả nêu ra vai trò của các di tích đình trong việc phát triển du lịch của TP, góp phần quảng bá hình ảnh của TP. Biên Hòa cho mọi người biết đến

Thứ ba, tác giả phân tích những mặt hạn chế của việc bảo tồn và phát triển các di tích đình ở Biên Hòa, nhằm phân Tích SWOT để hiểu rõ hơn những lợi thế, hạn chế và những cơ hội, thách thức của việc định hướng cho sự phát triển du lịch trong thời gian lâu dài.

Nét độc đáo của đề tài chính là chương 3, nếu so với những công trình nghiên cứu về các di tích đình trước đây thì đại đa số các công trình đều chỉ nghiên cứu về một ngôi đình chứ không nghiên cứu hết một hệ thống các di tích đình trong Tp. Biên Hòa, bên cạnh đó hầu hết các tác giả chỉ đưa ra các thực trạng và giải pháp của bản thân chứ không đề cập đến các giải pháp đã được đưa ra. Tác giả nhận thấy rằng đề tài lần này, tác giả đã nêu ra một số ý kiến mới, nêu ra các biện pháp của riêng bản thân rút ra được trong quá trình tìm hiểu đồng thời cũng đưa ra những đánh giá vể những giải pháp có khả thi không, những điều đã làm được và những điều chưa làm được của những đề xuất đã có sẵn.

Ngoài ra, diều nổi bật nhất của đề tài này đó là hầu hết các công trình nghiên cứu trước chỉ dừng lại việc đưa ra những thực trạng và những giải pháp khắc phục mà thôi, còn tác giả khi đưa ra nhưng giải pháp, tác giả muốn vận dụng vào việc phát triển du lịch của TP, thiết kế các tour tuyến nội vùng và ngoại vùng, nhằm thúc đẩy sự phát

triển loại hình du lịch văn hóa trong tổng thể loại hình du lịch của tỉnh. Đây cũng chính là cốt lõi và là nét mới của đề tài.

KẾT LUẬN

Đề tài nghiên cứu về các di tích lịch sử văn hóa là một đề tài vô cùng hấp dẫn, đặc biệt là giới thiệu về hệ thống đình trong tổng thể tài nguyên du lịch của tỉnh Đồng Nai. Các di tích đình trong TP. Biên Hòa là những chứng tích lịch sử của một thời cha ông tổ tiên đã khai hoang lập nghiệp để xây dựng cho cư dân vùng này một cuộc sống sung túc, bình an, với sự hiện hữu của các ngôi đình như để giáo dục con cháu thế hệ mai sau phải biết gìn giữ và phát huy những giá trị truyền thống vô cùng quý báu của ông cha để lại. Với khái niệm chung về đình được hiểu theo văn hóa của người Việt Nam chúng ta và theo văn hóa của người Hoa một phần nào nói lên đặc điểm vô cùng độc đáo của di tích đình người Việt. Trong tân thức của người Việt mái đình làng vô cùng thân thương và gần gũi, gắn bó mật thiết với đời sống con người qua nhiều giai đoạn của lịch sử, những mái đình làng được ví như trái tim đang đập trong mỗi người con đất Việt nhưng đối với người Hoa thì không phải như thế, họ lại quan niệm đình là cơ sở công ích chứ không phải là cơ sở tín ngưỡng, chỉ dùng để nghỉ mát, đánh cờ…Đó là quan niệm rất khác xa mà tác giả đã tìm hiểu được.

Bên cạnh đó, tác giả cũng nêu lên được đình của Bắc Bộ và Đình Nam Bộ khác nhau như thế nào, với những điểm tương đồng và những điểm khác biệt, tác giả đã rút ra được kết luận rằng Đình ở Bắc Bộ là trung tâm văn hóa, tín ngưỡng, kinh tế, chính trị của cả làng, nhưng đình ở Nam Bộ chỉ là trung tâm tín ngưỡng kết hợp với văn hóa, nét văn hóa đặc trưng được thể hiện qua việc thờ cúng và nghệ thuật chèo tuồng. Nếu ở đình miền Bắc thì trong lễ hội có phần lễ giành cho thần, phần hội giành cho người thì đình ở miền Nam thì khác, cả phần lễ hội đều được giành cho thần, người ta tổ chức hát bội cho thần xem, diễn tuồng cho thần xem. Họ không có hội mà chỉ có lễ, “cái lễ

linh thiêng" thể hiện lòng thành kính với một vị thần mà họ ngưỡng mộ, vị thần ấy vẫn mang đủ hai tính chất: vừa là thần (nhận lễ), vừa là người (xem hội). Nét đặc trưng ấy khác xa với đình Bắc Bộ mà tác giả tìm hiểu được.

Qua nghiên cứu tìm hiểu trong quá trình thu thập tư liệu điền dã, tác giả cũng đã hệ thống được TP. Biên Hòa có tổng cộng 34 di tích đình và tác giả đã phân loại các loại các di tích đình theo các tiêu chí về đối tượng thờ cúng trong đình, các vị thần được thờ trong ngôi đình ở Biên Hòa có 2 vị thần được phong Thượng Đẳng thần đó là Đức Ông Trần Thượng Xuyên được thờ trong đình Tân Lân và Thống Suất Nguyễn Hữu Cảnh, còn lại hầu hết các ngôi đình ở Biên Hòa là thờ Thành hoàng có sắc phong Hạ Đẳng thần và các di tích đình không còn giữ sắc phong hoặc không có sắc phong, vị thần được thờ trong đình cũng không rõ nguồn gốc, lai lịch nhưng vẫn được thờ một cách trang trọng và thành kính. Điều đó cho thấy rằng lòng sùng kính các vị thần trong tâm thức người Viêt được chia đều cho các vị thần, không kể nguồn gốc, lai lịch, miễn là vị thần ấy "thiêng",…Chứng tỏ rằng "chữ thiêng" trong tâm thức của người Việt rất được tôn thờ một cách trang trọng.

Ngoài ra trong đề tài tác giả còn giới thiệu một số đình tiêu biểu ở TP. Biên Hòa mang đậm nét đặc trưng truyền thống của người Việt với giá trị văn hóa vô cùng đặc sắc và độc đáo với những đặc điểm về kiến trúc đình, cách bài trí, lễ nghi và đối tượng được thờ cúng trong đình, thông qua những đặc điểm ấy đã ẩn chứa được rất nhiều các giá trị, giá trị về lịch sử, văn hóa, xã hội của các di tích đình. Qua quá trình nghiên cứu tìm hiểu, tác giả nhận thấy rằng các đối tượng được thờ cúng trong đình ở các đình Biên Hòa đều thể hiện triết lý âm dương vô cùng rõ nét, ví dụ như ở đình Tam Hiệp, thờ anh hùng Đoàn Văn Cự, đối tượng được thờ cúng chính trong đình là anh hùng Đoàn Văn Cự được thờ rất trang trọng và uy nghiêm, nhưng bên cạnh đó còn có miếu thờ Ngũ Hành Nương Nương, Miếu Bà đây không phải là vợ của anh hùng Đoàn Văn Cự mà là năm Bà trong tâm thức của người Việt đại diện cho Kim, Mộc, Thủy, Hỏa,

Thổ, hầu hết các ngôi đình khác cũng như vậy, như đình Tân Lân thờ Đức Ông Trần Thượng Xuyên nhưng bên cạnh cũng có miếu thờ Ngũ Hành Nương Nương hay đình Phước Lư thờ Thần Hoàng Bổn Sứ nhưng bên cạnh cúng có một ngôi Miếu thờ Ngũ Hành Nương Nương rất trang trọng, điều đó thể hiện rất rõ triết lý âm dương trong tâm thức của người Việt...Ý nghĩa ấy mang đậm nét văn hóa độc đáo tryền thống của dân tộc Việt.

Bên cạnh đó, tác giả cũng tìm hiểu những thực trạng đang diễn ra trong di tích đình, không giống như những đề tài nghiên cứu trước về di tích đình, hầu hết các tác giả đều chỉ tập trung nghiên cứu một khía cạnh đình nào đó mà thôi chứ không nghiên cứu hết một hệ thống các đình trong tổng thể tài nguyên du lịch của tỉnh, không những thế các đề tài trước chỉ chỉ ra những mặt hạn chế và những giải pháp khắc phục của riêng bản thân chứ không đề cập đến những giải pháp đã có sẵn mà dựa theo đó để đưa ra những giải pháp khả thi hơn. Lần này, đề tài của tác giả không những đề cập tới các biện pháp đã được đề xuất trước đó mà tác giả còn phân tích SWOT để dựa trên những đặc điểm thế mạnh, thuận tiện, với tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn vô cùng vô cùng phong phú và đa dạng, điều đó đã tạo cho Biên Hòa rất nhiều cơ hội để phát triền về mọi mặt nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế của cả vùng. Nhưng bên cạnh đó, vùng đất Biên Hòa đang gặp không ít hạn chế và những thách thức lớn, nhất là trong việc khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn để đưa vào phục vụ du lịch đặc biệt là đưa hệ thống đình ở Biên Hòa vào việc phát triên loại hình du lịch văn hóa, tác giả dựa trên mô hình phân tích SWOT đó mà đề ra những biện pháp khả thi hơn, dựa trên những biện pháp đã được đề xuất, những biện pháp nào đã làm được và chưa làm được để tìm ra ưu khuyết điểm của chúng nhằm định hướng riêng cho tác giả có cơ sở vững chắc nhằm đề ra những biện pháp sao cho hợp lý, có thể vận dụng một cách có hiệu quả nhất trong việc bảo tồn và quản lý các di tích đình

Một điểm mới nữa ở trong đề tài này, đó là trước đây các đề tài khác chỉ dừng ở mức độ nêu ra những hạn chế và giải pháp bảo tồn, chứ chưa có định hướng sẽ đưa di tích đình vào việc phát triển hệ thống đình phục vụ cho du lịch, trong lần nghiên cứu này, dựa trên những tài liệu thu thập được và quá trình đi tìm tư liệu điền dã, tác giả đã nảy ra ý tưởng đó là thiết lập các tour tuyến kết hợp với việc đưa các di tích đình vào trong những chuyến tour du lịch cho khách, với những thiết kế tour tuyến nội vùng và liên tỉnh, nhằm phát triển du lịch của tình nhà. Vì vậy, với những biện pháp có bài bản và có sức thuyết phục để đưa di tích đình vào phục vụ cho du lịch, tác giả tin rằng đề tài này sẽ là một công trình nghiên cứu thú vị và có giá trị khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách tham khảo

[1] Ban trị sự Phật giáo Đồng Nai – Nhiều tác giả (2002), *Những ngôi chùa Đồng Nai* (Tập 1), NXB Văn hóa Thông tin.

[2] *Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển* (1998), NXB Đồng Nai.

[3] Bảo tàng Đồng Nai (Phan Đình Dũng và nhóm tác giả) (1993), *Đồng Nai di tích lịch sử văn hóa*. NXB Đồng Nai,

[4] Bảo tàng Đồng Nai (Phan Đình Dũng và nhóm tác giả) (1995), *Người Đồng Nai*, NXB Đồng Nai.

[5] *Đàn đá Bình Đa* (1983), NXB Đồng Nai.

[6] *Đình làng miền Bắc* (2001), Hà Nội, NXB Mỹ Thuật.

[7] *Đình làng Phù Lão – Hà Bắc trong nền cảnh đình làng Bắc bộ* (1994), NXB Hà Nội – Viện Khảo cổ học.

[8] Đỗ Bá Nghiệp, Phan Đình Dũng (2004), *Đồng Nai di tích văn hóa*, NXB Đồng Nai.

[9] GS.Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa*, NXB Giáo dục.

[10] Hà Văn Tấn (1998), *Đình Việt Nam*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.

[11] Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, Phan Xuân Biên (2005), *Văn hóa Đồng Nai*, NXB. Đồng Nai.

[12] Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng (2005), *Văn hóa Đồng Nai* (sơ thảo), NXB Đồng Nai.

[13] Huỳnh Ngọc Trảng – Trương Ngọc Trường (1999), *Đình Nam Bộ xưa & nay*. NXB Đồng Nai.

[14] Lê Xuân Diệu – Phạm Quang Sơn – Bùi Chu Hoàng (1991), *Khảo cổ Đồng Nai*, NXB Đồng Nai.

[15] Lương Văn Lựu (1972), *Biên Hòa sử lược toàn biên* (quyển 2), *Biên Hòa oai dũng*, tác giả xuất bản.

[16] Nguyễn Đăng Dũng, *Văn Hóa tâm linh*, NXB Hà Nội.

[17] Phan Đình Dũng, Nguyễn Thanh Lợi (2010), *Hỏi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai*, NXB Đồng Nai.

[18] Phan Đình Dũng (2009), *Cơ sở tín ngưỡng và lễ hội truyền thống ở Biên Hòa*, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên xuất bản.

[19] Sơn Nam (1992), *Đình miếu và lễ hội dân gian*, NXB TP. Hồ Chí Minh.

[20] Sơn Nam (2005), *Thuần phong mỹ tục Việt Nam*. NXB Trẻ.

[21] Trần Văn Giàu, Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Đầu (1999), *Nam bộ xưa và nay*, NXB TP, Hồ Chí Minh.

[22] Trần Quang Toại (2004), *Di tích lịch sử văn hóa*, NXB Đồng Nai.

[23] Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành Thống Chí*, NXB Văn hóa,

[24] Trương Ngọc Trường và nhóm tác giả (1993), *Đình Nam bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ*, NXB TP. Hồ Chí Minh.

[25] *Xứ người MẠ*, J.Boulbet (Đỗ Văn Anh dịch), người Stieng gọi là Pauh (buôn), ESSAL de vocanbulaire Francais – Stieng, của người Châu Ro gọi là Blay hay Đublay, Người Châu Ro ở Đồng Nai (1998), NXB Đồng Nai.

II. Tài liệu công trình

[26] Đặng Thị Yến (2012), Đề tài NCKH *Tìm hiểu sự tiếp biến văn hóa thể hiện qua đình Tân Lân.*

[27] Lê Sơn (1996), *Tóm tắt luận án phó Tiến Sĩ đề tài Hội đình thông tây hội Gò Vấp trong bối cảnh hội đình làng tại Nam Bộ*, TP.HCM.

[28] Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, Tuyết Hồng, Võ Thu Trang (1999), *Văn hóa du lịch Đồng Nai*. Tài liệu tập huấn. Sở Văn hóa Thông tin, Sở Thương mại Du lịch Đồng Nai.

III. Tạp chí

[29] *Đình làng Việt Nam* (1999), Trích từ toàn cảnh ngày xuân.

[30] *Giữ mãi văn hóa đình làng*, trích từ Khoa học phổ thông phụ san, ngày 25/5/2005

[31] *Văn hóa làng Nam bộ*, trích từ bộ sưu tập Bùi Văn Quế, Sài Gòn Giải Phóng, số 38.

[32] *Văn hóa dân gian qua điêu khắc đình làng*, trích từ Đại biểu nhân dân, ngày 10/6/2010, số 161

IV. Internet

[33] *Dân số Thành phố Biên Hòa*, truy cập ngày 15/9/2013, www.bienhoa-dongnai.gov.vn

[34] *Đình Tân Lân,* truy cập ngày 20/10/2013, www.bienhoa.gov.vn

[35] *Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh*, truy cập ngày 20/10/2013, www.bienhoa.gov.vn

[36] TS. Huỳnh Văn Tới, ThS Phan Đình Dũng, *Tìm hiểu những ngôi đình ở Đồng Nai*, truy cập ngày 20/10/2013, dongnai.vncgarden.com

THE RESULTS ACHIEVED BY THE SUBJECT

Research on the historical culture is a topic extremely attractive, especially about temple systems in overall tourism resources of Dong Nai province. The temple in bien Hoa city is the historical remnants of a time his father's ancestors were settlers founded to build for residents of this region an affluent life, peace, with the existence of the House as to educate children selfish to preserve and promote the traditional values of his invaluable father leave. With the general concept of the temple is understood in the culture of the Vietnamese and Chinese culture by a somewhat articulate extremely unique features of Vietnamese temple relics. In the new formula of the Vietnamese village roofs and extremely close, attachments with human life through many periods of history, the village was beating heart in each of the nation but for the Chinese people are not like that, they leave the perception is the basis of public interest rather than the basis of religion, only used to vacation, chess ... it's very conception a far cry from which the author tried to understand.

Besides, the author also be temple in the North and the South Family vary as to how, with the similarities and differences, the authors have drawn the conclusion that temple in the North is the center of culture, religion, economy, politics of both villages, but temples of South Central is the only religion with culture, characteristic culture is expressed through worship and the Arts Theatre and paddle. If in the temple North, during the Festival the celebration for the God, the Congress won for the temple in the South is different, both in the League to win for God, they held sings multiples for spirit, theatre for watching. They do not have the only celebration, "the sacred ceremony of" paying into the glass with a God whom they admired, the gods still carries enough two properties: both God (pick 24), both (see Assembly). It features far from temple in the North where the author seeks to understand.

Also in the subject the author also introduces a number of typical temple in Bien Hoa city with bold traditional characteristic of the Vietnamese cultural values with extremely special and unique with these characteristics in architecture, interiors, and the object of worship in temple through these characteristics he has hidden a lot of values, the value of the history, culture, society of the monuments. Through the process of researching to find out, the author found that the objects are worshipped in the temple in the temple of Bien Hoa are yin and Yang philosophy incredibly crisp, for example, in temples, three gorges, hero worship, Doan van object to be worshipped in the eel is the hero of Doan van Located was very solemn and formal, but besides that there shrine Temple, Marble Lady this is not the hero's wife, Doan van Located that is in her mind Free to represent Kim, Wood, Fire, Water, Earth, most of the other House as well, as Mr. Tran Tan Dinh Cathedral Nearby Upper side but also the marble Lady shrine or family Blessed Lu the God Emperor Obliged Porcelain but next to worship a shrine Marble Lady very classy, that shows very clearly the philosophy of yin and Yang in consciousness of people free ... Meaning that bold unique culture of more traditional ethnic Vietnamese.

Besides, the author also learn the real situation taking place in ruins, unlike the previous research regarding relics, most of the authors are only focuses on one aspect of any temple that hand out research a system temple of tourism resources of the Moreover, the subject in advance just to point out the disadvantages and solutions of your own self, not to mention the solutions already available that rely upon it to produce a viable solution. This time, the subject of the author neither of the mentioned measures have been suggested previously that the author did SWOT analysis to based on these characteristics, strengths, with natural and tourism resources, tourism resources Humanities extremely extremely rich and diverse, that has created a lot of opportunities to Bien Hoa to developer in all aspects in order to promote the economic

development of the whole region. But besides that, Bien Hoa are encountered not a few restrictions and major challenges, especially in the extraction of natural tourism resources and tourism resources of Humanities for inclusion in tourism especially put in systems of Bien Hoa on the developed cultural tourism the author, based on the SWOT analysis which draw out efficient measures, based on the proposed measures, these measures would have done and haven't done to find out the pros cons of them aimed at specific orientation to authors have solid base to these measures so that the logical, can wield in a way the most effective in the conservation and management of the temple.

A new point in the subject, which was previously the only other projects stopping at the level outlined the restrictions and conservation solutions, rather than no disambiguation will bring monuments family on the development of the system for temple travel, in this study, based on the material collected and the process of finding the material field fillthe author had the idea that set the tour online in conjunction with the introduction of the family into the tour, the tour designs line of intra and inter, which aims to develop a love of travel. So, with these measures and convincing to put temple relics for tourism, the author believes that this financial Empire would be an interesting research and scientific value.